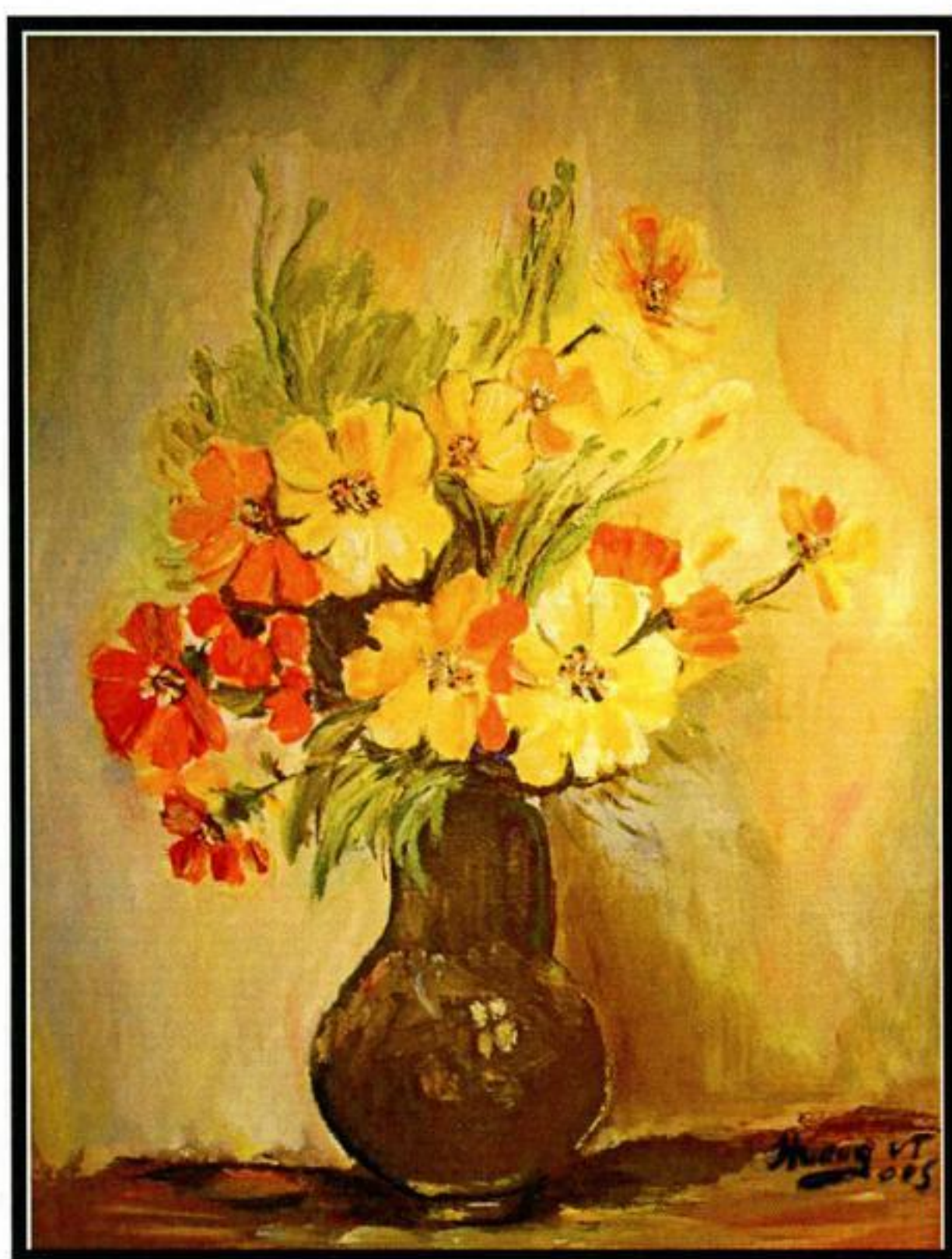


Viết & Đọc



Tuyển Tập 2006

Viết & Đọc
Tuyển Tập 2006



Viết & Đọc

www.vietdoc.net

Thực hiện

Đinh Ngọc Cần, Dương Kim,
Thanh Hiệp, Đặng Bản, Phạm Gia
Lộc, Nguyễn Ngọc Thuận.

góp bài

Hoài Mỹ, Dương Kiên, Tâm Thanh,
Khánh Hà, Cổ Ngự, Đặng Trình,
Cung Vĩnh Viễn, Dương Kim,
Mạch Nha, Đoàn Mai Tâm, Phạm
Tín An Ninh, H.K, Thi Hạnh,
Bình Sa, Nguyễn Tiến Thành, Lê
Nguyên, Nguyễn Văn Thà, Trần
Thụy Minh, Phan Thị Ngôn Ngữ.

Bìa Sau:

Tuổi Thơ
Vũ Thị Hương

bìa: Mùa Thu Tròn Đầy
Vũ Thị Hương

liên lạc

vietdoc@start.no

hoặc

Đinh Ngọc Cần
Utholtn 46E
1053 Oslo, Norway

Tuyển Tập Viết & Đọc không phải là tiếng
nói của đoàn thể hay bất kỳ tổ chức nào.
Mọi chi phí ấn loát do sự đóng góp của các
thân hữu và bạn đọc.

mục lục

Ngổ	Ban thực hiện	3
Chó trong văn chương truyền khẩu	Hoài Mỹ	4
Buổi tôi về. Đôi giày cũ	Khánh Hà	5
Đi trề: phải chăng là văn hóa ?	Thi Hạnh	6
Cách trở	Lê Nguyên	7
Một mình qua phố	Đoàn Mai Tâm	8
Tình buồn. Mắt khép	H.K	12
Một góc Việt Nam	Dương Kiên	13
Sáu mươi đối bóng.	Cung Vĩnh Viễn	16
Tình già. Quét lá mùa thu	Cung Vĩnh Viễn	17
Ôi! Em yêu	Bình Sa	21
Những nẻo thu xưa	Đặng Trình	22
Những điều ước mơ	Phạm Tín An Ninh	23
Tuổi thơ con là chỗ ngoại nằm	Phan Thị Ngôn Ngữ	29
Cười	Lê Nguyên (sưu tầm)	30
Nghĩ vụn trong chiều hôm	Cung Vĩnh Viễn	32
Câu chuyện một người mẹ	Dương Kim (dịch)	36
Ra đời khi thành phố hấp hối	Tâm Thanh	43
Uống công	Thi Hạnh	46
Đêm Lhasa đến những vô cùng	Mạch Nha	47
Rượu tỏi, công dụng chữ bệnh	Lê nguyên	56
Trang thơ	Nhiều tác giả	58
Quế hoa	Nguyễn Văn Thà	60
Giới thiệu sách	Ban thực hiện	65
Lá thu buồn (nhạc & lời)	Trần Thụy Minh	73

Ngỏ

Bạn thân mến

Mùa Xuân về, mùa của những cánh thiệp với những lời chúc tốt đẹp nhất gửi cho nhau, mùa của những cuộc viếng thăm, của những cuộc tụ họp người Việt khắp nơi với những trò chơi truyền thống đón mừng Tết.

Hòa trong niềm vui rộn ràng đó, các anh em ban thực hiện Tuyển Tập Viết&Đọc đã nỗ lực làm việc để kịp ngày đầu xuân trao đến quý bạn món quà Tết gồm những sáng tác trong năm của những cây viết phần nhiều đang sống ở Na Uy.

Tuyển Tập đang trên tay bạn đánh dấu năm thứ 8 Viết&Đọc hiện diện như là một nhịp cầu nối kết giữ người viết và người đọc. Tám số báo không phải là nhiều, nhưng một phần nào đã phản ánh được tâm tình của người viết và người đọc qua nhu cầu viết và đọc tiếng Mẹ. Người viết đã tin cậy gửi cho Viết&Đọc những sáng tác ưng ý nhất và người đọc đã luôn theo dõi, đón nhận nhiệt tình. Viết&Đọc xem đó là thành quả khiêm tốn trong thời gian qua, là món quà tinh thần vô giá mà quý bạn viết và bạn đọc dành cho ban thực hiện. Và đó cũng là động lực duy nhất thúc đẩy anh em ban thực hiện duy trì Viết&Đọc.

Tuyển Tập Viết&Đọc vào dịp Xuân Bính Tuất bao gồm: chủ đề xuân như *Chó Trong Văn Chương Truyền Khẩu* của Hoài Mỹ; một chút suy tư về cái tật của người Việt như *Đi Trễ: Phải Chẳng Là Văn Hoá?* của Thi Hạnh; tâm tình của một người sống ở thủ đô Oslo gần tròn hai mươi lăm năm như *Một Minh Qua Phố* của Đoàn Mai Tâm; thân phận như *Sáu Mươi Đôi Bóng* của Cung Vĩnh Viễn, và còn nhiều nữa....Xin mời bạn tiếp tục! Thêm vào đó là phần giới thiệu những tác phẩm vừa mới phát hành trong năm của các nhà văn Việt ở Na Uy, hoặc đã từng gửi bài cho Viết&Đọc để các bạn tiện theo dõi và tìm đọc.

Trước khi chúng ta mở trang kế tiếp, một lần nữa chân thành cảm ơn quý bạn Viết, bạn Đọc cùng các văn thi sĩ xa gần đã ủng hộ tinh thần cũng như vật chất.

Mến chúc các bạn một mùa Xuân hứng thú và đầy ắp kỷ niệm đẹp.

Ban Thực Hiện

Chó trong văn chương truyền khẩu

Hoài Mỹ



Chó, con vật gần gũi nhất với người. Tuy nhiên không sử sách nào ghi nhận người và chó "sống chung hòa bình" với nhau từ bao giờ. Cứ theo thuyết tiến hóa mà đoán hẳn chó được người chấp nhận cho vào nhà phải sau thời kỳ con người đã đoạn tuyệt giai đoạn ăn lông ở lỗ, nghĩa là đã biết xây dựng gia đình, xã hội. Vào thời tiền sử đó, chó vẫn chỉ là loài thú hoang. Khi đi săn, cô nhân tóm bắt cứ động vật nào để mang về làm kế sinh nhai, trong đó dĩ nhiên có chó rừng. Những lần ăn thịt không hết, người ta phải buộc lại hoặc nhốt cũi các con vật thặng dư ấy hầu "tích... nhục phòng cơ"! Chó vốn thông minh hơn các loài khác nên thích nghi được với môi trường mới dễ dàng. Người thấy vậy, thích lắm, bèn dần dần thả lỏng chó ra. Vì quen hơi người và quen được cho ăn tận mồm, chó không những chịu "dừng bước giang hồ" mà còn hồ hởi ở lại trong nhà với chủ. Thế là một trang sử có hậu giữa người và chó thành hình!

Nhưng tại sao loài vật này lại có danh xưng là "chó"? Ấy cũng do tiếng kêu của chúng. Theo thiên ý, khi còn là thú hoang, loài này chưa biết sủa mà chỉ tru thôi. Người Việt mình, đặc biệt ở miền Bắc thường không phân biệt âm /tr/ với âm /ch/, thành ra khi phát âm "tru" lại như "chu" vậy. Nghĩa của tiếng kêu âm ỉ tuy viết "tru

tréo", nhưng giọng địa phương (dialect) phát âm thành "chu chéo" để rồi lâu dần hai âm "chu" đặc biệt "chéo" hòa hợp mà biến thành... "chó" khi nào không hay!

Ngoài tên "chó", gia súc này còn mang một số biệt danh khác, như "cây". Thật ra đây là kết quả của một lối chơi chữ rất độc đáo của ông cha mình, bắt nguồn từ Hán tự "mộc tồn". "Mộc" có nghĩa là cây; "tồn" là còn. "Cây còn" đọc lái là "con cây". Đến thời Pháp thuộc, trong những trận kháng chiến chống thực dân, dân ta thường hô khẩu hiệu: "Hạ cờ Tây!". Tiền nhân vốn sẵn đầu óc châm biếm và hài hước nên một dịp nữa lại nói lái câu này thành "hạ cây tơ!", tức là làm thịt chó non mà... đánh chén!

Người ta còn gọi chó là "cẩu", nhưng danh từ này không thông dụng lắm, hay nói đúng chỉ được dùng trong ý nghĩa mỉa mai, nhục mạ. Thí dụ: Cẩu đạo (ăn trộm, kẻ khoét vách chui vào nhà người ta mà lấy của), Cẩu hạnh (tính xấu như chó, lòng dạ chó má!), Cẩu trệ (chó heo. Tiếng chửi: Đồ cẩu trệ!) v.v...

Từ Nôm chó cũng đồng nghĩa với Hán tự "khuyển". Trong cổ văn từ khuyển vẫn được ghép với tên của một con vật khác và thường mang ý nghĩa tiêu cực,

(tiếp theo trang 18)

Thơ Khánh Hà



Buổi Tôi Về

Em ở đó xin em đừng thay đổi
Mai tôi về còn biết lối tìm em
Giờ còn gì trên những lối đi quen
Thành phố cũ không gian xưa mất hết
Hãy tưởng tượng buổi tôi về ngơ ngác
Đi tìm hoài không thấy một người thân
Tan tác về đâu bè bạn xa gần
Chỉ còn đó một đám đông lạ mặt
Đã bao lâu thôi không còn ai nhắc
Tên ngôi trường, tên con phố của tôi
Bụi cây xanh, viên gạch cần đầu rồi
Hoa giấy tím còn đâu vòm cổng nhỏ
Nhà của tôi xưa bây giờ ai ở
Mà mờ xưa giờ xiêu lạc nơi đâu
Tà áo ai tha thướt gió qua cầu
Thôi tất cả chỉ còn là hoài niệm
Quãng đời xưa tôi trở về tìm kiếm
Sao tôi thành xa lạ giữa quê hương
Em ở đâu ngang dọc những nẻo đường
Em là chút quê hương tôi sót lại
Xin cảm ơn em-vẫn-còn-mãi-mãi
Cho tôi về gặp lại thuở-tôi-xưa

Đôi Giày Cũ

Đôi giày con cũ kỹ
Nằm im trong góc nhà
Tường chừng con còn đó
Như những ngày nào xa

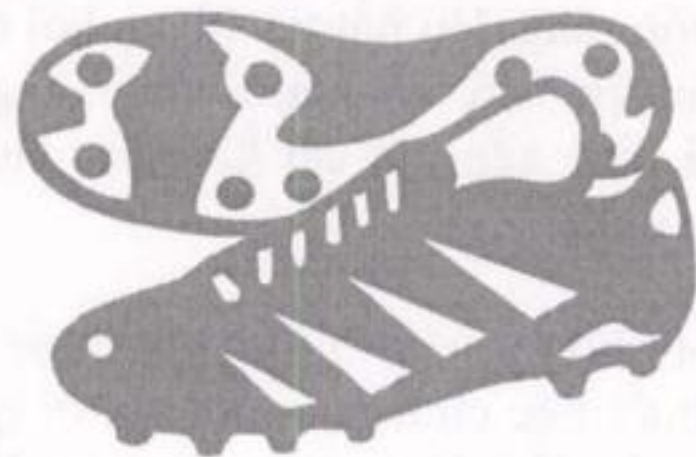
Con đạp xe nghìn vòng
Mắt long lanh, má hồng
Tóc mai mờ hôi ẩm
Nhạc vang vang trong phòng

Bây giờ nhạc im tiếng
Chiếc xe buồn lặng thinh
Giày nằm co nhớ chủ
Nhớ đôi chân vô tình

Con đi không ngoảnh lại
Không một chút đau lòng
Bỏ quên đôi giày cũ
Bao giờ con nhớ không

Ừ thôi con không nhớ
Con sẽ chẳng đau lòng
Cứ như dòng nước chảy
Nhớ làm gì bến sông

Nằm ngoan đôi giày cũ
Ở đây với mẹ hoài
Sớm tối nhìn đôi giày
Tưởng như con còn đó



Đi Trễ : phải chăng là văn hoá ?

(viết theo ý một người bạn bản xứ)

Thi Hạnh



Tôi đến địa điểm lúc 2 giờ chiều y như trong thiệp mời đã ghi. Tôi đảo mắt nhìn quanh, thấy hội trường quá ư vắng vẻ, chỉ thấp thoáng vài ba người trong ban tổ chức đang lo điều chỉnh âm thanh. Tôi lấy tấm thiệp mời ra coi lại, vì e mình lầm lẫn giờ giấc. Con số 14 giờ hiện rõ trên tấm thiệp nên không dễ gì lầm. Kéo chiếc ghế ở một góc phía cuối hội trường, tôi ngồi quan sát những diễn tiến xung quanh.

Mười phút trôi nhanh, thêm một vài gia đình đã đến. Họ bước vội vàng vào bên trong cánh cửa phòng bếp và đặt đĩa thức ăn trên tay xuống bàn. Một người phụ nữ đứng tuổi bắt đầu trải bàn và nấu cà phê. Hội trường dần dà đông hơn, và không khí trở nên rộn ràng. Họ bắt tay nhau, hỏi thăm và trò chuyện. Một vài người lăng xăng tìm kiếm cái này, xếp đặt cái kia cho chương trình văn nghệ.

Tôi nhớ lại năm trước, khi được mời đến dự buổi tiệc cưới của một người quen. Tôi cũng đã đến đúng giờ, và cũng đã rơi vào tình trạng đợi chờ như hôm nay. Bụng

tôi còn cào đánh trống. Đáng lẽ thì tôi đã ghé ăn trưa với một người bạn cùng sở, nhưng nghĩ mình sắp ăn tiệc nên thôi. Nói chuyện qua loa và uống vội vàng ly cà phê, tôi chia tay người bạn và đến đây, chờ đợi. Khi bụng tôi khua nhịp trống dạo hết mấy bản liên khúc thì hai họ mới bắt đầu chào quý khách. Xong phần giới thiệu, liếc nhìn chiếc đồng hồ trên tay, trễ hơn giờ đã ấn định hơn một tiếng.

Trên sân khấu, người giới thiệu chương trình đã tuyên bố khai mạc. Mọi người trang nghiêm đứng lên để chào quốc kỳ. Liếc vội chiếc đồng hồ trên tay, đúng 3 giờ. Bước vào phần văn nghệ, mọi người cười cười nói nói rộn rã hơn. Tôi kể tai hỏi nhỏ một người Việt Nam ngồi bên cạnh :

- Mấy giờ rồi thưa anh, vì hình như đồng hồ tôi bị chết.
- 3 giờ rồi anh ạ.
- Tôi tưởng chương trình bắt đầu lúc 2 giờ kia mà.
- Thưa vâng, thiệp mời ghi hai giờ, nhưng người Việt Nam thì hay quen xài đồng

hồ dây thung.

Anh ta cười cười như nửa đùa nửa thật, và tôi cũng cười theo. Trao đổi thêm vài câu chuyện với anh ta, tôi mới hiểu ra là một số người Việt Nam có thói quen đi trễ. Nhưng lạ là ở chỗ họ không cảm thấy ngại ngùng và có lỗi khi để người khác chờ mình. Họ vẫn ung dung và mười lần như mười. Có lần tôi thắc mắc:

- Thế sao gia chủ không bắt đầu khai mạc đúng giờ, như một hình thức tôn trọng những người tới sớm, mà lại chờ những người tới trễ?
- Họ cũng muốn lắm chứ anh, nhưng đa số hơn thiểu số, và những người đến trễ lại chiếm phần đa số.

Đó là câu trả lời tôi nhận được, nhưng theo kinh nghiệm của riêng tôi thì không phải thế. Sở tôi làm cũng có vài người Việt Nam, họ luôn luôn đúng giờ và rất chăm chỉ trong công việc. Có lẽ những người này thuộc thiểu số đúng giờ chăng? Nếu đa số đều không giữ đúng giờ giấc, và trăm lần như trăm, vậy họ bị đuổi sở hết còn gì. Tôi bỗng đưa ra một kết luận cho riêng mình: khi đi làm thì họ rất đúng giờ, vì nếu không sẽ bị đuổi sở, nhưng những lúc đi đến những nơi hội họp thì chính họ lại luôn luôn đến trễ. Tôi vẫn không hiểu tại sao.

Có một lần, tình cờ trong một phòng mạch của một vị bác sĩ người Việt Nam. Một phụ nữ khá đúng tuổi tới trễ hơn giờ hẹn, thay vì hẹn giờ khác cho bà thì bác sĩ lại cảm phiền tôi chờ thêm một chút. Tôi sẵn lòng, nhưng hơi tỏ ra thắc mắc thì vị bác sĩ giải thích:

- Hình như tới trễ đã trở thành thói quen của người Việt Nam, nhất là những người lớn tuổi, nên anh thông cảm cho. Đối với những người trẻ, thì tôi có thể yêu cầu tôn trọng giờ giấc, nhưng với những người lớn tuổi thì tôi khó xử lắm, vì họ không quen bị yêu cầu.

Tôi bàng hoàng. Không biết từ bao giờ người Việt Nam đã có thói quen đi trễ,

và không biết đi trễ có phải là văn hoá hay không...?

Thi Hạnh

Cách trở

(gởi tặng Hiếu khi đang yêu một người ở xa)

Ở hai đỉnh đầu xa cách nhau
chúng mình hai đứa, hai nỗi sầu
bốn mùa theo nhau, tình nhung nhớ
người ở phương xa bỗng ngậm ngùi

Anh viết bài thơ riêng tặng em
tình anh gởi gió, theo mây ngàn
cho em tất cả màu hoa biếc
để thấy tình anh, những muôn phần

Trời đã lập đông em có hay?
cô đơn đánh thức kỷ niệm đầu
Em, anh không hẹn nhau tìm đến
kết nối tơ lòng xóa nỗi đau

Dù ở bên này không có nhau
anh luôn ghi nhớ lời nguyện cầu
chẳng hờn chẳng giận khi xa vắng
để mình vững chí chờ đợi nhau.

Lê Nguyên



Một mình qua phố.

Đoàn Mai Tâm



Người đàn ông đứng trên bến thuyền cạnh quốc lộ E 18 - cửa ngõ phía nam dẫn vào thủ đô Oslo - nhìn những chiếc du thuyền người ta đưa về bến, che chắn, cất cho qua mùa đông. Những chiếc du thuyền được cột dây neo ngay hàng thẳng lối nằm san sát cạnh nhau choán cả một khoảng biển rộng. Ông chợt nhớ ra rằng tại bến thuyền này lần đầu tiên trong cuộc đời ông nhìn thấy cảnh tuyết rơi mịt mù. Hôm ấy, ông ngồi trên chuyến xe của cơ quan S.A.O đón người tị nạn từ phi trường Fornebu về ngang qua đây. Đã hẳn là ông nhìn thấy tuyết rơi khi phi cơ vừa ngừng bánh trên phi đạo, thế nhưng ở nơi đây tuyết cùng với hơi nước phủ lên những con thuyền im lìm nằm dưới bến tạo cho ông một cảm giác mạnh, ấn tượng cho đến mãi tận bây giờ.

Rời bến thuyền, vào sâu trong thành phố, các di tích đồng loạt lên tiếng nói cho ông hay rằng, thời gian ông có mặt ở nơi đây lâu bằng một phần tư thế kỷ. Ông đứng trên đường Karl Johan, con đường nối liền dinh vua ở phía nam đến nhà ga trung ương ở phía bắc thành phố. Đường xe điện bao năm ngự trị trên con đường này, bây giờ đã dời đi nơi khác, thay vào đó, con đường

được lát đá một đoạn dành riêng cho người đi bộ. Đây là con đường lần đầu tiên ông đi dạo phố Oslo, đúng hơn, dạo phố tập thể. Hôm ấy, cách cái ngày ông được nhìn tuyết ở bến thuyền khoảng vài tuần, cô Bente dẫn một đám hơn chục người, từ S.A.O dùng xe điện số 1 vào phố. Người Na Uy trên xe, trên đường phố ai cũng hướng mắt nhìn về đám người lố nhố trong đó có ông. Cái làm cho người ta phát giác ra đám người kỳ lạ này là những chiếc áo khoác mùa đông dày cộm cùng màu và cách ráp nối y hệt nhau; đám đông của ông trông giống như một bầy chim hoang sà xuống mặt đường phố. Và cũng trên con đường này, cách cái ngày đi dạo tập thể đó không lâu, một mình ông đứng ngẩn ngơ, ngóng đợi, may ra gặp người đồng hương để hỏi thăm chỗ mua cây đàn guitar, bằng số tiền túi S.A.O phát cho mỗi tuần mà ông vừa gom góp được.

Người đồng hương ông gặp hôm ấy, tưởng ông là một tay nghệ sĩ nhà nghề, nên đã chỉ cho ông toàn những thứ xịn, vượt xa khỏi túi tiền, mặc dù ông đã luôn miệng nói là mua loại xoàng để tập thôi. Cây đàn lúc ấy đã giúp ông lần mò, gom góp lại được

những tiếng đàn guitar mà ông và bè bạn đã từng rải trong những đêm khuya ở ngã gác cuộc đời, nhưng đã từ lâu nó trở nên bất lực nằm im trong bao, lắng sâu dưới nhiều lớp bụi trên nóc tủ. Bây giờ đứng trước chỗ mua cây đàn, ông lại nhớ đến nó với vô vàn cảm xúc pha đầy nỗi đam mê.

Đường Karl Johan còn là nơi ông thường đứng nhìn đoàn diễu hành dài như vô tận ngày quốc khánh 17 tháng Năm, hằng năm. Đoàn diễu hành gồm cả hàng trăm đội kèn, chuyên nghiệp có, tài tử có, người lớn, trẻ em với quần áo cổ truyền hay thời mới, và mang theo đủ mọi loại kèn trống; họ kéo về từ các cơ quan, từ các hãng xưởng và đông nhất là từ các trường tiểu, trung, cao đẳng và đại học trong thành phố và các vùng phụ cận. Mở đầu cuộc diễu hành thường là ban nhạc của hoàng gia trong bộ quần áo dạ màu đen có sọc và viền màu kim tuyến trịnh trọng nghiêm ôm những chiếc kèn đồng, có cái cao to quá đầu người và óng ánh màu đồng, thổi bản quốc ca cùng những bản nhạc hùng tráng nhất, làm tung bừng không khí thủ đô, và, qua các đài trực tiếp truyền hình, lan ra cả nước. Có những lần nhập vào đoàn diễu hành theo sau các đội kèn, ông cùng đứng lại trước tòa nhà quốc hội để đón lấy những cái vẫy tay chào của vị chủ tịch quốc hội, và đi xa hơn nữa tới trước cung điện nhà vua nơi các đội kèn lần lượt trở tài biểu diễn những bài hay nhất của đội mình trước khi theo đoàn diễu hành đổi hướng vòng trở ra. Trên cái ban công cao trước cung điện, nơi đức vua đứng trong suốt cuộc diễu hành, ông đã chứng kiến sự thay đổi hai đời vua; vua Olav V, vị vua nổi tiếng là nhân từ và bình dân. Ông được nhìn ngài đứng ở đây cả bảy tám lần quốc khánh. Ngày đức vua băng hà, ông đã cùng đoàn người đến đây đốt nến và đứng im nhìn muôn vàn ngọn nến rung rung trong màn tuyết. Ông nhớ lại bà thủ tướng Gro Harlem Brundtland lúc bấy giờ đọc trong bài diếu văn rằng: "... những gì Thượng Đế mong muốn con người làm trong cuộc đời này, đức vua đã làm được tất cả...".

Song song và cách Karl Johan một con đường về hướng tây là đường Høyesterett nơi có tòa án tối cao. Tòa nhà được xây bằng những khối đá khổng lồ xếp chồng chất lên nhau, trải dài từ ngã tư đường bên này đến ngã ba đường phía bên kia. Tòa nhà dài và rộng đến mấy trăm mét mà chỉ có một cửa ra vào, tạo cho khách bộ hành có cảm giác đang đi dọc theo một dãy trường thành.

Khoảng cách từ chân tường tòa án đến lòng đường rộng hơn hai chục mét, được lát bằng những phiến đá màu nâu đỏ. Trong những ô vuông trông đều đặn được trồng cây, kết lại thành hai hàng song song với lề đường. Thân cây thẳng và bị cắt ngang ngọn ngay khi vừa cao quá đầu người tạo ra ở đó vòm lá xoe tròn, trông toàn thân cây giống như một cái lọng. Cánh cửa ra vào độc nhất cao to và kiên cố, hiếm khi thấy mở ra. Phía ngoài cửa chính, có hai bức tượng; tượng của ông Pål Berg ở bên phải và tượng của ông Rolv Ryssdal ở bên trái. Trước đây đã có thời gian ông đi làm qua lại đây ngày hai buổi, thế mà ông cứ cảm cái rượt đuổi theo kim đồng hồ chẳng hề để ý đến hàng cây với nghệ thuật cắt tỉa công phu cùng với những thành tích của hai ông được khắc trên trụ đá. Cho mãi đến bây giờ, ông mới biết cả hai ông từng là luật sư tối cao pháp viện, và riêng ông Rolv Ryssdal còn là chủ tịch tòa án nhân quyền quốc tế cho đến khi qua đời. Ông Pål thuộc thế hệ cha chú của ông Rolv, khi ông Pål về hưu thì ông Rolv tiếp nối. Một sự trùng hợp làm cho ông vô cùng sửng sốt, đó là thời gian ông Rolv Ryssdal "vui chơi trong cuộc đời này" vừa bằng thời gian với bố ông: cũng sinh ra vào năm 1914 và ra đi khỏi cuộc đời này vào năm 1998. Có lẽ vì thế mà ông cảm thấy gần gũi với ông Rolv Ryssdal lạ lùng. Ông thấy mũi của ông Rolv cao to, màu đồng ở chỗ ấy mọng đỏ và đôi mắt như đang lim dim nhìn ông. Nhìn tượng ông Rolv Ryssdal hồi lâu, ông nhận ra rằng bức của ông Rolv chỉ có cái đầu, còn cái cổ thì lại bị gắn thẳng vào bệ đá, và ông cứ thầm trách nhà điêu khắc là tiếc chi một chút đồng mà không làm cho ông Rolv thêm cái áo veston và thắt cho ông cái cà ra vạt giống như ông Pål Berg.

Song, rất có thể đây là sự sáng tạo của nhà điêu khắc, vì dù sao tượng ông Rolv Ryssdal có đường nét sắc sảo, rất sống động.

Ra khỏi tòa án tối cao, tới ngã ba đường Grubbe rẽ tay trái khoảng dăm trăm mét là dinh thủ tướng. Tòa nhà này, trong thời gian ông có mặt ở đây đã diễn ra 8 lần thay đổi chính phủ với 6 vị thủ tướng, từ ông Kåre Willoch cho đến ông Jens Stoltenberg vị thủ tướng hiện thời.

Trước dinh thủ tướng là công trường mang tên ông Einar Gerhardsen. Ông Einar Gerhardsen có lần bị bọn Đức Quốc Xã bắt đưa về Đức giam giữ, nhưng rất may cho ông, người con của đất nước hiền hoà mà ông chưa bị đưa vào lò hơi ngạt, lò thiêu để rồi sau cuộc đại chiến thế giới lần thứ hai ông trở lại quê hương tiếp tục sự nghiệp chính trị và làm tới chức thủ tướng đến mấy nhiệm kỳ.

Qua công trường, tiếp tục đi trên con đường Grubbe khoảng vài trăm mét là thư viện quốc gia Deichman mà cổng chính nằm trên con đường đi bộ phía bên tay trái. Khoảng sân rộng trước thư viện là phần trên của sở cứu hỏa thành phố, đúng ra là sân thượng nhưng vì nối liền với các cây cầu lại có bồn trồng cỏ và hoa nên người qua lại lơ đãng không hề nhận ra nó. Sân cỏ này từng là điểm hẹn cho ông đưa đón mấy đứa con học tiếng Việt vào mỗi mùa hè khi chúng còn nhỏ. Thời gian ấy, ông là người khách quen của thư viện này; và đã có lần người quản thủ sách tiếng Việt dẫn ông vào kho, chỉ cho ông xem khối lượng sách tiếng Việt rất lớn nhập vào thư viện mỗi năm. Ông rất sùng sốt hỏi người quản thủ, tại sao sách tiếng Việt được mua nhiều hơn các ngôn ngữ khác như vậy? Người quản thủ thư viện nói là, họ căn cứ trên số lần mượn sách ở thư viện mỗi năm để mua, mà người Việt nam đến thư viện đọc và mượn sách nhiều hơn các sắc dân khác, nhiều gấp sáu lần hơn người Na Uy. Ông chưa kịp mừng tròn vẹn trước một thông tin phấn khởi, thì người quản thủ đã nói thêm rằng, số lượng sách này sẽ hao hụt đi hơn một nửa sau lần cho mượn đầu tiên. Điều đó có nghĩa là người Việt nam mượn

sách thường hay quên, không đem trả lại cho thư viện, hay nói thẳng ra là ăn cắp.

Góc vuông bên phải, giữa con đường đi bộ từ thư viện và đường Aker là nhà thờ Tin Lành Trefoldighet, nghĩa tiếng Việt là Đức Chúa Trời Ba Ngôi. Ngôi thánh đường này vừa được tu bổ lại trong một thời gian khá dài, nhưng chẳng thấy nó thay đổi chút nào: vẫn ngọn tháp vươn cao, vẫn mái vòm củ hành, vẫn màu gạch nâu sẫm như có rêu phủ. Tại những bậc đá phía ngoài cửa chính cuối nhà thờ là nơi ông thường đứng đón đoàn biểu tình đi ngang qua đường Aker hướng về trụ sở quốc hội và toà đô chánh vào những ngày 30 tháng Tư thập niên tám mươi trong cao trào chống Cộng Sản của người Việt nam ở đây thời đó.

Nhưng bên trong ngôi thánh đường, ông chỉ mới được bước vào cách nay vài tuần trong một dịp rất hi hữu, ngày lễ tấn phong cho vị giám mục mới của giáo phận công giáo Oslo. Ngôi thánh đường xây theo kiểu cổ không còn hợp với nghi lễ Công giáo nữa, nhưng nó vẫn được chọn làm nơi cử hành nghi lễ, vì thánh đường đủ rộng cho số lượng người quá đông mà nhà thờ chính toà của Công Giáo thánh Olav không thể chứa nổi. Vị tân giám mục được tấn phong hôm ấy tên là Bernt Eidsvig được người ta biết đến nhiều qua vụ ngài liên hệ, giúp đỡ thuốc men cho nhóm người Nga lưu vong nên bị KGB, cơ quan mật vụ của Cộng sản Liên xô bắt giam tại Mạc tư khoa năm 1978 khi còn là sinh viên.



Tân giám mục Bernt Eidsvig

Ngài đã nếm mùi tù tội hơn 3 tháng,

chính xác hơn là 101 ngày, và nhờ sự can thiệp của bộ trưởng ngoại giao Na Uy lúc bấy giờ ngài mới được thả ra. Chính thời gian bị tù đầy mà đời sống Đức Tin của ngài thay đổi sâu xa, để rồi chưa đầy 4 năm sau đó, ngài trở thành một linh mục công giáo. Hình ảnh vị tân giám mục Bernt Eidsvig quỳ trước mặt hai vị tiền nhiệm của mình là Gerhard Schwenzer và John Willen Gran trong giờ phút tấn phong làm cho ông bồi hồi, vì ông đã ở trong giáo phận này trải qua ba thời giám mục.

Nhà thờ chính toà St. Olav cùng nằm trên đường Aker và cách nơi cử hành lễ tấn phong không xa, nơi ông có nhiều sự gắn bó trong các sinh hoạt và lễ nghi tôn giáo. Đã bao lần ông đứng trên bậc đá ngoài cửa chính nhà thờ này hơn hờ chụp hình với các em nhỏ trên tay vừa chịu phép rửa tội, hay với những đứa con trai, những đứa con gái trong lứa tuổi đẹp nhất vừa chịu phép thêm sức, hoặc với cô dâu chú rể nồng nàn, đầm thắm, và cũng đã bao lần ông đứng đây nhìn người ta khiêng những cỗ quan tài đặt vào trong lòng những chiếc xe tang, và trong số đó có chuyến xe mang cỗ quan tài bà Annette Thomassen. Ông không thể nào quên được những dây hoa đặt dài từ trong lòng nhà thờ lan ra tới ngoài cửa chính, và khối người đông đảo hôm ấy phần nhiều là ngoại kiều da màu trong lễ an táng của bà. Họ khóc bà, như khóc thương một người máu mủ ruột thịt thân yêu của mình.



Bà Annette Thomassen.

Bà ra đi do bệnh và tuổi tác như bao kiếp người, nhưng họ khóc thương bà nhiều đến như vậy là vì lòng xót thương

người của bà cao, đến độ, nhiều lúc trong cuộc đời bà không sợ chết. Ông nhớ lại lúc bấy giờ, vào đầu thập niên chín mươi, Na Uy cũng như các nước phương tây khác đã quá mệt mỏi với dòng người di cư tị nạn, tìm mọi cách tránh né và khur khur kềm chặt lấy cánh cửa biên giới thì một mình bà đẩy ngược lại, kiên trì tìm cách cứu giúp những người còn kẹt lại; bà chẳng hề sợ những phản tử quá khích hăm he, dọa nạt đời ” làm thịt bà”.

Trước bậc thềm cuối nhà thờ chính toà St. Olav là ngã năm đường, ông chẳng biết chọn ngã nào. Chẳng phải ông không biết đường đi, mà mỗi bước chân đi khơi dậy quá nhiều mảnh đời mà Oslo đã âm thầm góp nhặt cất giữ cho ông qua ngót một phần tư thế kỷ, nhiều đến nỗi ông chẳng biết sẽ đến nơi đâu nữa. Nếu ông còn được tiếp tục ở đây thêm dăm năm nữa thôi, thành phố này sẽ là nơi ông ở lâu hơn cả, hơn cả trên quê hương của ông, và xem ra sẽ là nơi ông ở lâu nhất trong cuộc đời này.

Ông đứng trên bậc thềm nhìn các ngã đường tấp nập, rộn ràng. Trên cao, mảnh trăng mờ mờ in trên nền trời xanh trong.

Đoàn Mai Tâm



Thơ H.K



Tình buồn

Một khối tình si, luống ngổ ngang
Đêm đêm về
lặng lẽ đêm sương khuya
và lại nghe
Tâm sự càng ray rứt
Thêm lại nỗi
Ai bi lắm đoạn trường

Tình tuyệt vọng
Tình trôi theo giòng nước
Người vô tình
Người là kẻ không quên

Bao yêu thương
Đành chôn chặt đáy lòng
Lời muốn nói
Lệ đã tràn mi thấm

và ngày tháng
vẫn âm thầm trôi mãi
Nỗi đau này
hằng cửu với thời gian
Nào ai hay
khử, lại bao xuân mộng
Miên viễn sầu
Người mãi mãi... càng xa

Mắt khép

Xuôi tay rửa sạch nợ đời
Sầu vương mắt khép, tìm về hư không
Bước đi dò dẫm ngập ngừng
Con đường phía trước độc hành đơn côi

Người thân lệ đổ nghẹn ngào
Tiễn nhau một chuyến nghìn trùng cách xa
Đau lòng kẻ ở người đi
Gặp nhau đâu chỉ còn là trong mơ

Hôm nào tắt tả ngược xuôi
Lo toan sự thế ngày mai thặng trầm
Ngày nào nói nói cười cười
Mà nay lặng lẽ nơi trời u minh

Ngày nào ấm lạnh bên mình
Ngọt bùi chia sẻ, đoạn trường cô nhau
Giờ thì kẻ trước người sau
Âm dương cách biệt, thuyền đời ra khơi

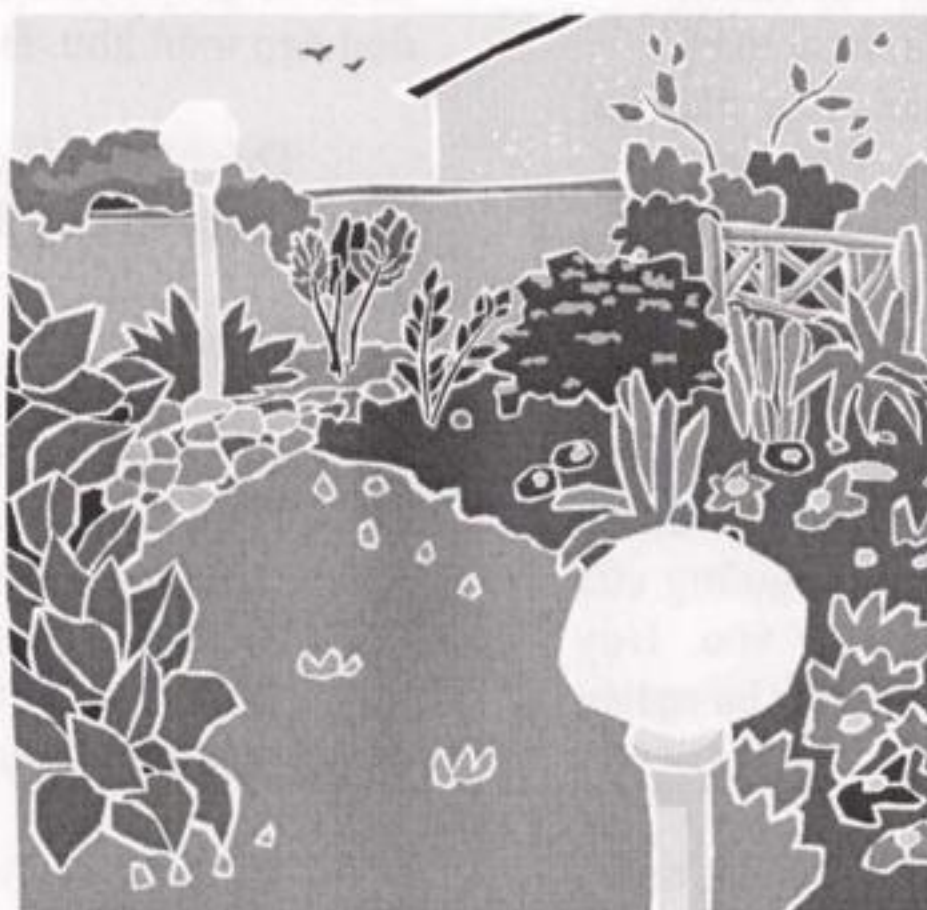
Hương thừa phảng phất rèm thưa
Đáng xưa "còn động" quần quanh bên hè
Nay người muốn thươ xa xăm
Ly tan tử biệt nào mong quy hồi



Một góc Việt Nam

(Viết cho tuổi 15)

Dương Kiên



Gia đình Huy từ hơn một tuần nay nôn nóng chờ đợi đến buổi chiều ngày thứ hai ấy. Đúng 4 giờ 15 chiều thứ hai tuần sau ông nội Huy sẽ đáp máy bay từ Việt Nam qua để đoàn tụ với gia đình.

Ba má Huy đã làm đơn xin đoàn tụ cho ông từ hơn hai năm nay. Sau bao ngày chờ đợi, tin ông nội được giấy xuất cảnh và sẽ đáp chuyến bay sang Na-uy làm cả nhà vui mừng. Huy còn nhớ chiều hôm ấy đi làm về cầm thư của sở Di Trú ba nói như reo:

- Em ơi, ba sắp qua rồi!

Mẹ Huy đang làm bếp, buông đũa chạy lên nhà:

- Hôm nào anh?

- Thứ hai tới, 4 giờ 15 máy bay đáp.

Cả buổi chiều hôm ấy, ba má cười nói, bàn tính. Nào là sẽ cho em Hoa ngủ chung phòng với ba má nhường phòng cho ông nội. Hoa thích quá, mặc dù đã 6 tuổi, em vẫn đòi ngủ chung với ba má nhưng ba không cho bắt ngủ riêng cho quen. Nào là mua sắm quần áo ấm cho ông sợ “mới Việt Nam qua không chịu nổi khí hậu ở Na-uy”.

Huy rời Việt Nam từ khi mới hơn một tuổi nên không thể nào nhớ ông nội ra sao nếu không được ba má cho xem hình. Ông nội giống ba, hơi gầy, dong dong cao, tóc và râu đều bạc trắng, nụ cười hơi móm.

Em Hoa cứ bám lấy má nói:

- Má ơi cho con đi đón ông nội nhé !

- Ủ, cho cả anh Huy, cả con đi đón ông nội với ba má. Nhớ phải ngoan, khoanh tay thưa “Thưa ông nội mới qua”.

Em Hoa le lưỡi, lắc đầu. Má cười, xoa đầu em.

Rồi ngày ấy cũng tới. Ba má ghi làm ở nhà. Huy đi học nhưng 2 giờ đã tan. Mới hơn 3 giờ ba đã giục má và cả nhà ra xe mặc dù đường ra phi trường chỉ mất hơn 20 phút.

Ông đi máy bay từ ngoại quốc tới nên không thể nào nhìn thấy ông trước khi ông qua phòng quan thuế để khám hành lý. Ba cứ đứng nhìn lên tấm bảng ở giữa phòng đợi có những hàng chữ báo máy bay đến. Chuyến bay của ông số SK320 ghé qua Stavanger trước khi đến Bergen. Khi đèn báo máy bay đã đáp, ba reo lên “đến rồi” và chạy ra đến cửa phòng quan thuế,

làm như chỉ mới chớp mắt là ông đã từ máy bay hiện ra ở đó.

Thời gian trôi qua thật chậm, bỗng má reo “Kìa ông nội”, thì ra các hành khách từ ngoại quốc đến phải đi qua một hành lang ở trên lầu có một dãy cửa kính, người đứng dưới có thể nhìn lên được. Ba đưa tay vẫy rít nhưng hình như ông không nhận ra ai vì số người đứng đón đông chật ở dưới. Huy thấy ba rơm rớm nước mắt, nắm chặt tay Huy nói:

- Huy ơi, ông con đây.

Rồi thời gian chậm chạp trôi vì ông đã biến mất vào phòng quan thuế. Thình thoảng cửa phòng mở ra cho một vài người đẩy những xe hành lý đi ra. Khi ông hiện ra ở ngưỡng cửa tự động đóng mở, ba má chạy xô vào. Huy không nghe rõ ba má nói gì, hình như ba nghẹn ngào không nói được.

Má thay ông đẩy xe hành lý, ba dắt tay ông đến chỗ Huy và Hoa. Ba tươi cười nói:

- Thưa ba, hai cháu đây. Các con khoanh tay thưa ông đi.

Huy bạo dạn khoanh tay cúi đầu còn Hoa vẫn đứng ngơ ngác nhìn ông, quên cả lời mẹ dặn. Ông cười hiền từ, xoa đầu hai cháu:

- Ô các cháu lớn quá, lớn hơn trong hình ông nhận được nhiều.

Mẹ Huy khoác chiếc áo dạ lên người ông nói:

- Ba mặc thêm áo kéo ra ngoài lạnh.

Huy quên nói là có cả bác Lý, ba của Tâm ở gần nhà đi đón. Bác Lý mang theo máy thu hình video, thu hết từ đầu, mãi sau mới chạy ra chào ông rồi lại lo chạy ra phía trước thu hình tiếp. Ba cười nói:

- Còn phải chụp hình để gửi về Việt Nam nữa.

Ba má đưa ông ra ngoài bãi đậu xe, trời hừng nắng sau mấy ngày mưa tầm tã. Huy nghĩ thầm: “May quá, trời Bergen cũng biết chiều ông nội mình!”.

Huy đã được thầy giáo giảng nghĩa hai chữ “đoàn tụ” nhưng đến hôm nay Huy mới thật hiểu thế nào là nỗi vui đoàn tụ!

Ông nội Huy may mắn tới Na-uy vào

cuối mùa xuân. Cây cỏ khắp nơi xanh tươi, hoa nở nhiều. Hoa Phục sinh, hoa tu-líp trồng ở các công viên và các khu vườn tư gia đua nở. Mấy cây anh đào lớn sát bờ hồ trung tâm Bergen cũng chỉ chít những hoa.

Một buổi chiều, ba mở thùng thư nhận được tờ giấy của khu chung cư thông báo ngày dọn dẹp toàn khu. Ba nói với má:

- Thứ bảy này em đi chợ với các con, anh ở nhà xuống dọn dẹp với bà con lối xóm.

Ông hỏi:

- Mỗi nhà phải xuống mấy người?

- Thưa ba, cái đó tự nguyện, cứ có người tham gia là tốt.

- Thế thì để ba xuống với.

Má có vẻ không bằng lòng vì nghĩ ông đã già, cần nghỉ ngơi nhưng ba cười bảo:

- Thôi được, ông ở Việt Nam hoạt động quen rồi, qua bên này ngồi không mãi cũng buồn.

Chiều thứ bảy ấy, khi ba và ông cùng mọi người dọn dẹp xong lên rửa tay, ông vui vẻ hẳn lên. Ông kể:

- Người Na-uy tốt quá, thấy ông già cứ cản không cho ông làm. Họ biết đâu ở Việt Nam ông còn làm những việc nặng hơn thế nhiều. Tiếc rằng họ nói gì ông không hiểu, chẳng lẽ cứ mỗi câu lại phải hỏi ba cháu.

Bỗng ông trầm ngâm một lát rồi hỏi Huy:

- Huy này, ở sau nhà có khu đất nhỏ, để cỏ mọc uống quá, nếu mình xin mua cây về trồng không biết họ có chịu không?

Huy chợt nhớ năm ngoái bên khu chung cư đã bàn về chuyện này, thưa:

- Thưa ông, năm ngoái khu chung cư có người gởi thư nói muốn trồng cây ở khu đất ấy, cần người làm đất, trồng cây và tưới bón, ai làm được trả một số tiền nhỏ nhưng hình như không ai nhận vì mọi người đều bận. Năm nay không hiểu họ còn định làm không?

Ông vui mừng đem ý kiến làm vườn ra bàn với ba, đề nghị ba sang nói với bà đại diện

khu, ông sẽ nhận trồng cây và chăm nom khu vực ấy. Ông nhắc đi nhắc lại mãi:

- Ba không lấy công, khu chung cư chỉ phải cung cấp dụng cụ, phân bón, tiền mua cây, nhưng trồng cây phải tùy ba quyết định. Ba chỉ muốn có công việc làm để đỡ buồn bực tay chân.

Ba thấy ý kiến của ông cũng “hay hay” nên không ngần ngại sang nói chuyện với bà đại diện khu rồi vui vẻ trở về thông báo.

- Thưa ba, bà ấy thích lắm. Ba có thể bắt đầu bất cứ lúc nào. Dụng cụ đã có sẵn dưới nhà kho, cần mua gì ba cứ lấy biên lai, khu chung cư sẽ trả tiền lại.

Thế là ngay sáng hôm sau ông bắt tay vào việc. Ông làm đất, nhổ cỏ, lượm bỏ những hòn đá nhỏ, san bằng thành một khu đất sạch sẽ. Huy và Hoa cũng ra phụ ông, nói đúng ra là để quần lấy ông hỏi hết điều này đến điều khác. Ông bốp bốp mấy cục đất trong tay nói:

- Đất ở đây xấu quá, cuốc xuống hơn gang tay là đụng toàn đá mà đất còn chẳng có mùi gì cả.

Huy ngạc nhiên hỏi:

- Đất có mùi hả ông ?
- Ủ, ở Việt Nam cháu có thể ngửi mùi đất, cái mùi ngai ngái, ngửi kỹ hình như thấy thơm thơm nữa. Ở Việt nam đã làm vườn là ngửi mùi đất.

Hoa hỏi:

- Ở Việt Nam ông có vườn hả ông ?
- Ủ, ông có một khu vườn lớn lắm, miếng đất này chả thấm vào đâu. Ông trồng cây ăn trái, mỗi thứ một hai cây để vào mùa nào thì có trái đó.

Hoa hỏi tiếp:

- Ông có trồng táo, trồng nho không ông ?
- Không, nước mình không trồng được các thứ trái cây ấy, nếu có cố trồng thì trái vừa nhỏ vừa chua. Nhưng bù lại mình có những thứ trái cây rất ngon mà ở đây không mua được, hay nếu có cũng vừa đắt, vừa không ngon. Mình có nào bưởi, nào xoài, măng cụt, chôm chôm, sầu riêng, măng cầu, đu đủ...nói mà thêm.

- Cháu thích ăn vải với nhãn đóng hộp.

- Kể ăn cũng được nhưng không ngon bằng cháu ăn tươi trên cây hái xuống. Ông có một cây nhãn ngọt sắc như đường, mùa này chắc đang ra hoa, chẳng hiểu có ai chăm bón cho nó không?

Rồi khu vườn của ông cũng dần dần thành hình. Ông nói ba chờ đến nhà vườn xem cây. Ông trồng một bụi trúc, mấy cây có bông vàng vàng”giống hoa mai”. Hoa thì ông trồng thược dược, cúc vạn thọ, hoa mận soi, hoa bướm bướm... toàn những loại hoa quen thuộc ở Việt Nam. Còn nhớ hôm ông hỏi Huy tên hoa bướm bướm tiếng Na-uy là gì, Huy giải thích:

-Gọi là *stemorblomst* đó ông. *Stemor* là mẹ ghê, hoa mẹ ghê.

Ông cười thành tiếng:

-Lạ nhỉ, hoa đẹp thế này mà gọi là hoa mẹ ghê. Hoa này ở Việt Nam gọi là hoa bướm bướm vì khi có gió những cánh hoa rung động trông như đàn bướm đang bay lượn.

Ông trồng rất mỹ thuật, tuy giản dị tự nhiên mà vẫn đẹp mắt, bà đại diện khu ra xem tấm tắc khen mãi. Những khi ông lui cui làm việc, hàng xóm đi qua ai cũng đứng lại chào và gọi đùa khu vườn của ông là “Vườn Việt Nam”. Có một bà cụ già hỏi Huy:

- Tôi muốn chào ông của cháu bằng tiếng Việt Nam thì chào thế nào?

- Bà nói “Chào cụ”.

Bà cụ đến bên ông nói lớn:

- Chào *cụ*.

Huy bụng miệng cười. Ông lừ mắt nhìn Huy rồi chấp tay chào lại bằng tiếng Na-uy. Khi bà cụ đi khỏi, ông nói:

- Cháu không nên cười như vậy. Người Na-uy phát âm sai tiếng Việt Nam thì có gì đáng cười. Bà cụ muốn chào ông bằng tiếng Việt Nam là tỏ ra rất quý mình, cháu cười thế không phải. Và lại ông nói tiếng Na-uy chắc còn sai đáng buồn cười lắm, mà có ai cười ông đâu nào.

Tuy bị ông mắng như thế, mỗi lần nghe bà cụ chào ông, Huy phải cố nén lắm mới khỏi bật cười.

Một hôm, ba lấy ở thùng thư lên tám chi phiếu nói:

- Thưa ba, khu chung cư gửi trả tiền công ba đã trồng hoa và săn sóc khu vườn.

Ông cau mày:

- Ba đã nói là ba không nhận tiền công mà. Mình làm đẹp cho chỗ mình ở sao lại lấy tiền!

Ba giải thích:

Ở đây họ phân minh như vậy. Ai đã làm đều được hưởng công. Tiền này là quỹ của khu chung cư dùng vào những việc như vậy, ba không lấy họ cũng cứ trả.

Ông chép miệng thở dài:

- Ừ, thì thôi. Để đó rồi ba gửi về Việt Nam nhờ người giúp bọn trẻ nhà nghèo xóm ba ở. Ba đọc báo thấy tội nghiệp lũ trẻ, cũng bằng tuổi thằng Huy con Hoa đây mà chẳng được học hành, rồi mai mốt ra sao!

Huy đứng ở cửa sổ nhìn xuống khu vườn của ông, gió thổi nhẹ làm những cánh hoa bướm bướm, cánh trắng, cánh vàng lao xao như đàn bướm lượn.

Huy thấy ông nhận tiền là phải. Công khó nhọc của ông chẳng những để làm đẹp khu nhà, gây cảm tình của lối xóm với gia đình Huy mà còn là những cuốn vở, những cây bút cho trẻ em nghèo thiếu thốn đủ mọi thứ kia! Hoa bướm bướm ơi, ước gì hoa nở đẹp mãi!

Dương Kiên



Thơ **Cung vĩnh Viễn**



SÁU MƯƠI ĐÔI BÓNG.

Hôm nay vừa chẵn sáu mươi
sáng ra soi mặt cố cười làm duyên
trông hình cũng thấy quen quen
giống như cái thuở thanh niên yêu đời
và như thuở mới yêu người
đam mê ánh mắt nụ cười thắm tươi
sơ mi xanh nhạt da trời
quần màu xám thẫm hợp thời trẻ trung
mọi điều đều nhẹ như không
cánh chim mê mãi lượn vòng trời cao
trăm điều mơ ước dạt dào
vòng tay mở rộng khát khao đợi chờ...

Bỗng dung bóng sập gương mờ
còn ta với một thân già hom hem

Hôm nay chẵn sáu chục năm
dành chai rượu hẹn bạn hiền gần xa
bạn gần cáo bạn không qua
bạn xa thì ngại đường xa tuổi già
thôi thì rót rượu mình ta
mời thêm chiếc bóng cả xa lẫn gần
bóng gần lẫn quần bên chân
bóng xa như áng phù vân lững lờ...

TÌNH GIÀ

Ở trong những lá thư tình cũ
anh viết một câu thật đáng đời :
"cho dù vật đổi sao rời vẫn
nguyện một lòng yêu em mãi thôi."

Cái câu tán tình thời thơ dại
đã vận vào anh trọn kiếp này
hôm nay sáu chục,ngồi ôn lại
những dòng thư cũ vẫn chưa phai.



QUÉT LÁ MÙA THU

Trôi theo mây lạc trong trời rộng
ta tấp vào nơi xó xinh này
núi đá thì cao rừng thì rậm
lòng thì hờ hững tháng năm trôi.

Bốn mùa xuân hạ thu đông ấy
ta cũng đùa chơi cả bốn mùa
chèu thuyền trượt tuyết đi câu cá
ra vườn quét dọn lá vàng thu.

Vàng thu lá đỏ bao nhiêu lượt
ta quét chồng lên lớp lớp buồn
nghe nặng thời gian trên mái tóc
nghe đời cô tịch bóng hoàng hôn.

Hình như có một thời xa lắc
trời đất cỏ cây cũng thắm tươi
nhìn theo tà áo vờn trong nắng
cũng khiến lòng ta cảm động ngây.

Hình như bằng hữu ta nhiều lắm
hồ trường dốc cạn một đêm say
mộng ước vá trời cao chất ngất
tuổi trẻ hoang đàng những trận vui.

Hình như sau cuộc tang thương ấy
tất cả tan tành như khói mây
ngay cả tâm hồn ta cũng vậy
rách tươm trăm mảnh tả tơi bay.

Thì đem thân ăn miền băng giá
quên với sông hồ vui tuyết sương
chợt nghe trong gió lời ai gọi
thấy đập trong tim nhịp khác thường.

Bạn tác bốn phương trời họp lại
những cái tên xưa nhắc nhở nhau
bao nhiêu kỷ niệm thời thơ dại
những bước thăng trầm những biển dâu.

Đêm biển trắng thu đẹp nhiệm màu
rót đầy ly rượu chúc mừng nhau
riêng mày tao thấy y như trước
chỉ có trên đầu tóc trắng phau.

Trở về dưới mái nhà quen thuộc
ta lại ra tay quét lá vàng
quét luôn những tháng năm rầu rĩ
cho mảnh vườn xinh một địa đàng.

Cung vĩnh Viễn.



(Chó trong văn.... tiếp theo)

chẳng hạn khuyến mã (chó ngựa, ý chỉ những kẻ tội tở trung thành tuyệt đối với chủ), khuyến ung (chó và chim mồi, ý nói bày tôi ý thế lực của chủ mà làm cản bậy: "Khuyến, ung lại lựa một bày côn quang"-truyện Kiều.)

Tiêu chuẩn chọn chó: Dĩ nhiên khi nuôi chó, ai lại chả muốn chọn được con khôn. Theo kinh nghiệm của cổ nhân Việt Nam thì:

Chó khôn tứ túc huyền đề,
Tai thì cụp xuống, đuôi thì hơi cong.
Giống nào mõm nhọn, dít vòng,
Ăn cần, cắn bậy, ấy không ra gì!

"Tứ túc huyền đề" nghĩa là cả bốn móng đều đen. Còn "dít vòng" tức là... bàn tọa cong lên. Ngày xưa ngày xưa khi loài vật còn biết nói, chó đã kiện lên Ngọc Hoàng rằng đàn bà có "dít vòng" lại được "đánh giá" là có... quý tướng (hậu!) vì được đàn ông ưa nhìn, khoái sờ và thích vỗ, có sao loài chó "dít vòng" lại bị coi "ấy không ra gì"? Ngọc Hoàng nghe giọng chó gay gắt như thể "chó cắn trộm", bèn mắng rằng:

"Này thứ vô giáo dục, "chó khô mèo lạc!", chó quen thói "chó cậy gần nhà, gà cậy gần chuồng" như những kẻ xỏ lá hay ý thế tại địa phương mà hiếp đáp người xa lạ. Lên thiên tòa này, mày đừng mong "chó đen giữ mực", thói nào tật nấy, trái lại hãy nhớ thân phận "chó chê mèo mùa" của mày. Muốn lợi dụng hoàn cảnh chủ vắng nhà mà đòi "chó nhảy bàn độc" hay cầu may "chó ngáp phải ruồi" chẳng? Còn khuya, con ạ! Đó chẳng qua là chuyện "chó có váy lĩnh!" hoang đường, chẳng bao giờ xảy ra...

Thấy Ngọc Hoàng nổi giận, chó bèn tỏ vẻ rụt rè, sợ sệt theo kiểu "chó ăn vụng bột" rồi làm như thể "chó cùng dứt dậu", gặp đường cùng ắt phải liều mạng mà xông một mạch về trần gian, tiếp tục làm kiếp "chó chui gầm giường" hoặc "chó chui gầm chạn", châu chực để mong được hưởng thứ của thừa thãi!

Trở lại chuyện chó khôn. Nhưng thế nào là "khôn"? Trong thành ngữ Việt Nam người ta tìm được hai câu trả lời thẳng vào vấn đề:

- Chó khôn chó cắn cần.
- Chó khôn tha cứt về nhà.

Các thế hệ sau cảm thấy dễ "nhất trí" với tổ tiên mình về nhận xét một, theo đó chó được xem là khôn khi biết cắn đúng đối tượng, cắn đúng chỗ, đúng thời điểm và một khi đã cắn thì phải cắn tận tình, cắn tới nơi tới chốn, giống như một người khôn chỉ nói những lời chính xác, chứ không "ba hoa chích chòe" - nhưng con cháu cảm thấy thật khó... đã thông nổi với định nghĩa thứ hai. Đã đành nghĩa bóng của câu này có ý khuyên răn người khôn tránh trước được cái nạn tranh giành gây đổ máu vì miếng ăn, nhưng nếu áp dụng nghĩa đen, chó nào mà "tha cứt về nhà" ắt hẳn thuộc loại "chó chết", chỉ còn nước đem cắt tiết, nhúng nước sôi thôi!

Công dụng của chó: Ngày xưa ngoài một số rất ít thành phần giàu nứt vách đồ tường trong xã hội phong kiến nuôi chó cốt để làm cảnh như một thứ vật trang trí khoe trương khiến cho nhiều người thấy thế cũng phải ghen với... chó, cầu mong được địa vị của chó, như trường hợp chàng nông dân trong câu ca dao dưới đây, vốn cuộc đời chàng "đen hơn mõm chó" nên chỉ mơ ước được một tiểu thư... chơi thôi, cũng đủ sướng như thể nàng hàng ngày vẫn chơi với chó. Mở lời chàng biện bạch rằng: "Chó ghẻ có mỡ đànng đuôi", ý nói đừng khinh khi những kẻ tuy bên ngoài có vẻ không ra gì, nhưng... bên trong rất tốt; sau đó chàng lên giọng ca:

Ước gì anh hóa chó bông,
Để cho em bế, em bông, em chơi!

Nhưng hầu hết dân chúng nuôi chó nhằm để chó giữ nhà, canh của cho mình:

Chó đâu có sủa chỗ không,
Chẳng thẳng ăn trộm, cũng ông ăn mày.

Loài chó vốn bản tính cũng... kỳ thị giàu, nghèo. Cứ thấy bất cứ ai ăn mặc rách rưới, dáng vẻ đói khổ tức thì chó nghi đó là kẻ gian: "Chó cắn áo rách", bởi thế mới có tiếng than: "Đã khó, chó cắn

thêm!". Từ hành động cụ thể này của chó, cổ nhân đã dựng nên hình ảnh thê lương của giới "dân ngu khu đen": Đã nghèo lại còn hay mắc nạn bởi những tay cạy mình quyền thế!

Ngoài công dụng giữ nhà, chó còn có thể... chữa bệnh: Loài vật có thương tích mau lành. Vì tin tưởng thế, người xưa hay để chó liếm vết thương và mụn ghẻ và lấy nguyên con gà mà bó chỗ xương gãy. Bởi thế có câu:

Chó liền da, gà liền xương

Tuy nhiên "danh bất hư truyền" của loài chó là "công đức" mang lại cho loài người một lạc thú bất khả chối cãi bằng cách tự nguyện đem xương thịt và bộ đồ lòng của mình cho thiên hạ nhậu chơi. Không những thế chó còn chỉ mách cách ăn thịt chó sao cho đúng điệu. Hãy nghe lời "thanh minh thanh nga" của chó trước giờ phút "hy sinh vì đại nghĩa" cùng với các bạn... đồng nghiệp:

Con gà cục tác lá chanh,
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi,
Con chó khóc đứng khóc ngồi:
Bà ơi đi chợ mua tôi đồng riềng!

Lý do nào khiến mỗi loài lại xí một loại gia vị riêng cho mình như vậy? Truyện cổ giải đáp như sau:

"Xưa có một nhà thật giàu có, phải một hôm đến hơn mười con vừa trâu, vừa bò đi lạc. Sau nhờ hàng xóm láng giềng lùng tìm mãi mới lại thấy đủ. Để đền ơn, hai vợ chồng định hôm sau sẽ thịt một con gà, một con lợn và một con chó rồi mời những người đã giúp đến cơm rượu cho thật no say. Bỗng đêm hôm đó họ nằm thấy ông Tở hiện ra báo mộng rằng:

"Chúng mày định giết hại một lúc những ba con vật, e làm thế là điều thất đức. Vậy lúc giết chúng nó, chúng mày phải hóa kiếp cho chúng nó, rồi trong nhà mới yên lành được."

Hai vợ chồng liền năn nỉ ông Tở thương tình chỉ dẫn. Ông Tở bảo:

"Hễ khi làm thịt gà thì phải hái lá chanh, làm lợn thì phải thái củ hành, làm thịt chó thì phải giã củ riềng, mà cho thêm vào, thì hồn các con ấy mới hóa kiếp được."

Khi ông Tở nói, ba con vật này vô tình nghe được, nhưng cũng biết không sao tránh khỏi chết. Tuy nhiên ba con chỉ sợ chủ nhà quên lời Tở dặn nên vừa sáng tinh sương chúng đã ùa nhau kêu ầm lên:

Gà thì: "Tốc tác lá chanh!"

Lợn lại ủn ỉn: "Mua hành cho tôi!"

Chó khóc thảm thương: "Bà ơi, mua tôi đồng riềng!"

Đối với dân nhà nghề, thịt chó tuy tổng quát ngon cả đấy, nhưng chúng vẫn không ngừng "đấu tranh giai cấp" theo bốn "dòng thác cách mạng": "Nhất mực, nhì vàng, tam khoang, tứ đốm"! - nghĩa là ngon nhất là thịt chó lông đen tuyền, kế đến chó lông vàng, thứ ba chó mình có khoang và thứ tư có đốm; kỳ dư đều "thường thường bậc trung". Vâng, thịt chó ngon đáo để, đến độ: "Sống ở trên đời ăn miếng dồi chó - chết xuống âm phủ biết có hay không". Thật hết ý! Chả chĩa, rựa mận, lòng dồi... nhâm nhi với lá mơ, củ riềng, chấm với mắm tôm... thơm phức đến thánh người được cũng nhỏ dãi, tới thần nhìn thấy cũng xán lại. Huống chi người trần mắt thịt! Bởi vậy cổ nhân mới đùa dai cả với giới tu hành: "thịt chó tiểu đánh tí tí - bao nhiêu chỗ lợi tiểu thì cấm chông...!".

Hoặc:

Đi tu Phật bắt ăn chay:

Thịt chó ăn được, thịt cày thì không!

Không những thế, thịt chó còn ảnh hưởng cả tới những ước vọng thầm kín của con người. Truyện cổ kể rằng:

Hai vợ chồng già nọ, nghèo khổ chỉ mong một lần cầu được ước thấy. Bụt hiện ra cho họ những ba điều ước. Có lẽ bụng đang đói, bà vợ buột miệng: "Ước gì bây giờ được miếng dồi chó mà ăn thì sướng biết mấy!". Tức thì một miếng dồi chó hiện ra trước mặt. Người chồng tức quá, trách vợ không ước tiền ước bạc lại ước miếng ăn. Ông ta chỉ miếng dồi chó: "Ước gì nó dính vào mũi bà cho biết thân!". Quả thật đã xảy ra như vậy. Thế là mất tiêu hai điều ước. Cuối cùng chẳng lý để mặt mũi vợ "không giống con giáp nào", ông chồng đành "ước miếng dồi chó bay khỏi mũi nhà tôi!". Thế là miếng dồi biến mất. Hai vợ chồng già chỉ còn biết nhìn nhau... nuốt nước dãi vì mùi vị dồi

chó vẫn còn phảng phất trong căn nhà xiêu vẹo”.

Mối liên hệ giữa chủ và chó: Hơn bất cứ loại gia súc nào, chó gần gũi với chủ nhất. Mô tả theo ngôn ngữ của ”xã hội chủ nghĩa”, tức chế độ ”xuống hàng chó ngựa” thì đó là mối liên hệ hữu nghị, ”môi hở răng lạnh”. Nếu xem cây biết quả, thấy trái biết cây thì cứ nhìn chó, ắt biết tính tình người chủ keo kiệt hay rộng rãi, bởi vì:

- Chó gây hồ mặt người nuôi.
- Chó béo đẹp mặt chủ nhà.

Hơn thế nữa, nếu ”con nhà tông không giống lông cũng giống cánh” thì với chó cũng thế thôi, tí như cổ nhân đã nhận xét rằng đối với nhà nghèo, ”chó đâu chê cứt”, nhưng ở với chủ nhân vẫn hay chữ tốt, ”chó ông thánh cắn ra chữ”. Ghê thế đấy!

Người xưa tin dị đoan rằng, ”mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì sang” nên khi vớ được loại ”chó giang hồ” này ai cũng quý. Chó tưởng như vậy là đã ”ngáp phải ruồi”, lại muốn tăng công hơn nữa bằng cách cắn bạo ”vượt chỉ tiêu”, theo gương anh dũng ”chó săn chim mồi”. Ai ngờ chủ sợ ”chó dữ mất lảng giềng” bèn cho vài gậy khiến ”chó cụp đuôi”.

Được chủ nào cưng quá, chó cũng hay ”thừa thắng xông lên” nên quên mất nguồn gốc khắt khổ của mình vốn là ”chó ăn đá, gà ăn muối” mà phê phỡn theo mốt ”chó dái” hoặc mê ngủ để trộm mạt súc vào khuôn đồ đạc của chủ. Hậu quả khiến chủ phải lắc đầu: ”Yêu chó, chó liếm mặt!”. Và cuối cùng là... thịt!: ”Một trăm con chó - một lọ mắm tôm - một ôm rau húng - một thùng rau răm”! Quả là ”lên voi xuống chó”... thui!

Nói vậy chứ, chó vẫn là loại súc vật trung thành với chủ, tuy ”chó đại có mùa” trong khi ”người đại quanh năm” nhưng nói chung thì:

Con chẳng chê cha mẹ khó, chó chẳng chê chủ nghèo!

Truyện cổ kể một con chó có nghĩa thế này:

”Xưa có nhà nuôi một con chó, cứ bữa ăn, chó lại ngồi chực một bên. Người chủ lấy thế làm giận, một hôm chỉ vào mặt

chó mà mắng rằng: ”Ruộng cày, ruộng cấy, chẳng thấy mày đâu! Đến bữa ăn nào, mày vào mày chực!”. Chó đáp lại: ”Năm canh vò võ. Chẳng ngó ông đâu. Phòng thiếu mặt tôi, thịt xôi ông hết. Đừng nhieh, chó quờ, làm khổ tôi chi!”. Mèo thấy vậy, xúi chó bỏ nhà ra đi, ly dị hẳn ông chủ ăn ở bạc bẽo. Nhưng chó không chịu, la lại: ”Chó sủa, mèo ngao”, mỗi đứa có một bổn phận riêng, và lại đứa nào nghề nấy, ”chó treo, mèo dậy”! Vậy mày chó chèn vào việc tao. Hơn nữa mày phải biết ”chó gây hồ mặt người nuôi”. Tao bỏ chủ đi thì không phải nghĩa”. Khi chủ biết đầu đuôi câu chuyện, từ đó đem lòng ghét con mèo mà thương chó. Hễ ai mắng chó, ông còn bênh, trách người ấy rằng: ”Mắng chó, không ngó mặt chủ nhà!”

Thông thường khi muốn ngưng một câu chuyện, người đời thường nói: ”Chó chết hết chuyện!”, nghĩa là khi việc đã xong thì nên thịt chó liền, chó để nuôi vừa tốn cơm mà có khi nó còn cắn lại mình, giặc đã hết thì tìm cách loại trừ bầy tôi có quyền, không thì có ngày chúng sẽ phản bội. Câu này xuất xứ từ tích cũ: Khi giúp Việt vương Câu Tiễn hạ được nước Ngô rồi, Phạm Lãi suy nghĩ thế nào cũng có ngày sẽ bị Việt vương mưu hại nên nói với Văn Chủng rằng: ”Giáo thả tử, tẩu cầu phanh; cao điều tận, lương cung tàng; địch quốc phá, mưu thần vong” và rủ Văn Chủng đi trốn. Chủng không nghe, quả sau bị Câu Tiễn ép phải chết.

Thật tình nếu áp dụng câu trên, chẳng bao lâu loài khuyển sẽ bị tuyệt giống và ở đời sẽ không còn nhân tài. Hơn thế nữa, chẳng phải chó nào cũng cắn lại chủ khi hết việc và bầy tôi nào cũng phản chúa khi đất nước thanh bình. Bởi vậy thời nay thành ngữ ”chó chết hết chuyện” chỉ mang ý nghĩa... vui vui thôi.

Dĩ nhiên trong văn chương truyền khẩu Việt Nam còn rất nhiều tục ngữ, ca dao và truyện cổ khác nữa nói về chó, e ”lai rai chuyện đời” mãi vẫn không thể hết chuyện chứ đừng mong thu trọn trong một bài báo. Vậy nhân dịp đầu xuân Bính Tuất, người viết xin mượn ý nghĩa của chuyện cổ dưới đây để biểu lộ niềm mong ước trong năm mới của mình, cách

riêng đối với hiện trạng quê hương Việt Nam:

"Nhà nho nọ thấy quan lại trong nước quá tham nhũng, trong lòng rất khinh. Một hôm ông cho mời các bậc "phụ mẫu chi dân" cấp trung ương tới nhà dùng bữa. Sau khi người nhà đã bày biện bàn tiệc, ông đứng dậy thưa:

- Chẳng mấy khi kẻ hèn này được đón tiếp quý đình cao trí tuệ loài người. Vậy có chén rượu nhạt xin các ngài chiêu cố cho.

Các quan cầm đũa mau mắn. Ai cũng khen mỗi sao ngon vĩ đại vậy, bèn thi đua hỏi: Đây đĩa thịt gì vậy? Bát kia thịt gì thế?

Nhà nho thông thả nói:

- Bầm các ngài, đây là chó, kia cũng là chó, trên ấy cũng vẫn là chó, dưới này ấy cũng là chó. Thưa, toàn chó cả!"

Hoài Mỹ



ÔI! EM YÊU

(Tặng Vợ nhân ngày kỷ niệm 35 năm kết hôn)

Em là nắng sớm mai sáng rực rỡ
Em là hoa Xuân nở áo mới khoe
Em là gió khi hè sang nắng vỡ
Em là mây êm ả buổi Thu về

Khi bên em trời đất như khờ dại
Có em bên thời gian cũng vội quên
Cả hồn anh ngỡ tan thành sương khói
Lặn trong mơ trắng mờ lối bình yên
Ôi! Em yêu dịu hiền ngây thơ quá
Hạnh phúc này ngào ngọt lẫn đam mê
Trong tiếng hát thì thảo cơn sóng vỗ
Hương tình nồng em má tựa vai kề

Anh tự biết có em là tất cả
Một kiếp này ta trọn vẹn bên nhau
Ân sủng đó trời ban anh phép lạ
Hồn giận nào anh cũng muốn quên mau
Đời sóng gió, bão bùng, cơn nắng Hạ
Chuyện đời no, sầu khổ kiếp nhân sinh
Rồi cũng qua như trời mưa, chớp lẠ
Chỉ tình anh luôn mãi ngự trong tim

Bình-Sa

Thơ **Đăng Trình**

NHỮNG NẸO THU XƯA

Đường làng mẹ dắt con đi,
Con đường đất mịn
bên sông nước đầy.
Nước sông tháng chín đục lừ,
Lần đầu đi học lòng sao rộn ràng.

*

Nhớ ngày hôm ấy đến trường,
Nhớ về chốn cũ, nhớ đường làng xưa.
Nhớ lần mẹ dắt con đi,
Nhớ thầy giáo mới, nhớ gì mệnh mang...

*

Rồi con thi đậu trường công,
Giảng văn thầy dạy bài văn tự trường
Hai bài hồi ức văn vương,
Bài của Thanh Tịnh¹, và bài Anatole²
Làng quê Mỹ lý¹ xa xăm,
Trời phương Tây với vườn Luxembourg² mơ hồ
Và hình bóng cậu bé con
Lung mang cặp sách lon ton đến trường.
Bao nhiêu kỷ niệm mến thương,
Mấy mươi năm cũ, nẻo đường... là đây!
Lòng tôi lại bỗng ngất ngây,
Bâng khuâng thương nhớ, nghe cay mắt buồn.

*

Ngôi trường ngày cũ trong tôi,
Thời gian phủ lớp bụi mờ lãng quên.
Cuộc đời đã mấy biến thiên,
Còn đâu vết tích một miền ấu thơ!

Đăng-Trình



Vườn Luxembourg-Paris tháng 10/04

Ghi chú: 1 Bài văn mang tựa “Ký ức về ngày tựu trường” trích trong tác phẩm Quê mẹ của nhà văn Thanh Tịnh.
Làng Mỹ lý được nói đến trong bài văn này.

2 Bài văn mang tựa “Kỷ niệm về ngày tựu trường” trích trong Le livre de mon ami của Anatole France.
Vườn Luxembourg ở Paris được nói đến trong bài văn này.

Hai bài văn trên thường được giảng dạy ở lớp đệ thất /đệ lục trung học của miền Nam trước năm 1975.

NHỮNG ĐIỀU MƠ ƯỚC

Phạm tín an Ninh



Có một dạo, đi đâu tôi cũng nghe thiên hạ hát bài Con Chim Đa Đa, "sao không lấy chồng gần mà đi lấy chồng xa.." rồi đến bài Chị Tôi, "thế là chị ơi rụng bông hoa gạo". Đúng như người ta nói, Thơ và Nhạc có ngôn ngữ riêng của nó. Một người không có nhiều chữ nghĩa như tôi, nhiều khi say mê hát một bài hát mà sau đó suy nghĩ mãi vẫn không hiểu rõ ngọn ngành, ý nghĩa một vài câu. Trong bài Chị Tôi, tôi cũng rất ư là lơ mơ cái sự kiện .. rụng bông hoa gạo ..và trời cho làm thơ .. này lắm. Dù vậy tôi vẫn thấy bản nhạc phở từ một bài thơ chỉ vòn vẹn mấy câu này, khá hay. Mà ngay đến cái sự hay này tôi cũng mơ hồ, không biết có đúng là tôi biết thưởng thức thơ nhạc không, hay là chỉ vì có sự đồng cảm mà tôi thấy lòng mình xúc động. Bởi vì mỗi lần nghe ai đó hát bản nhạc Chị Tôi, tôi lại da diết nhớ đến bà Cô Út của tôi.

Từ lúc chưa tròn hai tuổi, tôi lớn lên trong cái bất hạnh của một người chưa hề có "bông hồng cài áo". Mẹ tôi mất quá sớm, đến nỗi tôi không bao giờ hình dung được khuôn mặt hiền từ phúc hậu của bà như lời cha tôi kể lại. Nỗi bất hạnh đó lại

càng lớn hơn, khi tôi không có một bà chị nào để được dịp nhìn dung nhan Chị mà mơ tưởng đến bóng hình của Mẹ. Ba tôi thì được Việt Minh đưa ra Liên Khu Năm làm công tác "xóa nạn mù chữ". Khi lớn lên một chút, bắt đầu nhận hiểu được đôi ba điều quanh mình, tôi chỉ biết là hai anh em tôi lớn lên ở nhà ông bà nội, và trong vòng tay yêu thương cùng giọng hát ru hời của bà Cô Út.

Cô Út tôi lớn hơn tôi hơn một con giáp. Ở nhà quê nhưng bà có cái tên nghe rất lạ : Phạm Thị Mẫu Đơn. Cho mãi đến lúc đi học tôi mới biết được cái tên này, vì mọi người đều gọi cô là con Út hay cô Út. Sau này tôi hỏi ba tôi về cái tên trong giấy tờ của Cô, được ông giải thích : Sự thực thì tên trong acte de naissance (khai sinh hồi thời Pháp thuộc) của Cô Út là Phạm Thị Mau Dan (Phạm thị Mậu Dân), nhưng khi Cô tôi lớn lên và có chút nhan sắc, thì ông bà nội lại lo cho cái tuổi Dân cao số của Cô, nên khi có lệnh làm bản thế vì khai sinh tiếng Việt, ông bảo ba tôi xuống Huyện, nhờ ông anh họ làm chánh lục sự, sửa tên cô tôi thành Mẫu Đơn. Mang tên một loài hoa mà suốt cả một đời cô tôi không biết đó là loại hoa gì, chỉ nghe thiên

hạ bảo loài hoa này đẹp lắm, thế thôi.

Có một điều chắc chắn là khi cô sinh ra Trời đã không "cho làm thơ", vậy mà suốt cả một đời Cô vẫn bị "vấn vương với sợi tơ trời". Mà khổ thay, thằng cháu của Cô cũng dốt nát, chứ phải có tài năng một chút thì hôm nay nó cũng viết một bản nhạc hay chí ít cũng làm được mấy câu thơ đề ca ngợi Cô. Vì so với người chị trong mấy bản nhạc Chị Tôi, bà Cô của tôi coi bộ còn thánh thiện và tội nghiệp hơn nhiều lắm.

Cô lo lắng chăm sóc hai anh em tôi không thua bất cứ một bà mẹ mẫu mực nào trên thế gian này. Lòng Cô lúc nào cũng "bao la như biển Thái Bình rạt rào", lời của cô lúc nào cũng "tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào" mà ông nhạc sĩ Y Vân đã từng ngợi ca, vinh danh người mẹ. Cô cũng là cô giáo vỡ lòng, dạy tôi hai tiếng I tờ, những câu tục ngữ ca dao. Lớn lên một chút, tôi được Cô ngồi bên cạnh dạy đọc truyện Chàng Nhái Kiền Tiên, Thạch Sanh Lý Thông, Phạm Công Cúc Hoa cho bà Nội tôi nghe mỗi tối. Mùa hè, tôi mê đá dế, Cô dẫn tôi ra trước hồ sen tìm bắt những con dế mun mà mỗi trưa Cô không ngủ, ngồi rình để nghe nó gáy từ chỗ nào. Thấy bọn trẻ hàng xóm thả diều, Cô cũng mò mẫm cả một ngày làm cho tôi cái diều to nhất. Tôi mê nuôi chim, Cô đi khắp nơi tìm mua cho tôi hai con chim keo màu xanh mượt và năn nỉ ông chú tôi làm cho tôi cái lồng thật đẹp. Những lần bị "ám đầu", tôi tha hồ nũng nịu, làm tình làm tội Cô tôi. Cô ngồi suốt bên cạnh, đắp lên trán tôi một cái khăn ướt, nấu cháo cá bô nhiều tiêu cho tôi ăn để "tháo mồ hôi". Nghe nói Cô cũng ham học lắm, định xin ông bà nội cho học xong cái bằng primaire thì theo ông chú tôi đi dạy học mấy lớp nhỏ trường làng. Nhưng rồi mẹ tôi bất ngờ qua đời, bỏ lại hai anh em tôi. Cô đành phải nghỉ học ở nhà để chăm sóc hai thằng cháu đại, một đứa bốn tuổi và một đứa vừa mới lên hai. Năm tháng cô quanh quẩn trong nhà, làm công việc gia đình và lo lắng cho hai anh em tôi. Khi nào rảnh rồi Cô nhờ ông chú của tôi chỉ cô học thêm mấy chữ tiếng Tây. Cô chỉ có một người bạn thân, đó là bà cô họ của tôi. Hai người cùng tuổi và học chung một lớp. Khi Cô Út nghỉ học, thì bà

cô họ này vẫn tiếp tục đi học mấy năm nữa, sau này làm y tá và lấy một ông chồng Tây, làm trong viện Pasteur của bác sĩ Yersin ở Nha trang. Bà đi đó đi đây, lâu lâu trở về thăm quê vài bữa. Lần nào về cũng ghé lại thăm Cô Út tôi và trò chuyện cả đêm. Trông bà thật sang trọng. Cô Út thì trầm trồ những món nữ trang đắt tiền, nhất là sợi dây chuyền vàng có mặt ngọc thạch, thời ấy rất hiếm hoi. Còn tôi thì say mê chuyện đi đó đi đây mà bà cô họ thường kể cho cô cháu tôi nghe.

Dường như từ ngày bà cô họ đi theo chồng, Cô Út không còn ai tâm sự, nên Cô thường tâm tình với anh em tôi về chuyện tình duyên của mình. Có một ông thầy giáo dạy cùng trường với chú tôi, gốc Bình Định, khá bảnh trai, lớn hơn Cô hai tuổi, rất thương Cô và có nhờ người đến mai mối, nhưng Cô Út phản vì thương cảnh mồ côi của anh em tôi, một phần bị ám ảnh bởi những lời đồn đãi của thiên hạ: "tuổi Dần cao số, chỉ hợp với tuổi Dần", nên Cô từ chối cuộc hôn nhân. Ông thầy giáo Bình Định buồn tình nên xin đổi đi xa, làm lòng Cô cũng xốn xang một dạo.

Năm tôi lên bảy, quê tôi có một trận lụt lớn, trận lụt tháng mười. Tôi nhớ loáng lờng lời Cô tôi giải thích, vì "ông tha mà bà không tha, bà cho gây lụt hăm ba tháng mười". Nước từ đâu không biết tràn qua, kéo theo nhiều nhà cửa cây cối và cả trâu bò. Nhà ông nội tôi rộng lắm, mấy cây cột lớn có chạm trổ nhiều hình cầm thú, có mái ngói âm dương và nằm trên một nền gạch khá cao, được bao bọc bởi đủ thứ cây ăn trái, vậy mà bây giờ chung quanh tôi chỉ thấy toàn nước và nước. Ông Nội ra lệnh cho Cô phải giữ kỹ anh em tôi trên bộ phận trong nhà. Hai ngày sau mưa gió đã tạnh, nhìn qua khe cửa, anh em tôi thấy nước ngập cả sân nhà (nhà ông bà nội tôi có cái sân vuông khá rộng bằng xi măng, có bờ thành thấp chung quanh), nên năn nỉ Cô Út ra bịt mấy cái lỗ lù, không cho nước rút, và đứng trên thềm nhà canh chừng cho anh em tôi cời truồng xuống sân bơi lội. Bất ngờ tôi phát hiện trong sân có mấy con cá, anh em tôi tha hồ hò hét rượt bắt cá. Ông Nội tôi nghe ồn ào, chạy ra nhìn thấy hai thằng cháu nội đang bì bõm trong cái sân ngập tràn nước, ông không la chúng tôi mà

rầy Cô Út một trận, rồi cấm cung cô cháu tôi ở trên căn nhà thờ, lúc nào cũng đóng kín cửa, mà trước đây rất ít khi tôi dám bén mảng tới, vì rất sợ mấy cái bàn thờ có treo những tấm hình và nhiều bài vị viết chữ nhỏ, nhất là hai cỗ quan tài sơn đỏ, có hình con rồng con phượng hai bên. Cô tôi bảo đó là hai chiếc quan tài bằng gỗ quý để dành cho ông bà nội đến lúc qui tiên..

Thấy anh em tôi sợ, Cô Út trấn an bọn tôi bằng cách kể chuyện linh thiêng của những ông bà, tổ tiên đã khuất. Vong linh ông bà lúc nào cũng ở bên cạnh để phù hộ cho con cho cháu. Cô còn bảo nếu có ước mơ điều gì, thắp hương thành tâm khấn nguyện, ông bà sẽ ban cho những điều ước muốn đó.

Cô hỏi tôi, nếu bây giờ khấn nguyện xin ông bà, thì tôi sẽ mơ ước được điều gì. Nhớ tới chuyện đi đó đi đây mà tôi rất say mê mỗi lần bà cô họ có chồng Tây kể lại, tôi nhanh nhẩu:

-Con mơ ước mai một lớn lên con được đi đó đi đây như bà cô họ vậy.

Rồi tôi hỏi ngược lại Cô Út, Cô nhìn tôi cười:

-Còn Cô thì chỉ mơ ước được một sợi dây chuyền mặt cẩm thạch màu xanh như của cô ấy, và có khắc hai chữ MĐ chính giữa.

Tôi tin lời Cô, kéo tay Cô đến trước bàn thờ thắp hương để hai cô cháu vái lạy xin ông bà ứng nghiệm cho những điều ước. Cô chiều tôi, hai cô cháu quì trước bàn thờ. Cô thì im lặng, còn tôi thì nói thật to lời ước của mình. Tôi sợ ông bà già quá, lảng tai, không nghe rõ lời cầu xin của mình.

Mấy năm sau, tôi đành phải rời quê, chia tay Cô Út vào Nha trang đi học. Cô may cho tôi mấy bộ đồ mới, bao nhiêu tiền dành dụm được cô sắm cho tôi một chiếc xe đạp có ghi đồng hình chữ U mà tôi rất thích. Những năm học ở Nha trang, dù tuổi đã lớn, nhưng lúc nào tôi cũng thấy thiếu vắng vòng tay và những lời triu mến của Cô tôi. Mỗi lần nghĩ về quê, tôi vẫn quanh quẩn ở bên Cô, như thuở mới lên ba, lên năm ngày trước. Lúc này Cô tôi đang làm nghề thợ may, nhưng chỉ làm việc tại nhà, để tiện việc săn sóc ông bà nội

tôi, đã đến lúc tuổi già sức yếu. Cô tự tay may cho anh em tôi mấy bộ đồng phục học trò. Mùa hè trời nóng, tôi nào cô cháu cũng mang chiếu ra trải bên cạnh hồ sen trước nhà. Trong gió nội hương đồng, cô cháu nằm tâm sự thâu đêm.

Khi biết tôi đi lính, Cô Út buồn ghê lắm. Hết ngăn cản rồi năn nỉ tôi. Cô bảo tôi không thương Cô, nên bỏ Cô mà đi lính, biết bao giờ Cô cháu mới được bên nhau như những ngày xưa, rồi Cô biết còn ai để mà tâm sự.

Nhớ tới trận lụt tháng mười năm nào, Cô dạy cho tôi thắp hương khấn nguyện ông bà, tôi thủ thi với Cô:

-Con đi lính là nhờ Ông Bà trên bàn thờ đã ứng nghiệm cho con điều ước, được đi đó đi đây, đúng như Cô bày cho con đó. Cô vừa cười vừa lau nước mắt.

Khi vào quân trường, hai người đầu tiên tôi viết thư là Ba tôi và Cô. Tôi kèm theo tặng Cô tấm ảnh mặc quân phục, tóc vừa cắt ngắn ba phân. Cô viết thư khen "chú lính sữa của cô trông oai phong ghê lắm".

Mấy tuần sau khi tôi được gán alpha, Cô theo Ba tôi vào tận quân trường thăm tôi, mang theo cho tôi cả chục xoài tượng và mấy cái bánh rán (bánh cam) mà lúc nhỏ tôi rất thèm ăn.

Ra trường, trước khi trình diện đơn vị, tôi dành trọn mười lăm ngày phép quanh quẩn bên Ba tôi và Cô. Lúc này ông bà nội tôi đã qua đời và cô vẫn ở vậy chăm sóc ngôi nhà từ đường và lo việc cúng kỵ ông bà. Đêm nào Cô cũng niệm hương khấn vái thì thầm trước bàn thờ ông bà nội và má tôi, rồi bảo tôi cùng lại chấp tay lạy. Tôi nghe Cô xin ông bà và Má tôi phù hộ tôi, tránh được lần tên mũi đạn.

Hơn mười năm trong lính, toàn là đánh đấm. Rất nhiều lần thoát chết trong đường tơ kẻ tóc, tôi tin vào những lời thì thầm khấn vái hằng đêm của Cô.

Lần đầu tiên về phép từ một chiến trường khói lửa ở cao nguyên, tôi dành dụm mấy tháng lương, và mất hai ngày ở thành phố Ban Mê Thuật tìm mua cho Cô sợi dây chuyền vàng có mặt cẩm thạch hình trái tim, loại đắt nhất. Tôi ngồi chỉ cho họ kẻ hai chữ MĐ thật đẹp chính giữa.

Tôi về bất ngờ. Khi mới bước vào

cổng nhà nội, tôi thấy Cô đang quét lá dưới gốc cây xoài. Con chó không nhận ra tôi sủa inh ỏi, Cô dừng tay nhìn. Mỗi khi tôi đến gần Cô mới nhận ra. Cô nắm tay tôi mắng yêu :

-Tổ cha mày, vậy mà Cô cứ tưởng là ông thầy nào.

Tôi cười đùa :

-A, chắc là Cô Út tưởng con là ông thầy Bình Định ngày xưa chứ gì.

Buổi chiều, sau khi cơm nước xong, tôi dắt tay Cô tôi lên căn nhà thờ để cùng tôi thắp hương và lạy ông bà . Khi đứng lên, tôi bảo Cô nhắm mắt lại để thấy một điều kỳ diệu, rồi choàng vào cổ Cô sợi dây chuyền tôi vừa mua tặng. Lúc mở mắt ra, Cô mân mê cái mặt cẩm thạch rồi cảm động nắm tay tôi :

-Cái này mất tiền lắm. Con đi lính lương ba cọc ba đồng, lấy tiền đâu mà mua tặng Cô.

Tôi cười :

-Đâu phải con mua, mà là ông bà cho Cô theo lời ước của Cô đó chứ. Cũng như ông bà đã cho con bây giờ được đi đó đi đây rồi đây nè. Lời cầu xin của Cô cháu mình linh thiêng quá phải không Cô ?

Thời gian này ở quê nội tôi mất an ninh. Ban ngày tôi quanh quẩn bên cô. Đến chiều, Cô dắt tôi xuống nhà chú tôi ở bên huyện ngũ. Cô ở với tôi tới tối mịt mới về. Ngày mãn phép, tôi trở lại đơn vị, Cô giặt ủi mấy bộ áo quần của tôi xếp vào túi xách, kèm theo một gói xôi đậu xanh, để ăn dọc đường. Ngồi trên xe đò, khi lấy gói xôi ra ăn, tôi thấy có một cái túi nhỏ may bằng vải , mở ra tôi mới biết, một xấp tiền mới tinh xếp ngay ngắn trong đó. Nhớ tới cô, nước mắt tôi cứ trào ra.

Tôi theo đơn vị lưu động nay đó mai đây, nên rất khó nhận thư từ hậu cứ ở Ban Mê Thuột. Từ Quảng Đức, xuống Lâm Đồng rồi Phan Thiết. Mỗi hơn nửa năm sau tôi mới nhận được cùng một lúc năm lá thư của Cô tôi gửi. Tôi mừng, khi Cô kể là có một ông thầy giáo gốc Huế, cùng tuổi dần với Cô, đã có một đời vợ, cùng làm nghề dạy học. Nhưng chỉ mới vài tháng sau đám cưới, người vợ trẻ bị chết cùng với mấy đứa học trò trong một trận pháo kích. Ông buồn quá, một phần không muốn mỗi ngày

bị ám ảnh bóng hình của người vợ trẻ vừa mới chết oan, một phần không muốn nhìn thấy cái thành phố có những lăng tẩm uy nghi của một triều đại, nhưng đã để lại quá nhiều tranh chấp tôn giáo, phủ bóng mây mù chính trị lên từng ngôi trường, từng bục giảng. Bạn bè ông có mấy kẻ đã vào bưng. Ông xin chuyển vào dạy ở quê tôi vì có gia đình người bác ruột, ngày xưa làm xếp ga rồi lấy vợ ở lại đây luôn.

Tôi viết thư cho Cô, lên mặt thuyết giảng tình yêu, nào chuyện "hữu duyên thiên lý năng tương ngộ" nào là "cả hai người cùng một tuổi Dần, thì sau này tất biên đông cũng cạn".

Mấy tháng sau tôi nhận thư hồi âm của Cô, có kèm theo lá thư ngắn của ông Thầy Huế mà nội dung là một bài thơ ngợi ca người lính.

Tôi để dành tiền lương hằng tháng, chờ ngày về ăn đám cưới. Tôi đến một tiệm bán hàng thêu ở thành phố Phan Thiết đặt thêu một bức tranh có hình hai con cọp âu yếm nhau trong một rừng đầy hoa sim tím dưới ánh trăng để làm quà cưới cho Cô. Sau trận Mậu Thân, đơn vị tôi tiếp tục mỗi ngày sống trong lửa đạn. Tôi không nhận được lá thư nào của Cô tôi. Tôi nghĩ chắc là Cô đã làm đám cưới, nhưng không biết có theo chồng về thăm Huế hay không. Tôi lo cho Cô, khi biết cả thành phố Huế đang đắm chìm trong vành tang trắng.

Mấy tháng sau, tình hình trở lại yên tĩnh, được mười ngày phép , tôi khăn gói về thăm quê. Cô tôi vẫn sống âm thầm một mình trong nhà ông nội, Đám cưới không thành. Không phải ông thầy Huế phụ tình, như một vài người bà con trong họ đã cảnh giác Cô từ lúc mới quen ông : "đừng có quá tin mấy chàng trai xứ Huế". Oan ức và tội nghiệp cho ông. Ông về Huế ăn tết và xin cha mẹ được cưới Cô tôi, nhưng rồi không ngờ phải cùng chịu chung số phận với mấy ngàn người bất hạnh. Ông mất tích trong đêm mừng hai tết. Mỗi đến ba tháng sau, người nhà mới tìm được xác của Ông trong một hồ chôn người tập thể.

Cuối cùng thì.. Cô tôi "vẫn chưa lấy chồng!" Trên bàn thờ, tấm ảnh nhỏ của ông Thầy Huế được đặt ở một góc khiêm nhường.

Năm 1975, miền Nam bất ngờ thua trận, tôi bị tù đầy từ nam ra bắc, đến tận Lào Cai, Yên Bái. Ba tôi và ông chú bị bắt vào trại cải tạo trong nam. Vợ con tôi cùng gánh chịu bao đắng cay hệ lụy, bơ vơ nheo nhóc. Lá chưa rụng mà phải về cội, vợ con tôi lại dặt dứu nhau về ở với Cô tôi trong ngôi nhà xưa của ông bà nội, bây giờ trở nên trống vắng, nên chắc buồn và tĩnh mịch hơn xưa. Vợ tôi phải bươn chải làm ăn, nuôi bầy con bữa đói bữa no. Cô tôi bán đủ thứ trong nhà, và cuối cùng bán luôn cả sợi dây chuyền mặt cẩm thạch mà cô đã từng nâng niu như bảo vật, để lo cho mấy đứa con của tôi, và cùng vợ tôi dành dụm gởi cho tôi một ký lô đường và mấy lọ tép mỡ

sau khi biết tôi vừa trải qua một cơn kiệt lực, chỉ còn da bọc lấy xương. Tội nghiệp, tôi chỉ được phép nhận 200 gram đường và một lọ tép mỡ, số còn lại bị sung vào nhà bếp hậu cần, vì số quà gởi "ngoài qui định, không nằm trong chính sách".

Tháng 6 năm 1976, ba tôi chết trong trại cải tạo Đá Bàn. Nhưng mãi đến hai năm sau tôi mới nhận được tin buồn. Tôi khóc đến không còn nước mắt.

Tám năm sau, tôi cũng được thả về. Lúc này vợ tôi không còn sống ở quê nội tôi, vì không tìm ra công việc gì làm, nên phải dặt theo hai đứa con nhỏ nhất trở lại Ninh-Hòa sống cùng ông bà già vợ của tôi, rồi chạy được cái "hộ khẩu" ở đây luôn. Còn bốn đứa con lớn thì vẫn ở lại quê nội tôi, nhờ cô tôi nuôi nấng. Sum họp được mới năm hôm, thời gian chưa đủ làm quen với mấy đứa con, mà lúc ra đi đứa nhỏ nhất còn nằm trong bụng mẹ, tôi được công an thị trấn Ninh Hòa gọi lên cho biết là chính quyền trên huyện không chấp nhận tôi tạm trú ở đây. Tôi bị gởi trả lại trại tù, rồi được chỉ định về "quản chế" tại nơi sinh quán. Cuối cùng, thì tôi cũng trở lại trong vòng tay của Cô tôi. Có điều bây giờ, Cô phải nuôi thằng cháu, đã gần nửa đời người, mà bỗng dưng trở thành vô gia cư nghề nghiệp. Ăn cơm nhà nhưng hằng ngày tôi phải đi đắp đê, làm thủy lợi cho "nhân dân". Cô tôi bây giờ ốm yếu, đôi mắt buồn hiu hắt. Sau mấy năm khóc than cho những mất mát đổi thay trong gia tộc, Cô đã già nhiều trước tuổi. Vậy mà bây giờ còn phải lo gánh vác cho mấy cha con tôi. Đã vậy, ông chú của

tôi, sau khi ở trại cải tạo về, phải dặt vợ và hai đứa con gái đi kinh tế mới. Bà thím bị sốt rét chết hai năm trước khi tôi về. Cứ vài hôm, ông chú phải tay dặt tay bồng đưa hai đứa con về đây gởi cho Cô tôi. Nhiều lúc âm thầm nhìn Cô "lưng còng uốn nặng kiếp long đong", tôi ghen ngào muốn khóc, nhưng có lẽ tôi cũng không còn nước mắt.

Khi tính chuyện vượt biển, tôi tâm sự xin Cô cùng đi với chúng tôi. "Dù trôi nổi ở đâu, có cô bên cạnh là con mãi nguyện rồi", Nhưng cô bảo Cô đã già, không muốn rời bỏ quê hương, hơn nữa còn phải trông coi ngôi nhà từ đường và mồ mả ông bà, không để cho hương tàn khói lạnh. Và còn phải phụ giúp ông chú tôi đang ốm đau, lo cho hai đứa con của chú ấy nữa.

Mấy ngày sau, tôi thấy Cô xuống tóc, và ăn chay trường. Đêm nào cũng quì trước bàn thờ. Tôi biết là Cô đang cầu nguyện cho tôi đi đến bến bờ. Hôm tiễn biệt, Cô nắm chặt tay tôi: "xin ông bà và cha mẹ con phù hộ cho vợ chồng con và mấy đứa nhỏ" rồi im lặng nhìn tôi với hai hàng nước mắt.

Thuyền ra đến hải phận quốc tế thì gặp bão. Mưa gió suốt mấy ngày, không còn trăng sao để mà định hướng. Tất cả đàn bà con nít xuống dưới khoang thuyền. Chỉ có bọn đàn ông chúng tôi ở lại phía trên chống chọi với phong ba. Trong những lúc nguy khốn nhất, tôi lại nghĩ đến Cô, nhớ những lời cầu nguyện của Cô mà lấy lại niềm tin và can đảm. Cuối cùng, một chiếc tàu chở dầu của Vương quốc Na Uy đã cứu vớt chúng tôi trước khi cơn bão chính ập tới. Từ trên tàu, vị thuyền trưởng giúp chuyển hộ mỗi người ba cái điện tín cho thân nhân. Người đầu tiên tôi báo tin mừng là Cô.

Sau khi định cư, tôi thường xuyên gởi thư thăm Cô và kèm theo tiền để giúp Cô cùng gia đình ông chú, và xây lại mồ mả ông bà. Cô mừng ghê lắm. Lá thư nào Cô cũng viết thật dài, khuyến khích tôi cố gắng làm lại cuộc đời và dạy dỗ cho con cái phải biết sống theo đạo lý và đừng bao giờ quên quê hương, nguồn cội của mình.

Cô ở xa tôi cả nghìn trùng mà lúc nào tôi cũng tưởng Cô vẫn đang đâu đó bên mình. Mỗi lần gặp khó khăn, phiền muộn trên xứ người, cứ nghĩ đến Cô là lòng tôi phần

chấn. Bây giờ Cô đã già và chắc cũng yếu đi nhiều lắm. Vậy mà chỉ với hình bóng thôi, Cô đã cho tôi biết bao nghị lực.

Hai năm sau, tôi lại nhận được tin buồn. Ông Chú của tôi, sau bao năm chống chọi với bệnh tật mang về từ trại cải tạo, vừa mới lìa đời, giao hai đứa con gái lại cho Cô tôi nuôi nấng. Tội nghiệp cho Cô, đúng là "Trời không nín gió cho ngày Cô sinh", tuổi già rồi mà phải còn cưu mang con cháu. Lá thư báo tin buồn này là lá thư cuối cùng Cô tự tay nắn nót viết cho tôi. Những lá thư sau đó, mấy đứa con gái ông chú tôi viết. Tôi lo lắng hỏi Cô, Cô chỉ bảo đôi mắt của cô bây giờ hơi kém, nhưng dặn dò tôi không phải gởi thuốc thang gì, vì ở trong nước Cô mua cũng được. Cô khẩn khoản muốn tôi đưa mấy đứa con về cho Cô gặp lại một lần.

Hơn mười năm sau, khi nghe nhà nước có chút đổi thay, gọi những người vượt biên có tội phản bội tổ quốc ngày xưa là khúc ruột ngàn dặm, tôi dắt theo ba đứa con lớn về thăm quê hương. Đúng hơn là về tìm ngôi mộ cha tôi chôn trong núi bên trại cải tạo Đá Bàn và thăm bà Cô suốt cả một đời bao bọc chúng tôi. Nhớ lại kỷ niệm xưa, tôi nhờ cô con gái lớn ở bên Cali, đến khu Phước Lộc Thọ tìm đặt mua cho tôi một sợi dây chuyền vàng, có mặt màu xanh cẩm thạch, khắc hai chữ MĐ chính giữa. Tôi nghĩ có lẽ đây sẽ là món quà có ý nghĩa, đền bù lại sợi dây chuyền tôi tặng Cô lúc trước, và để cho Cô được trẻ lại những ngày xưa.

Tôi không báo trước ngày về, vì muốn làm cho Cô bất ngờ và không phải khăn gói vào tận Sài Gòn để đón cha con tôi, như lời cô hứa.

Quê nội tôi, làng Phú Hội một thời trù phú như cái tên gọi, bây giờ sao mà căn cỗi, điêu tàn. Khi bước vào cổng nhà nội, tôi xa lạ đến thần thờ. Ngôi nhà ngày xưa rộng lớn, hồi còn nhỏ tôi đi còn sợ lạc, sao bây giờ nhỏ nhoi, tiêu điều và hiu quạnh quá. Tôi đứng giữa cái sân gạch mà ngày nào trời lứt, anh em tôi tha hồ bơi lội như trong một dòng sông, bây giờ chỉ còn lại cái nền loang lổ, phủ đầy những lá của cây xoài già héo úa, một thời xum xuê làm "bóng mát thiên đường" để Cô cháu tôi ngồi đọc truyện cho bà nội tôi nghe trong

những buổi trưa hè. Cái hồ sen tỏa hương thơm ngát lúc xưa, bây giờ là một cái ao cạn đầy cỏ dại. Chỉ còn lại tiếng dế than rên rĩ. Không nghe con chó sủa. Nó là con vật trung thành, không giống như một số người sau tháng tư năm nào, phản suy phù thịnh. Có lẽ nó cũng buồn mà chết rồi sau cuộc đời của chủ.

Tôi và ba đứa con lạc lõng trong ngôi nhà mà tất cả đã từng một thời lớn lên ở đó. Trong nhà không có một ai, ngoài bóng dáng của chính mình ngày trước. Bước ra cửa sau, tôi đứng lặng người khi thấy Cô Út ngồi quay lưng, vãi thức ăn cho một bầy gà. Mái tóc Cô bạc trắng. Cha con tôi đến đứng phía sau lưng, mà Cô không biết.

Mấy đứa con tôi cười khúc khích, Cô quay lại. Tôi ôm chầm lấy cô, nghẹn ngào không nói nên lời. Tôi ngạc nhiên khi nghe cô hỏi: đứa nào đây? Chẳng lẽ mới mười năm mà cô không còn nhận ra tôi. Buông cô ra, tôi suýt hét lên, khi biết là đôi mắt của Cô đã mù. Tôi chỉ thốt lên được mấy tiếng "Cô ơi, thằng Ninh đây Cô", rồi khóc nức nở.

Sau một khắc yên lặng, tôi nghe Cô cười, rồi đưa hai tay sờ lên đầu lên mặt tôi, rồi đến mấy đứa con tôi.

Tôi dìu Cô vào nhà. Nhưng cô bảo là cô đi được. Cô nói là cả một đời cô ở đây, mọi ngõ ngách và đồ đạc trong nhà như in trong trí. Tôi hỏi mấy đứa con ông chú đâu mà để cô ở một mình. Cô cho biết là nhờ dành dụm số tiền tôi gởi về, đứa lớn đã ra nghề thợ may, vừa lấy chồng, mở tiệm ở dưới huyện. Còn đứa nhỏ, Cô cho đi học làm y tá, vẫn còn ở với Cô.

Thấy chúng tôi về, mấy người hàng xóm sang thăm. Ai cũng nhắc lại cái thời anh em tôi còn bé và ca ngợi Cô tôi hết lời. Không biết ai nhắn tin, hai cô em, con ông chú tôi cũng về ngay, có cả thằng em rể. Sau này tôi mới biết nó chính là cháu họ của ông thầy giáo Huế, người tình của Cô Út ngày xưa.

Có sẵn chiếc taxi thuê bao, tôi mời Cô và mấy đứa em xuống phố ăn cơm, nhưng Cô không cho, bảo hai đứa em con ông chú làm thịt mấy con gà để mấy cô cháu vừa ăn vừa nói chuyện cho vui.

Cả một tuần sau, tôi bận rộn lo việc cải táng phần mộ của ba tôi từ Đá Bàn về chôn trong nghĩa trang gia tộc, bên cạnh ngôi mộ

của má tôi và ông bà nội. Cô Út theo ra đến tận nghĩa trang, đưa tay sờ ngôi mộ mới xây của ba tôi, rồi khóc sục sùi.

Hai tuần sau, tôi quanh quẩn bên cạnh cô tôi, kể lại hầu hết những kỷ niệm ngày xưa, và cuộc sống ở xứ người. Cô bảo có lần nằm chiêm bao, cô thấy ông thầy Huế về thăm Cô, nhưng người ông bê bết máu, Cô lấy khăn lau mãi mà máu vẫn cứ ứa ra.

Đêm nào trước khi đi ngủ, Cô cũng bảo cha con tôi thắp hương và lạy trước bàn thờ. Tôi lại nhớ tới những điều cô cháu tôi ước mơ thuở trước.

E dè mãi, đến đêm cuối cùng, khi đứng trước bàn thờ, tôi lấy sợi dây chuyền vàng có mặt cẩm thạch ra, đeo vào cổ cho Cô. Tôi ôm chặt Cô thì thầm : "xin cho con trả lại Cô cái điều mà ngày xưa cô mơ ước". Ba đứa con tôi vỗ tay phụ họa : "đẹp lắm ! bà Nội ơi, đẹp lắm!"

Cô tôi không mân mê cái mặt cẩm thạch như lần trước, cách đây hơn bốn mươi năm, khi tôi tặng Cô, mà chỉ đứng lặng im , bất động. Tôi biết, trong đôi mắt mù lòa kia, dù không còn thấy cái mặt cẩm thạch màu xanh có khắc hai mẫu tự tên mình, nhưng Cô tôi đang nhìn thấy cả một quá khứ xa xăm, bao la và sâu thẳm như chính tâm lòng Cô.

Cuối cùng thì tôi cũng phải chia tay Cô, bỏ lại đằng sau dấu tích của cả một phần đời, mà tất cả vui buồn bây giờ đều đã trở thành kỷ niệm, nằm sâu chôn chặt tận đáy lòng. Tôi nghĩ, có lẽ đây là lần cuối cùng tôi gặp Cô.

Dắt ba đứa con bước ra khỏi cổng nhà ông Nội, tôi không dám quay đầu nhìn lại. Một câu hỏi chợt lóe lên trong đầu : Rồi mai này, tôi lại tiếp tục lưu lạc tha phương. Cũng như sợi dây chuyền mặt cẩm thạch tôi vừa mới tặng cho Cô tôi, liệu cái việc đi đó đi đây trên xứ lạ quê người của tôi bây giờ, có còn là những điều mà Cô cháu tôi đã từng một thời mơ ước?

phạm tín an ninh



Tuổi thơ con là chỗ ngoại nằm

Từ khi rời quê ra phố chợ
Có đôi lần con trở về thăm
Tuổi thơ con là chỗ ngoại nằm
Chiếc chõng tre kê đầu hiên vắng

Chiếc võng gai mấy mùa mưa nắng
Mỗi trưa ngồi - con nhổ tóc sâu
Trong tiếng gù gù của lũ chim câu
Ngoại dắt con qua từng trang Kiều lầy

Câu Lục Vân Tiên như mái dầm mái dầy
Giọng ngoại chèo lúc nhặt lúc khoan
Đề hồn con là cánh vục xoay tròn
Rồi ngủ rụng trên vai còm của ngoại.

Bên bộ ván đã bao đời chìm nổi
Những lọ sơn - những thỏi mực tàu
Những tờ giấy điều - giấy bồi vàng thau
Cũng ứa ố theo tuổi già của ngoại.

Vết mực loang động trong lòng nghiên tối
Ngọn bút tã nên cũng chẳng buồn chăm
Tuổi thơ con là chỗ ngoại nằm
Có thời Xuân Thu đi về qua trang sách

Có thừa Thịnh Đường vang vang trên vách
Dốc bầu thơ Lý Bạch ngửa nghiêng sâu
Trong con - ngoại là ngõ trúc ngọn cau
Là bóng hạc trên mái đình rêu phủ.

Là chiếc nôi êm ru hồn con ngủ
Giữa vòng tay quê - không bến không bờ.

(Trích từ thi tập Vọng Khúc của Phan Thị Ngôn Ngữ)

Mời các bạn yêu thơ xem tiếp phần giới thiệu sách, thi tập mới nhất của tác giả.

Cười

Lê Nguyên (sưu tầm)



Lấy chồng đập xích lô

Một cô gái đi thi hoa hậu, tới phần thi vấn đáp, ban giám khảo nhìn vào hồ sơ thì thấy ghi:

"4 đời chồng, nhưng vẫn còn trinh ".

- Cô có thể cho biết,tại sao cô có bốn đời chồng mà vẫn còn trinh ?"

Cô gái trả lời vui vẻ:

- Thưa các bác, người chồng đầu tiên của em là một cán bộ công tác tại phòng điều tra xét hỏi nên cứ giữ em nguyên vẹn,do vậy không mần ăn chi hết. Người thứ hai là một nhà lý luận chính trị, cho nên chỉ có biết lý thuyết chứ không biết thực hành gì ráo. Người thứ ba là cộng tác tại viện bảo tàng,nên rất cẩn thận anh ta hông dám sờ vào hiện vật. Người thứ tư cộng tác tại phòng kế hoạch, nên anh ta chỉ vạch ra xem rồi để đấy không làm tiếp, cho nên em cho đi luôn...

Ban Giám Khảo hỏi tiếp:

- Nếu đoạt được vương niệm hoa hậu, cô sẽ lấy chồng làm nghề nào ?"

- Em sẽ lấy anh đập xích lô"

- Tại sao lại là anh đập xích lô ?

- Thưa các bác, đời em đã trải qua nhiều phong ba bão táp, do vậy em thấy lấy chồng đập xích lô là thực tế và chắc ăn nhất , hông nói nhiều lời vô ích...hề leo lên là đập tới bến liền, hi..hi !

Từ ngữ Computer

Một vị khách bước vào một tiệm máy vi tính lớn tại thành phố Hồ chí minh, lên tiếng phàn nàn với cô gái dịch vụ :

- Cô ạ, tôi thấy hình như phần mềm (Software) của cô không tương thích (compatible) với cấu hình phần cứng (hardware) của tôi ở nhà. Tuần trước, khi vừa xách máy về, tôi liền cài đặt (install) phần mềm của cô vào ổ đĩa cứng (harddisk) của tôi thì sự cố đã xảy ra như sau: Bộ xử lý trung ương (CPU) của tôi đột nhiên yếu hẳn đi rồi lịm luôn . Tôi nghĩ, có lẽ trước khi giao máy cho tôi, cô đã có sẵn mầm bệnh nội trú (internal virus) âm thầm từ lúc nào rồi."

- Ấy chết, anh đừng nói vậy oan cho em đấy nhé! Phần mềm của em tốt lắm. Bảo đảm sạch sẽ, mọi người ai đã dùng qua cũng đều thỏa mãn cả."

- Không đâu, thực sự là có vấn đề cô ạ."

- Thế thì lúc cài đặt anh đã kích hoạt (start up) đúng mức chưa ? Anh có điều chỉnh cổng vào cho cân đối không ?"

- Có chứ! Tôi đã làm đầy đủ các thao tác (procedure) theo cách hướng dẫn, có thứ tự bài bản hẳn hoi !"

- Thế anh có thể nào cho em xem công cụ của anh được không nào?"

Anh chàng vội vàng đưa cái computer lên. Cô bán hàng sầm soi, mở máy ra xem một hồi rồi nói :

- Em thấy công cụ phần cứng của anh đã cũ và yếu lắm rồi đấy. Thế hệ của anh như thế này thì làm sao mà xử lý phần mềm đời mới như của chúng em được. Phải nâng cấp (upgrade) thôi anh ạ . Thế anh có muốn sử dụng thêm loại công cụ tiện ích (utilities tools) bổ sung không? Hàng Trung Quốc mới về, tốt lắm !"

- Thế nó có phục hồi và tăng cường chức năng cho tôi không cô ?"

- Có chứ anh ! Nó giúp tái hồi bộ vi xử lý, tăng kích thước bộ mạch chính (main bus) và làm tăng tốc xung nhịp (overlook) của anh nữa ! "

- Được rồi, cô cho tôi cái ấy ngay đi"

- Vậy xin anh đặt phần cứng lên đây ngay để em truyền vào nha. Tiếc cái là bây giờ băng thông (bandwidth) của em quá hẹp nên anh chịu khó dẫn truyền (transfer) chậm chạp từng ít một . Đừng tham mà tiếp thu (receiver) nhanh nhé, kẻo làm chúng em nghẽn mạch (overload/hung), còn biết bao nhiêu khách hàng đang đợi tiếp thu nữa đó!"

(tiếp theo trang 41 và 42)



NGHĨ VỤN TRONG CHIỀU HÔM .

Cung vĩnh Viễn

Buổi chiều. Cái khoảng thời gian tranh sáng tranh tối ấy dễ gợi cho lòng người những nỗi buồn hoang mang vô cớ. Huống chi là những buổi chiều của tuổi xế bóng vẫn thấy mình chơ vơ nơi đất khách quê người. Thì cũng rót lung ly rượu, ngồi trầm ngâm trước chiếc máy truyền hình, nhưng mắt không thấy mà tai cũng chẳng nghe, bởi vì lòng thì đang lang thang ở một nơi nào xa xôi lắm. Ở một nơi nào cũng chẳng rõ nữa, bởi vì biết có nơi nào để nhớ để thương. Thôi thì ghi lại một vài ý nghĩ vụn vặt trong đầu như một thân tình gửi đến cho một người bạn nào đó có thể sẻ chia với mình ...

Đến cái thời điểm rộ lên cái phong trào hội ái hữu các trường học mở những website hay những forum trên mạng, thì một số bạn bè cùng học với nhau từ năm đệ thất trường Nguyễn Trãi chúng tôi cũng mở một website NT-CVA 56-63 để liên lạc với nhau. Chúng tôi chỉ giới hạn các bạn trong 4 lớp đệ thất Nguyễn Trãi năm 1956 và kéo nhau lên Chu Văn An học tiếp 3 năm đệ nhị cấp cho tới năm 1963 thì ra trường, để rồi chia tay muôn ngả. Hai trăm bốn mươi đứa của 4 lớp đệ thất năm 56, qua bao dâu bể của cuộc đời, đến hôm nay cũng còn được hơn 50 đứa ở khắp nơi, theo tiếng gọi đàn mà về lên tiếng trên web.

“Những thằng con nít sáu mươi
một hôm bỗng thấy nhớ trời đất xưa
nhớ ngôi trường cũ học nhờ
nhớ thầy nhớ bạn nhớ giờ ra chơi
Những thằng con nít sáu mươi
tìm nhau kể chuyện trên trời dưới
song
trên trời mây nổi mênh mông
dưới sông bèo dạt bênh bồng nổi trôi
...

Phải rồi, những kiếp người như mây trôi bèo dạt đâu có ngờ còn có ngày biết được tin nhau, trò chuyện rôm rả, hẹn hò tay bắt

mặt mừng. Và rồi với sự tích cực của một số bạn có khả năng, nhóm chúng tôi đã họp đại hội hai lần, lần đầu ở Cali vào tháng 7 năm 03 và lần thứ hai vào tháng 10 năm 05 tại Texas. Tuy không lần nào đầy đủ những đứa đã liên lạc được, nhưng vài chục thằng, thêm các bà vợ nữa cũng xôm tụ lắm rồi.

Những thằng con nít sáu mươi? Vâng, nhóm từ đó không sai đâu. Đám chúng tôi những đứa đi học đúng tuổi thì năm nay vừa chẵn sáu bó. Một số học trễ, vài tên học sớm một năm. Trong mấy chục thằng đang liên lạc với nhau, xét về mặt nghề nghiệp thì gồm đủ loại: giáo sư đại học, bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư, điêu khắc, công nhân, thất nghiệp Tuy khác biệt như thế, nhưng trên web hay khi gặp mặt là mây tào chi tở, cãi nhau chí chóe và tranh dành hơn thua y hệt như thời còn đi học, vì thế gọi những thằng con nít sáu mươi để chỉ bọn tôi là rất đúng.

Chúng tôi cãi cọ nhau về bất cứ chuyện gì. Nhưng chuyện gì rồi thì cũng quy về “chuyện ấy” hết. “Chuyện ấy” là cái chuyện phòng the, cụ nào cũng bảo ta đây sáu mươi nhưng còn gân lắm, và tố cáo các cụ bạn mình là đã lén lút gia nhập hội “Chung vô Diễm”, nói lái đi là “Chim vô Dụng”. Có lẽ già với nhau cả lũ rồi, và khi “lực bất tòng tâm” thì đành dùng cái miệng ba hoa, nói ra cho bớt cơn ản ức đi chăng?

Nhớ lại nội dung của hàng ngàn cái Mail đã được post lên web, tôi thấy nổi bật lên mấy điểm chính sau đây:

MỘT là các trò HOBBY của các cụ nhà tôi.

Có một hai cụ vẫn còn đang tiếp tục họp hành trong các nhóm này, phe nọ. Nhưng trò hobby này không còn mấy hấp dẫn nữa, nên mấy cụ này không dám cổ vũ hay bàn bạc trong đám bạn bè thân. Có ai hỏi tới thì các cụ đánh trống lảng. “Thì cũng làm cho vui ấy mà”. Nghĩ lại, điều này chẳng những không vui, mà còn thật là buồn. Thế hệ chúng tôi đã trực tiếp tham gia vào cuộc

chiến, trong đám 240 thằng nhóc ngơ ngác chờ chia lớp ở sân trường năm 56, chúng tôi biết chắc có khoảng gần 20 đứa thuộc mọi binh chủng đã hy sinh vì tổ quốc, đám còn lại cũng cả trăm thằng đi tù đầy. Thế mà loay hoay làm sao, đưa nhau ra khỏi xứ, để rồi bây giờ đến tuổi già, nói chuyện non sông với nhau cũng thấy ngại ngùng ...

Cái hobby thứ nhì coi bộ thu hút đông đảo quần hùng. Đó là phong trào hát Ka-ra Ô kê và ra CD gửi cho bạn bè và người quen biết. Ngay từ khi website được mở mấy ngày, đã có một cặp sốt sắng gửi tặng bạn bè một CD do hai vợ chồng tự biên tự diễn. Đĩa nhạc được đón tiếp nồng nhiệt, không ai ngờ ở cái tuổi 60 mà bạn mình còn giữ được giọng hát âm áp truyền cảm đến thế, thêm vào đó là tiếng hát trầm bổng có vẻ ca sĩ nghiệp dư của bà vợ nữa. Tiếp theo đó ba bốn cặp khác cũng tặng bạn bè đĩa nhạc của gia đình mình và cũng đều nhận được hàng chục mail khen ngợi, tuy rằng lời lẽ càng lúc càng kém nồng nàn, lý do dễ hiểu là bạn bè...hết những từ hoa mỹ rồi. Có cặp còn gửi tiếp 2,3 CD nữa, cái này thì có lẽ hơi...bị nhiều, nên nhiều người nhận được CD mà quên ...khen ngợi, chỉ cảm ơn qua quýt. Thế là lại có màn giận dỗi, rằng là bọn mày bên khinh bên trọng phải không?

Qua những mail cảm ơn qua lại mới thấy là trong nhiều gia đình Việt Nam ở hải ngoại, phong trào Ka-ra Ô kê rất thịnh hành, kể ra thì nêu cuối tuần vợ chồng con cái và bạn bè tụ họp ca hát với nhau cũng là một thú giải trí lành mạnh. Chỉ trừ một vài tai nạn nho nhỏ. Chẳng hạn như bà A đã ra công tập luyện một bài hát tú, định đến đám cưới con bạn bè cuối tuần sẽ lên biểu diễn, nào ngờ đến tiệc cưới, bà B lại hát trước và hát đúng bài bà A đã tập. Thế là lại có màn lườm nguýt : “Cái con mẹ B cứ thậm thụt với thằng MC, trông thấy mà ghét...”

Ngoài ra, khi xem những CD với hình ảnh của bạn bè ca hát, thấy một bạn xưa đứng cầm micro, đầu cũng lắc bên này, bên kia, chân cũng nhún nhảy đánh nhịp và tay cũng vuốt vuốt sợi giây giống như ca sĩ trên sân khấu. Thì điều này chắc cũng tự nhiên thôi, giống như khi ra sân đá banh thì dù không phải là cầu thủ, mình cũng phải chạy, phải lừa. Chứ chẳng lẽ lại đứng ỳ

một chỗ? Thế nhưng nhìn cái hình ảnh của bạn cầm micro với những động tác kể trên vẫn thấy kỳ kỳ. Vì nó khác với cái hình ảnh mình vẫn lưu giữ về bạn mình nhiều quá. Hay là tại mình không biết hát nên ghen tị đó thôi?

Cái hobby thứ ba của các cụ bạn tôi là làm thơ, viết văn. Ai đó đã nói rằng mỗi người Việt Nam là một thi sĩ. Điều này chắc ... đúng cho bọn tôi. Đã có một dạo chúng tôi trao đổi mail với nhau toàn bằng thơ. Thôi thì đủ loại thơ xuất hiện. Đến nỗi trong bọn có một cụ duy nhất không biết làm thơ mà cũng phải bật ra...thơ rằng :

“Chúng mày viết lách lung tung
làm cho ông muốn nổi khùng đến nơi
chúng mày mà không chịu thôi
thì ông đây sẽ nghỉ chơi chúng mày.”

Cụ...làm thơ cũng có vần điệu hẳn hoi đấy chứ. Và cụ dọa thế thôi chứ nghỉ chơi với bạn xưa thì cụ chơi với ai bây giờ. Cho đến khi có một cụ văn sĩ thứ thiệt được bạn bè giao phó cho trách nhiệm lựa lọc trong các bài đã viết để làm đặc san cho kỳ Đại hội.

Cụ này bèn hung dũng phân chia bài vở văn thơ của bạn bè làm nhiều trường phái :

- trường phái “bắp thịt trước đã”
- trường phái”cao đơn hoàn tán”
- trường phái”mắm cáy dùi đục”

Sự phân loại này gây chấn động trong giới giang hồ ngay lập tức. Bao nhiêu thói hư tật xấu của văn sĩ từ thời đề chỏm đều được khai ra: nào là hay cộp dê toán của thằng ngồi bàn trước, hay dùng ngón chân cái để lật sách dưới chân bàn trong các kỳ thi lục cá nguyệt, hay xin quà của bạn ...khiến cho văn sĩ phải trốn biệt một thời gian. Nhưng cuối cùng đặc san vẫn được thực hiện với những bài vở và hình ảnh thật cảm động.

HAI là các VẤN ĐỀ của các cụ bạn tôi (và của chính tôi nữa):

Trước hết là vấn đề sức khỏe và bệnh tật.

Tuổi già được báo hiệu bằng những cơn nhức mỏi đâu đó nơi khắp cơ thể. Một buổi sáng thức dậy tự nhiên thấy các khớp xương như rời rã, đau lưng, đau vai đủ thứ. Rồi từ hôm ấy mọi thứ bệnh từ đâu đổ tới ùn ùn. Đầu tiên có một cụ rên rĩ trên web rằng sao dạo này tao thấy người uể oải, đau nhức tùm lum.Thế là các cụ đua nhau khai

bệnh và mách bảo cho nhau những phương pháp và thuốc men chữa trị. Ai cũng cho là bệnh như tao mới là thứ thiệt và phương pháp của tao mới thực hay ho. Các cụ ồn ào quá đến nỗi trong nhóm có hai cụ giảng sư y khoa và ba cụ bác sĩ phải đồng thanh ra tuyên cáo rằng :”Nếu chúng mày không chịu khỏi bớt bệnh đi và chấm dứt tạt mách thuốc bậy bạ thì tui tao sẽ giải nghệ hết cho mà coi.”

Phong trào khai bệnh bớt đi thì các cụ xoay qua việc truyền bá cho nhau những cách thức tập luyện, nào là khí công, nào là tài chi, nào là suối nguồn tươi trẻ. Cụ nào cũng bảo nhờ tập luyện mấy năm nay mà cụ bà khen rồi rít. Cho đến một hôm có một cụ bất cẩn để cho cụ bà đột nhập vào trong web và cụ bà này cho nổ một trái bom cỡ bự :”Thôi đi các ông ơi, trong kỳ họp đại hội vừa rồi chị em chúng tôi đã trao đổi riêng và đồng ý rằng ĐÃ LÂU LẮM CHÚNG TÔI CHƯA HỀ ĐƯỢC KHEN CÁC ĐỨC ÔNG CHỒNG CỦA CHÚNG TÔI CÂU NÀO CẢ.” Bị trận khủng bố này, web vắng bặt hẳn đi, đến mấy tuần sau mới lại thấy xuất hiện lại rai.

Nhìn chung, các cụ sáu bó trong nhóm chúng tôi không có cụ nào quá tệ về tình trạng sức khỏe, nên vẫn còn cười đùa rả rích với nhau được.

Kể đến là các vấn đề trong gia đình.

Đến tuổi sáu mươi, nhiều người lập gia đình sớm đã có cháu ngoại cháu nội đầy nhà. Trong nhóm chúng tôi số này không nhiều lắm, có lẽ là do thời trẻ tuổi còn ham vui nên không chịu lấy vợ, mà chỉ lo đi cua đào mà thôi. Cho nên hầu hết các cụ trong nhóm chúng tôi có con cái vừa học xong hoặc mới đi làm vài năm, đang ở tuổi kiếm vợ kiếm chồng. Chuyện gia đình riêng tư không mấy ai đem lên Web khoe khoang hay than thở. Nhưng qua các Mail trao đổi riêng hay qua điện thoại cũng ghi nhận được những vấn đề chung của các gia đình, dù ở nhiều nơi khác nhau.

Nói chung, thanh niên thiếu nữ Việt Nam ở hải ngoại bây giờ thường lập gia đình trẻ. Nguyên nhân? Thì có nhiều nguyên nhân lắm, tùy theo cách nhìn của mỗi người. Chỉ biết là làm cha mẹ khi thấy con cái đến tuổi thành thân mà vẫn cứ lượn lờ, dửng dưng đi

về một bóng, ai mà không lo âu sốt ruột. Rồi thì đánh kết luận với nhau :”Tuổi trẻ bây giờ chúng như vậy đây.”

Cho đến một hôm có một cụ trong nhóm đặt thẳng vấn đề. Đại ý cụ bảo rằng : “Nói tuổi trẻ bây giờ chúng như vậy đây chỉ là một cách nói cho qua chuyện. Chúng ta ai cũng đã từng có một thời là tuổi trẻ. Ai cũng đã qua cái thời kỳ trai thì nằm sấp, gái thì thờ dài theo lời các cụ xưa. Đó là cái thời kỳ của mơ mộng, của khát khao thêm muốn, của những hoài bão tương lai. Và mỗi con người chỉ có một thời. Cái thời ấy nó qua rồi thì không còn cách nào mà kiếm lại. Con cái chúng ta bây giờ khó kiếm vợ kiếm chồng có nhiều nguyên nhân, chẳng hạn như hoàn cảnh của đám thiếu số chúng ta với sự xung đột của hai nền văn hóa, cái môi trường xã hội với nhịp sống dồn dập khiến con người không có cơ hội và thời gian gặp gỡ tìm hiểu nhau, cái duyên số của mỗi người, nhan sắc, tính tình của mỗi đứa ... Nhiều thứ lắm, và thử hỏi có cha mẹ nào nghe thấy và chia sẻ được với con cái những tiếng thờ dài trần trờ trong đêm vắng của chúng hay không ?”

Cái phân tích của cụ bạn nọ làm nhiều người lại mất công bản khoăn nghĩ ngợi, nhưng mà đâu có ai làm gì hơn được ? Và hôn nhân của con cái vẫn cứ là mối lo âu của cha mẹ. Có lần tôi đọc được trong Đặc San của cựu học sinh một trường nữ nổi tiếng một bài văn vui với tựa đề “Kiếm Rể”, trong đó có đoạn nguyên văn thế này :”Con gái tôi, năm nay ba mươi tư tuổi, được sĩ, rất giống tôi thời con gái, chưa chồng và chưa hề có người yêu, bạn nào có con trai xứng hợp tuổi tác xin cứ nộp đơn.” Rất giống tôi thời con gái, bà mẹ không muốn xung tụng nhan sắc của con mình, nhưng bạn bè xưa đều nhớ là thời còn đi học, bà mẹ này nổi tiếng đẹp và hàng ngày đi học kéo theo cả một hàng dài các cây si. Được biết đây là một chuyện vui nhưng cũng là chuyện thực.

Cũng có những gia đình có vấn đề với con cái, nhưng là vấn đề luxus. Chẳng hạn như một ông bạn ở Washington DC, ông là bác sĩ, vợ là dược sĩ. Nhưng nghe nói ông đã ăn chay trường và ngồi Thiền cả năm bảy năm nay. Thấy lạ bèn hỏi thăm bạn bè rằng :- “Thằng X gia đình thành đạt là thế, nay lại

Thiền và ăn chay trường, quả là có phúc, có duyên nhi.” Bạn cười :”-Cái thằng mát dây ấy mà.” –“Mát dây ? Mày đồn sao chứ ?”.Gặp thằng bạn phũ miệng, nó mắng :-“Mày già mà còn ngu, đến ông trời còn có lúc mát dây huông chi là con người.” Tức. Không thèm hỏi thêm nữa.Nhưng có một hôm chính ông bạn X gọi điện thoại tâm tình. Thì ra gia đình ông quả là thành đạt, con trai nối nghiệp bố, cũng là bác sĩ, chuyên về giải phẫu thẩm mỹ kiếm vô số bạc. Con gái là luật sư chuyên về quốc tế công pháp, làm việc cho một tổ hợp luật sư danh tiếng ngay tại thủ đô. Công ăn việc làm yên ổn rồi, ông con trai thừa với bố mẹ là muốn cưới vợ ,một cô bác sĩ người Mỹ. Cô con gái cũng muốn lập gia đình với một ông tiến sĩ người Do thái.

Ông bố nghe hai cái tin ấy thì giận điên lên. Và trong cơn giận, ông thốt ra một câu mà sau này có hối cũng không lấy lại được nữa :-“Chúng mày đợi cho tao chết đi rồi hãy lấy tụi ấy.”Hai đứa con của ông đều ngoan, bố nói thế thì chúng không đề cập đến chuyện lấy vợ lấy chồng nữa, nhưng sẵn tiền bạc, chúng mua nhà riêng và sống chung với người yêu. Ai cũng biết và ông bố cũng biết. Nhưng biết thì ông làm được gì ?Không làm được gì thì ông làm...ngơ. Để cho thỉnh thoảng chúng còn ghé qua thăm bố mẹ già.

Ông bố buồn lắm, và cũng sẵn nhà cửa to rộng, ông bèn thiết kế căn lầu thành một thiền viện, thỉnh tượng Phật và mua đầy sách vở về nghiên cứu . Ông ăn chay trường cũng cả trên năm năm rồi...Trong cuộc điện đàm ấy, ông bạn chép miệng :”-Nghĩ cho cùng thì cũng là do mình, đưa chúng nó sang đây, khi còn nhỏ thì không muốn chúng giao du nhiều với đám Việt Nam, sợ ham chơi không học hành được, lớn lên thì gom góp tiền bạc cho chúng vào trường danh tiếng, nhìn qua nhìn lại đâu có mấy mống Việt Nam, chúng nó quen biết với Mỹ, Do thái cũng là phải thôi “. Nhân cái chép miệng ấy, mới góp lời bàn :”-Biết thế sao ông còn khó khăn với chúng làm chi ? Mà chúng chọn người bạn đời cũng xứng đáng đấy chứ.” Nghe xong câu nói, ông bạn lại gầm lên .”-Xứng đáng ? Ông nghĩ coi con gái mình yêu thương biết bao,

bây giờ nó phải học tiếng Do Thái, theo đạo Do Thái, nó đâu còn phải là con mình nữa.” Nghĩ trong bụng, thì bây giờ nó cũng đâu còn là con mình, nhưng không dám nói, mà vô tình lại thốt ra cái câu quen thuộc :”-Thì tuổi trẻ bây giờ chúng nó thế đấy.” Trở lại cái bế tắc ban đầu.

Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ. Không biết và không nhớ là ngày xưa chúng tôi có làm khổ bố mẹ mình như thế này không ?

Buổi chiều. Và những giây phút hoang mang buồn bã của tuổi xế chiều nơi đất khách quê người. Giật mình khi nghĩ đến các mối giao tình cứ mỗi ngày một nhạt nhẽo lạnh tanh. Cuối đời một đám bạn bè cũ tìm lại được nhau kể lể hàn huyên cho tuổi già bớt hiu quạnh. Mà trong nhóm thực ra mỗi người chỉ thực sự quen hay thân năm, mười đứa. Số còn lại chỉ là những cái tên quen, chứ đâu nhớ nổi mặt mũi nhau, nhất là đã gần 50 năm không gặp. Có điều là từ nay, bất cứ tên nào trong nhóm có dịp đi du lịch các thành phố lớn ở Mỹ, Úc, Pháp là đều được bạn cũ đón tiếp nồng nhiệt. Thế chẳng phải là một niềm vui lớn hay sao? Cụ Không ngày xưa bảo :”Lục thập nhi nhĩ thuận”, đến cái tuổi sáu mươi phải biết thuận theo cái lẽ trời. Gần đây được đọc một bài báo trong tờ Time, bàn về tuổi già, tác giả cũng kết luận đại ý là: cầu mong cho mình có được sự can đảm để chấp nhận những sự việc xảy ra ngoài khả năng giải quyết của mình, có được sự bình tĩnh, sáng suốt để giải quyết những sự việc trong khả năng của mình và có được sự khôn ngoan để phân biệt được sự việc nào ở trong, sự việc nào ở ngoài khả năng của mình.

Thì ra Đông và Tây cũng gần nhau lắm đấy chứ. Nhưng biết như thế mà có làm, có sống được như thế không mới là vấn đề. Và là vấn đề muôn thuở của con người.

Cung vĩnh Viễn.



Historien Om En Mor

Câu Chuyện Một Người Mẹ

Kristine Baardsen. Dương Kim dịch

Nhà văn nữ Kristine Baardsen, sinh năm 1930 ở Na Uy. Dưới đây là một trong những chuyện ngắn nổi tiếng của bà về tình cảm gia đình. Bạn đọc sẽ thấy tình mẫu tử dù ở đâu, Việt Nam hay Na Uy cũng đều đầm ấm, thiêng liêng. Câu Chuyện Một Người Mẹ nói lên nỗi đau lòng của người con thương yêu mẹ, do hoàn cảnh ngoài ý muốn, phải đưa mẹ vào bệnh viện tâm thần.

Sáng nay, Anne dậy sớm. Trước khi tỉnh hẳn ngủ, cô linh tính như có chuyện gì không ổn đang đợi. Erik, chồng cô đang ngủ say bên cạnh; cô cảm thấy an tâm và thích nghe tiếng thở đều của chồng. Cô nhẹ bước xuống giường, đi ra ngoài đứng lắng nghe về phía phòng của hai đứa con sanh đôi: Trời đất, giờ này hai đứa còn ngủ.

Cô choàng áo khoác tắm lên mình rồi đi nhanh xuống cầu thang qua nhà kho, mở khóa phòng khách ngoài¹ nhà kho ở tầng một. Lúc bước vào phòng của mẹ, thấy đèn vẫn sáng. Hai tấm thảm được cuộn lại, bàn ăn bị kéo tới bên cửa sổ. Nhà bếp bốc mùi khét. Bà Braathen mặc bộ áo ngủ bằng ni lông, chân gác lên lò sưởi, tay quấy nồi mạnh mẽ. Nước da bà đỏ ửng. Lúc nhìn thấy con gái, bà mỉm cười sung sướng:

“Cơm trưa sắp xong rồi, mẹ nó à, con biết là khi bố con đi làm về, ông thích đồ ăn đã được dọn sẵn lên bàn chứ?”.

Anne nhìn vào nồi. “Nhưng trời ơi! Mẹ, sao mẹ bật bếp lớn thế, đồ trong nồi khét rồi!”. Bà Braathen lấy đồ ăn từ hôm qua đổ chung với súp, có cả thứ gì giống như mứt, trộn vào nấu. Anne tắt bếp, đưa tay lên ôm vai mẹ. “Tại sao mẹ cuộn mấy tấm thảm lại vậy?”

“Ồ con à, con biết là dạo này trộm cắp dữ lắm. Mẹ cuộn thảm lại để chúng đừng thấy

đó. Con lại đây coi mẹ mới làm bông nè!”. Trên khung cửa sổ có mấy bông hoa, trước đây bà mẹ khéo tay lắm, bây giờ bà quấn dây rối bù buộc mấy bông hoa khô vào những cành cây. Rồi nhìn có vẻ hài lòng: “Mẹ làm mệt lắm đấy con ạ, nhưng để nấu cơm trưa cho bố xong, mẹ sẽ lên giúp con coi sóc mấy đứa trẻ”.

“Mẹ à, mẹ, hôm nay mình con trông mấy đứa nhỏ được rồi, như vậy cho tiện”. Bà Braathen nhìn Anne vẻ đau đớn, Anne vội vàng nói: “Nếu mẹ ở yên đây thì khi hai cháu gái ăn uống xong, con sẽ bế tụi nó xuống, rồi con lấy xe hơi chở mẹ đi chơi”. Bà mẹ vui mừng, bà thích đi chơi bằng xe hơi lắm, con rể bà, Erik, thỉnh thoảng vẫn lấy xe chở bà đi chơi chút chút. “Ồ được,” bà nói, “Lên trông tụi nó đi, còn mẹ thì đi chợ”. Mặc dù Anne biết cửa ngoài đã khóa, chìa khóa cất kỹ ở trên lầu, nhưng cô vẫn không yên tâm. Cô nghĩ tới những lần mẹ “đi chợ”, cả ngày lẫn đêm, đôi lần đi ra ngoài, bà chỉ mặc áo ngủ. Cô ngồi xuống ghế sa-lông, mẹ cô cũng ngồi theo bên cạnh. Mặc dù da mẹ vẫn hồng hào, nhưng nhìn bà già nua và mệt mỏi quá. “Bây giờ mẹ bình tĩnh lại một chút nhé mẹ, con đi lấy đồ đan để mẹ ngồi đây đan cho thoải mái”, cô nói năn nỉ. Bà mẹ gật đầu. Bà lúc nào cũng thích làm việc nữ công, chẳng ưa ngồi rồi. “Ồ,” bà nói, “Mẹ phải đan cho xong mấy đôi vớ cho bố con”. Bố Anne mất

đã mười năm nay, nhưng mẹ vẫn thường xuyên đan vớ cho bố.



Khi Anne trở lên phòng ngủ, Erik đã mở nhạc ạc nhỏ nhỏ từ cái ra-dô đầu giường. Nhạc, vậy là đã hơn sáu giờ rồi, nhưng cuối tháng Mười Một trời vẫn tối. Cô lại nằm lên giường, Erik nắm tay cô, hỏi: “Hồi nãy em ở dưới à?”. Anne kể mẹ đang nấu cơm trưa, làm anh cười quỖ đi. Thỉnh thoảng Anne cảm thấy bức vớ chồng cười những chuyện mà cô thấy gớm và khó chịu, nhưng nhiều lần chồng cô vẫn làm cô cười vì mấy việc làm của mẹ cô, và cô biết mình phải vui vẻ mới phải. Erik nói: “Hôm nay anh không lái xe đâu”. Anne đáp: “Khỏi, em đã kêu taxi rồi, như vậy tiện hơn”. - “Em nhớ gọi điện thoại về cho anh càng sớm càng tốt để anh biết chuyện ra sao”. Erik rất quý mẹ vợ, anh biết bà từ lúc bà còn khỏe, và bây giờ anh thường cười vì những hành động lạ lùng và những câu nói ngộ nghĩnh của bà.



Sáng nay Anne đã hẹn taxi đến đón lúc chín rưỡi. Cô đi với mẹ và nhờ May Britt, một cô bé gái hàng xóm sang coi chừng hộ hai đứa nhỏ. Lúc May sang, nhìn hai mẹ con bà Braathen, khi thấy cái va ly nhỏ ở cạnh họ, May hỏi: “Mẹ cô đi du lịch hả?”. Anne lắc đầu, nhưng bà mẹ nói: “Ồ, mẹ nó, bà, và mấy đứa nhỏ sẽ đi xe hơi chơi đấy, nhưng cháu phải ở đây coi nhà nhé”. May tùm tùm cười. May biết bà lâu rồi. Lúc bà bắt đầu “mát”, May cũng hơi sợ sợ, nhưng bây giờ quen đi, thấy bà nói lảng nhãng cũng vui vui.

Taxi tới đúng giờ, Anne khoác tay mẹ đi ra xe, một tay xách va ly cho mẹ. Trong đầu cô cứ nhớ quanh nhớ quẩn mấy câu thơ đã học ở trường, cô chỉ đổi chữ “đầu” ra chữ “cuối”:

Bởi đó mà lần cuối
mọi sự sâu một mối...

Thôi quên đi, cô thầm nhủ, hãy suy nghĩ bằng cái đầu chứ đừng bằng trái tim!

May bồng hai đứa bé sanh đôi tới cửa sổ, cả ba vẫy tay chào. Khi xe chạy, bà mẹ ngồi nghiêng về phía Anne, luôn luôn bà

thích sự gần gũi. “Chỉ cần tài xế đừng tông xe làm cho mình chết”, bà sợ sệt, “Thằng Erik lái xe còn giỏi hơn”. Người tài xế trẻ hút thuốc hoài, anh nhìn mẹ con bà qua kiếng chiếu hậu. Anne có ấn tượng mỗi lần mẹ cô nói, làm anh ta cười khinh khỉnh.

Nhà thương thiệt lớn, khi xe tới thì cũng đã hơn mười giờ. Trời ơi, Anne tưởng tượng nếu họ bảo: “Không, cô tới trễ rồi, cô về đi”. Cô nắm tay mẹ đi nhanh tới phòng tiếp khách, ở nơi đó người ta sẽ chỉ cho cô biết phải đi tới khu bệnh nào; họ đón cầu thang máy lên lầu năm. Cái thang máy này khá lớn, chạy chậm chậm, bà mẹ lại ép sát mình vào người cô, thì thầm: “Thôi, mẹ nghĩ mình quay về đi”. Anne bảo: “Thì mình hãy nói chuyện với bác sĩ đã, mẹ bị cúm đấy”.

Cửa khu bệnh đã khóa, nhưng có chuông bấm. Một bà y tá ra mở. Trông bà khỏe mạnh, cương nghị và vui vẻ. Bà tự giới thiệu là y tá Olaug, bà mời mẹ con Anne vào rồi khóa cửa lại. Anne hỏi: “Phải khóa cửa sao?”. Bà y tá mỉm cười: “Vâng, chúng tôi phải khóa”. Cô quay sang mẹ, nắm tay bà. “Và đây là...”, bà y tá hỏi. Người mẹ trả lời: “Ingrid Anne Ødegaard”. Anne choàng tay lên vai mẹ nói: “Mẹ tôi tên Ingrid Braathen”, cô tiếp, “Ødegaard là tên hồi còn con gái của bà. Còn tôi tên Anne”. Bà y tá mỉm cười.

Ở phía hành lang dài có nhiều bà già đứng, ngồi, tất cả đều mặc áo trắng sọc xanh dương. Có hai bà nắm tay nhau đi về phía mẹ con Anne. Một bà quay đầu hướng về phía Anne nói với giọng cầu khẩn: “Tôi yêu cầu cho tôi biết giám đốc khách sạn này tên gì?”. Bà đi cạnh cười, bà này có cặp mắt xanh, nhỏ và mình mẫn, lại gần bà mẹ Anne, nói lớn: “Ở đây toàn người điên cả đấy, đừng có nghe chúng nó nói gì nhé!”. Bà mẹ kéo tay Anne: “Thôi mình về với mấy đứa nhỏ đi”, bà tiếp, “Mình đi cũng lâu rồi đấy”. Rồi quay qua nói với y tá: “Cám ơn bà, bây giờ chúng tôi phải về vì còn các cháu nhỏ ở nhà”. Bà y tá nhìn Anne như hỏi. Anne nói: “Vâng, chúng tôi có hai cháu gái sanh đôi được ba tuổi”. Bà y tá nắm tay mẹ: “Đi theo tôi, bà Braathen, rồi tôi chỉ chỗ ngủ cho bà”. Bà mẹ run sợ: “Ồ không, ồ không, tôi không ngủ ở đây đâu, tôi chỉ quen giường ở nhà”, rồi bà nắm tay Anne kéo ra cửa. “Mẹ bình tĩnh đi, mẹ”,

Anne kêu, “Mình ở đây một chút xem họ làm gì?”. Bà mẹ: “Không, mẹ xem đủ rồi, mẹ nghĩ mấy đứa nhỏ ở nhà đói rồi đấy”. Y tá nắm tay bà mẹ và nhìn bà. Anne nghĩ đến một cuốn phim cô đã coi cách đây nhiều năm. Có ông bị treo cổ, đao thủ nhìn ông ta để đoán ông nặng bao nhiêu. Cô bảo với bà y tá đang dắt tay mẹ cô, “Tôi ở đây thêm chút nữa”, rồi họ bắt đầu đi chậm chậm về mé hành lang.

Mẹ run sợ, tò mò nhìn những bệnh nhân. Hai mẹ con xì xào: “Coi cái bà kia bị mất một cvi răng kia”, “Không, nhìn lại coi, trông giống như con gà trống Tây ban nha”, “Chắc là gà mái đấy!” Nghe Anne nói, bà mẹ cười. Họ đi tới đi lui trong hành lang, rồi lại đi tới đi lui. Mẹ vẫn cứ nắm chặt tay Anne, Anne thấy bà bắt đầu mệt.

Một cô y tá trẻ đẹp đi đến hỏi: “Có phải mẹ cô đấy không, hai mẹ con trông giống nhau quá”. Bà mẹ cười sung sướng: “Ở nhà chúng tôi có hai cháu gái cũng giống nhau như đúc”. “Vâng”, Anne nói, “Tôi có hai đứa con gái sinh đôi”. Bà mẹ tiếp lời: “Ồ, nhưng chúng không cùng một trứng”, bà thích nói câu ấy, cứ mỗi khi có dịp bà lại nói ngay như thế, tựa bài học và rất hãnh diện đã thuộc lòng.

Cô y tá trẻ, tên Bente, dẫn họ tới phòng ngủ của bà mẹ. Phòng lớn gồm sáu giường. Bente chỉ cho bà mẹ giường của bà, nhưng bà tỏ vẻ không thích. Trên giường cạnh cửa sổ, một bà già nhỏ ốm, da bị vàng, mắt nâu to, hỏi Anne: “Cô có nghe chưa?”. Anne hỏi: “Nghe gì?”. Bà tiếp: “Ở Schous plass, người ta đào mất hết bụi dâu của tôi rồi”. Bà mẹ kéo tay Anne: “Thôi, mình về đi, con, chỗ này không phải cho những người bệnh thần kinh tới đâu”. Anne cười: “Có phải mẹ nói con đó không, mẹ?”, mẹ gật đầu.

Họ trở ra hành lang. Nơi đấy có một bà ngồi cạnh cửa, đưa đẩy cánh cửa qua lại, và lẩm bầm gì đó, Anne tới gần nghe: “Lát nữa chúng không đến, lát nữa chúng không đến”, cứ thế bà nhắc đi nhắc lại.

“Vâng”, cô y tá kể, “Bà Larsen có hai người con trai lớn ở dưới phố, nhưng họ chẳng bao giờ lại thăm bà”. Vừa nói, cô y tá vừa cời Yô choàng của bà Braathen: “áo của bà treo vào tủ này, chút nữa bà đi tắm và gọi

đầu”. Ô trời ơi, Anne thầm nghĩ, mỗi lần mẹ đi tắm là có chuyện, cả ba tuần nay mẹ chưa hề gọi đầu. Bà mẹ run sợ nhìn cô y tá. “Tắm”, bà nói, “Không, trước khi tới đây tôi tắm rồi”. Bà giữ lại áo khoác, tay kia nắm lấy tay con gái. Y tá bảo: “Tốt nhất là cô về đi”. Bà mẹ nghe thế, giang hai tay ôm lấy Anne. Anne bảo mẹ: “Mẹ à, mẹ bình tĩnh một chút đi, cô y tá chỉ muốn giúp mẹ thôi mà”. Rồi cô quay nói với y tá: “Giờ tôi đi gọi điện thoại về nhà rồi sẽ trở lại”. Bà mẹ buông Anne: “Ồ, nhưng con nhớ trở lại nhé?”. “Dạ, nếu mẹ để cô y tá giúp đỡ thì con sẽ trở lại”.

✱

Khi Anne ra, cửa tự động đóng lại. Xướng phòng hướng dẫn để gọi điện thoại. Cô quay số, May Britt nhắc điện thoại, Anne hỏi: “Có chuyện gì không?”. May lâu bầu: “Tụi nó khóc dữ quá”.

“Có đồ ăn cô nấu sẵn, cháu cho tụi nó ăn chưa?”

“Dạ có, nhưng cháu không thể ở đây lâu được nữa, Svein tới tìm cháu hai lần rủ đi phố”.

Anne nghĩ thầm, cái con quỷ này. Rồi bình tĩnh nói: “Này, May. Cháu có biết cái ví nâu của cô mà cháu thích không?”

“Dạ biết”, giọng May Britt tỉnh hẳn ra và nhiệt thành. “Nếu cháu hứa với cô ở đây cho tới khi cô về, thì cháu sẽ được cái ví đó, cùng lắm là hai tiếng thôi”.

“Vâng cô cứ đi đi”, May nói, “Mấy đứa bé nó ngoan rồi, cháu có thể ở đây tới ngày mai luôn cũng được”. Anne cúp máy, định quay số tới văn phòng của chồng, một cô từ phòng hướng dẫn đi đến: “Cô tên là Anne Hansson phải không?”. Anne gật đầu. “Bây giờ cô vào phòng bác sĩ Grud nói chuyện”, rồi cô chỉ phòng của bác sĩ cho Anne.

Lúc Anne vào phòng, bác sĩ đang xem hồ sơ. Ông đứng dậy bắt tay, mời cô ngồi, rồi tiếp tục coi hồ sơ.

“Mẹ cô năm nay 75 tuổi...”. Anne gật đầu.

“Mẹ cô bị bệnh bao lâu rồi?”

“Cách đây 2 năm”

“Tại sao vậy?”

Anne lưỡng lự. “Mẹ tôi nhìn thấy người, nhưng thực ra không có ai”. Cô thấy câu nói tối nghĩa vụng về. Nhớ lại hồi mùa hè năm đó, hai đứa sanh đôi được một tuổi, cô bế chúng ra ngoài vườn. Bà mẹ ngồi ghé cạnh cô, Anne chú ý thấy bà cứ nhìn về phía cây tùng lớn bên cạnh.

“Mẹ nhìn gì vậy?” Anne hỏi.

“Con không thấy à, Anne, con không nhìn thấy họ ở trên cây như thế nào sao? Người đàn ông thì đen, người đàn bà thì trắng, trắng như con vậy”. Anne ngạc nhiên, khiếp sợ nhìn mẹ.

“Ông ta đang cởi áo cô ấy. Ôi, con đừng nhìn, để mẹ kể con nghe họ làm gì. Rồi, bây giờ cô ấy quay lưng về phía ông ta, ôi, mẹ chưa từng thấy kinh khủng như vậy”.

Bác sĩ húng hắng: “Người hả?”

“Vâng, mẹ tôi nhìn thấy người ở trên cây. Tình trạng mẹ tôi lúc đầu cũng thường, nhưng có vài lần mẹ tôi bị xỉu mấy phút, khi tỉnh bà lại bình thường, rồi sau đó chẳng nhớ chuyện gì nữa”.

“Cô có anh chị em gì không?” bác sĩ hỏi.

“Không, tôi là con một”. Cô thêm: “Nhưng tôi nghĩ mình không cô đơn, và không thấy thiếu tình anh em bao giờ cả”. Vì Anne có nhiều bạn thân, bố mẹ cho phép cô lúc nào muốn rủ bạn về nhà chơi cũng được.

“Mẹ cô góa?”

“Vâng, bố tôi mất cách đây mười năm”. Cô thầm nghĩ: lạy Chúa tôi, nhờ thế mà bố khỏi phải chứng kiến cảnh mẹ bệnh bây giờ.

“Mẹ cô sanh quán ở tỉnh này?”

“Không, mẹ tôi từ Valdres tới”. Bố mẹ Anne dọn tới phố này lâu rồi. Nhưng qua bao năm bà gần như vẫn giữ giọng nói địa phương, hồi còn nhỏ, Anne đã phải hổ thẹn vì giọng nói của mẹ.

“Mẹ cô có bao giờ làm việc ở ngoài chưa?”

“Chưa. Nhưng trước khi lấy chồng, mẹ tôi làm công trong tiệm bông, rồi sau đó bà chỉ ở nhà lo cơm nước”. Bà thích việc nội trợ, làm luôn tay, nếu không làm việc trong nhà thì cũng ra làm vườn. Đối với bố mẹ tôi, làm việc là một điều hạnh diện. Ông bà trồng cây ngoài vườn, từng gốc cây, từng

khóm hoa một. Bà biết hết tên của mấy loại hoa.

“Mẹ cô ở một mình?”

“Vâng, như thế này, chúng tôi ở loại nhà cho hai gia đình, mẹ tôi ở tầng một, vợ chồng tôi tầng hai; giữa hai tầng kể như nhà kho”.

Nhưng từ khi bà mẹ bị dở hơi, vợ chồng Anne phải khóa cửa lại. Hồi bà còn khỏe, buổi trưa bà vẫn thường lên thăm con gái. Bà yêu thương mấy đứa cháu ngoại, Anne thích nhìn cảnh bà cháu nói chuyện, chơi giỡn với nhau.

Nhưng từ năm ngoái, nhiều lần bà lên lầu từ lúc ba, bốn giờ sáng, đứng trước phòng ngủ của Anne và Erik kêu: “Anne, dậy đi thôi, con tới trường trễ đó!” Có lúc bà làm cho mấy đứa bé thức giấc, từ đó Anne phải khóa cửa phòng của bà lại. Có vài đêm Anne chợt thức, tưởng như nghe thấy tiếng kêu và tiếng gõ cửa ở nhà dưới. Tội nghiệp mẹ, cô nghĩ và hình dung thấy tay mẹ đang đập cửa. Mẹ làm việc rất khéo tay, nhưng từ năm ngoái tay mẹ bị rũ liệt, làm như không còn là tay của mẹ nữa. Vì mẹ tôi gần như không có rửa ráy tay chân chi nữa.

“Mẹ cô có tự lo cho mình được không?”. Bác sĩ hỏi.

Anne khẽ bật cười: “Không, mẹ tôi chưa bao giờ cởi áo ngủ ra cả, có vài lần bà mặc ba cái áo đầm ra ngoài cái áo ngủ, mẹ tôi không bao giờ mang giày”.

“Mẹ cô có sạch sẽ không?”

Phải chăng bác sĩ có ý hỏi mẹ có tự đi cầu được không, có làm bậy ra quần không, Anne đoán vậy. Hồi Noel năm ngoái cô mua cho mẹ một cái áo ấm đẹp, mắc tiền. Mẹ chưa tự mua cho mình cái gì đẹp cả, nhưng bà thích đồ đẹp lắm, nhìn thấy chiếc áo đẹp, mắt bà sáng lên với màu xanh của chiếc áo. Mười bốn ngày sau, vào một buổi sáng cô đi xuống phòng mẹ, cô nghĩ thấy mùi hôi hám từ mẹ. Chiếc áo ấm đẹp màu xanh, mẹ đem dùng như quần lót. Kẹp giữa cặp đùi gầy, tay áo lòi lên, chiếc áo ấm dính đầy phân.

“Không”, Anne nói, “Mẹ tôi không được sạch cho lắm”.

“Tôi biết, mẹ cô có người giúp đỡ mà!”

“Vâng có, nhưng chỉ được vài lần rồi họ lại bỏ đi. Mẹ tôi nói không quen thấy “người lạ trong bếp”, bà không biết là họ tới để giúp bà, nên họ làm gì mẹ tôi cũng chận lại”.

Một hôm Anne và Erik đăng báo cho mượn hai căn phòng cùng tầng lầu với bà mẹ. Để cho người phụ nữ nào có thể trông nom, giúp đỡ mẹ cô, thuê với giá rẻ. Có nhiều người gọi tới hỏi thuê phòng, nhưng thường lại là những người trẻ, họ chỉ cần có cái phòng, đêm ở ngày đi. Nhưng rồi cũng có một bà góa già đến thuê. Lúc đầu bà ta rất tử tế, nửa tháng sau thì bà ta say sưa, cả tuần chỉ nằm rồi uống. Lúc hết bia, bà ta nhờ mẹ Anne cầm giấy ra chợ mua giùm, trên giấy ghi: Ba chai bia. CỨ ĐỂ BÀ MUA! Người bán rất quen bà mẹ, đi mách Anne và Erik. Một hôm Anne đẩy nôi con đi dạo, gặp mẹ. Lúc đó trời tháng tư, gió lạ nh từ phía bắc thổi lại. Bà mặc một cái áo đầm, khoác áo choàng, chân không vớ, tay xách một túi bia.

“Theo tôi nghĩ, cô rất bận con nhỏ lại thêm mẹ cô”, bác sĩ nói. “Chồng cô làm gì?”

“Anh là kỹ sư, thường đi đây đó làm việc cho hãng”.

Anne mỉm cười, nhớ có lần họ mời một vài người bạn lại nhà. Đêm ấy bà mẹ cũng lên, bà quen hết mấy người đó, họ là bạn của Anne từ hồi nhỏ. Mẹ nói chuyện với họ tương đối cũng bình thường, nhưng lúc mọi người đang ngồi nghỉ, bất thành linh bà nói với Erik, con rể bà: “Mẹ thấy con có chiếc nhẫn, chúc mừng nhé?”. Từ đó mỗi lần gặp Erik, bà tự giới thiệu với dáng điệu nghi lễ trịnh trọng khác lúc bà chưa bệnh. Erik cũng đùa đáp lễ, cúi thấp người nói: “Rất hân hạnh”. Lúc đó bà cười rạng rỡ nhìn Erik, ánh mắt vui thích, coi vẻ bà thích như thế lắm.



Bác sĩ nhìn Anne. “Trong tờ y chứng viết, có đem mẹ cô bị cảnh sát bắt, dẫn về nhà”.

“Vâng, mẹ tôi mặc bộ đồ ngủ đi gần tới phố. Nửa đêm chuông nhà reo, chúng tôi chẳng biết có chuyện gì. Mở cửa ra, thấy mẹ tôi đứng giữa hai ông cảnh sát”.

Lúc bà Braathen đi có mang theo cái cặp bì giấy tờ của ông chồng, trong đấy có thư từ và địa chỉ nên cảnh sát mới biết đường dẫn bà về.

“Nếu ai hỏi đến, mẹ cô có trả lời được bình thường không?”

“Không, mẹ tôi nhớ tên mình, nhưng nếu ai hỏi thì bà lại dùng tên hồi con gái. Bà không nhớ tuổi mình; hôm qua chúng tôi đi chợ, lúc vào tiệm bà muốn được biết tuổi của tôi. Tôi nói cho bà nghe nhiều lần, nhưng bà lại không nghe. Cuối cùng tôi nói lớn lên “ba mươi tám” cả tiệm đều nghe, mẹ tôi kêu: “Ôi, con lớn tuổi hơn cả mẹ nữa”. Bác sĩ nhếch miệng cười, Anne cũng cười. Ông ngồi nhìn giấy tờ, lát sau ông nói: “Chắc cô cũng hiểu rằng mẹ cô sẽ bị nhốt kín?”

“Nhốt kín!” Anne lập lại. “Nhưng mẹ tôi hiền và vui vẻ lắm, suốt đời bà chưa ở nhà thương bao giờ cả”.

“Vâng”, bác sĩ nói, “Nhưng nhiệm vụ chúng tôi phải coi sóc không để mẹ cô bị nguy hiểm, hay gây nguy hiểm cho người khác”.

“Mẹ tôi chưa bao giờ làm hại đến ai cả, mẹ tôi vui tính và hiền lắm”. Anne lập lại.

“Cô vừa kể mẹ cô đi đêm, nhưng chúng tôi không thể để mẹ cô làm như thế được nữa. Trước hết chúng tôi khám nghiệm, rồi sẽ tìm đúng thuốc cho bà, sau đó bà ở lại đây cho tới khi có chỗ nhốt kán”.

“Ôi trời ơi”, Anne nói, “Ôi trời ơi”. Cô nghẹn lời, miệng khô. Bác sĩ đứng dậy tới vỗ vỗ lên vai cô. “Chúng tôi không thể nào làm mẹ cô khỏe lại được”, ông nói, “Nhưng chúng tôi sẽ chăm sóc bà”. Anne hiểu bác sĩ có ý bảo cô đi đi, cô đứng dậy, bắt tay bác sĩ, chào và cảm ơn.



Anne đón cầu thang máy lên lầu chỗ mẹ cô, nhưng khi lên lại không thấy bà đâu, cô ngồi ghế đợi ở hành lang. Bốn mươi lăm phút sau cánh cửa cuối dãy mở, mẹ cô và y tá bước ra; mẹ mặc áo dài xanh dương viền trắng. Lúc thấy Anne, bà giựt tay cô y tá, ch ạy từng bước ngắn về phía Anne. Anne ôm lấy mẹ, nghe mẹ thở vào tai mình, làm như bà đã nhin từ lâu lắm, bây giờ mới được

thở. “Con”, bà gọi, “Giờ mình về đi, mẹ đang nấu cơm trưa cho bố con, con cũng biết trước khi bố về đồ ăn phải được dọn sẵn lên bàn chứ”.

Cô y tá đi tới họ: “Bây giờ mẹ cô phải vào phòng bác sĩ”.

Anne hỏi: “Tôi được đi theo không?”. Cô y tá lắc đầu.

Họ xuống dãy hành lang, tới bên cửa sổ lớn. Bà mẹ chạy tới, ngóng ra. Y tá Bente nói nhỏ với Anne: “Tôi nghĩ tốt nhất cô nên về đi, cô càng ở đây lâu, càng khó cho chúng tôi”.

Bà mẹ trở lại nói: “Ồ ngoài có con ngựa con”.

Cô y tá cười. “Đúng, đấy là cái tượng con ngựa con đó”, cô tiếp: “Cô có thể ngờ được rằng mùa hè ở đây đẹp lắm không?”.

“Lúc đó bệnh nhân có được ra ngoài không?” Anne hỏi.

“Có, nếu chúng tôi có thời giờ”, cô y tá đáp, “Hay khi có ai tới thăm bệnh, họ có thể dẫn thân nhân ra ngoài”.

“Mẹ tôi là người nhà quê”, Anne nói, “Mẹ tôi yêu thiên nhiên lắm”. Cô nói thêm: “Và yêu cả thú vật nữa”.

Bà Braathen nhìn con: “Mẹ nghĩ chắc họ không cho ngựa ăn, nên ngựa hí ồn quá”. Cô y tá mỉm cười.

Anne quàng tay lên vai mẹ, đưa má cạ vào má mẹ: “Mẹ, con phải đi”, rồi tiếp, “Nếu con kiếm được ai trông mấy cháu thì mai con sẽ trở lại đây”. Bà Braathen nhìn con ngơ ngác: “Con không bỏ mẹ ở lại đây chứ?”. Anne nói như van xin: “Mẹ biết con phải về coi sóc mấy cháu bé mà”. Y tá Bente đẩy nhẹ lưng Anne: “Cô về lẹ lẹ đi, tôi còn phải đi dạo với mẹ cô trong hành lang”.

Anne ra cửa, nhưng bà mẹ đẩy cô y tá ra, chạy từng bước ngăn theo con, miệng kêu: “Anne, mẹ nó ơi, con đừng bỏ mẹ, con thương, đừng bỏ mẹ ở đây một mình”.

Cô y tá đi nhanh tới trước Anne, lấy khóa mở cửa. Bà mẹ nắm chặt lấy áo con, nhưng Anne giựt ra, rồi chạy về phía cửa cô y tá đã mở sẵn. Lúc ra ngoài, Anne nhìn qua khung cửa, thấy y tá đang nắm tay mẹ cô

kéo về phía hành lang, nhưng bà lại chạy ngược ra, đứng đó đập cửa bằng cái nhẵn cười. Anne nghe tiếng bà kêu vọng ra, bà gào lên: “Anne ơi, mẹ nó ơi, mẹ nó ơi”. Cô bịt tai đi xuống cầu thang, nhưng tiếng kêu ấy vẫn bám theo cô. Anne biết cô sẽ không bao giờ quên tiếng nhẵn của mẹ cô đập vào cửa kiếng.

=====

Ở Na Uy trong nhà kho rộng, thường có một phần ngoài, người ta có thể dùng làm phòng khách phụ.

Anne, mẹ nó: nguyên văn là Annemor, “Anne” là tên con gái của bà cụ, “mor” có nghĩa là mẹ các cháu của bà cụ. Bà cụ gọi mẹ nó, có nghĩa là gọi mẹ của những đứa cháu của bà. Đây là lối xưng hô thân mật giống như người Việt mình.

Ở Na Uy, có những trường hợp cho thuê phòng giá rẻ nếu người mượn có thể giúp đỡ được một việc nhà nào đó, thí dụ như rửa chén bát, hay trông coi trẻ con v.v... DK.

Dương Kim



cười (tiếp.... theo)

Bảo vệ da

Một anh chàng nọ ở Oslo , đi nghỉ hè phơi nắng quá nhiều nên bị phỏng nắng nặng phải đi đến Bác sĩ để xin thuốc điều trị . Bác sĩ cho toa thuốc mua dầu thoa Lotion và thuốc Viagra .

Anh ta ngạc nhiên hỏi :

- Lotion thì tui hiểu rồi, còn Viagra để làm gì vậy bác sĩ ?
- Hối vậy mà cũng hỏi cho được, uống Viagra để tối ngủ cái mền nó không đụng vô người làm vết thương lở ra biết chưa .

Lê Nguyên

(Tiếp trang sau)

Cười (tiếp... theo)

Định nghĩa về vợ

Một anh chàng sinh viên triết học, sau vài năm lập gia đình đã định nghĩa vợ như sau:

- = Về mặt triết học : Vợ là một thực thể độc lập tồn tại bên ngoài ta, ngoài ý muốn của ta.
 - = Về mặt kinh tế : Vợ là ngân hàng vô luật pháp, không thể lệ : gửi vào thì dễ , rút ra thì khó mà không thể kiện cáo gì được.
 - = Về mặt tài sản : Vợ là cái gì rất cũ mà không thể thanh lý được.
 - = Về mặt xã hội : Vợ là cá nhân tự do, tình nguyện về chung sống với ta nhưng lại luôn tố cáo ta làm mất tự do của cô ấy, và nếu như ta có trả lại thì lại không nhận.
 - = Về mặt cổ học : Vợ là loại đồ cổ càng để lâu càng mất giá
 - = Về mặt sinh học : Vợ đáng sợ hơn mãnh thú, vì họ là sư tử xuyên lục địa.
- Còn trong thực tế : Vợ là chủ nhân mà ta đi ở cho mụ, ta phải nộp tiền !!!!!

Khác biệt giữa đàn ông và đàn bà

Đàn ông sẽ trả 2USD cho một vật trị giá 1USD mà anh ta cần. Phụ nữ sẽ trả 1USD cho một vật trị giá 2USD mà cô ta không cần.

Phụ nữ lo lắng về tương lai cho đến khi có chồng. Đàn ông không bao giờ lo lắng về tương lai cho đến khi có vợ.

Người đàn ông thành công là người có thể kiếm được nhiều hơn số tiền vợ anh ta chi tiêu. Người phụ nữ thành công là người tìm được một người đàn ông như vậy.

Để có được hạnh phúc với một người đàn ông, bạn cần phải hiểu anh ta nhiều và yêu ít thôi. Để có được hạnh phúc với một người phụ nữ, bạn cần phải yêu nhiều và đừng cố hiểu cô ta.

Phụ nữ cưới chồng với hi vọng anh ta sẽ thay đổi, xong anh ta không thay đổi. Đàn ông cưới vợ với hi vọng cô ta sẽ không thay đổi, xong cô ta lại thay đổi.

Trong một cuộc tranh cãi, phụ nữ là người nói từ cuối cùng. Bất cứ điều gì người đàn ông nói sau đó sẽ là sự mở đầu của một cuộc tranh cãi mới.



Ra đời khi thành phố hấp hối

Tâm Thanh



Thoại lái xe từ đường cái vào con đường có hàng dương quen thuộc về nhà. Thấy cái biểu ngữ treo dóm dỏ trên thành cầu nổi dành cho người đi bộ - "Mừng M 30", bằng tiếng Việt có bỏ dấu, cô chợt nhớ hôm nay cũng là sinh nhật mình. Ba mươi, cái tuổi có đủ lý do phải mừng, nhưng cô lại quên bằng đi, chắc là tại trong tiệm thức cô bắt đầu thấy không việc gì phải vỗ tay cho thời gian bay. Cũng có thể cái biểu ngữ dành cho mình, cô nghĩ, nếu không, thật là một sự trùng hợp hi hữu, khu này có hơn một người đàn bà Việt Nam sanh ngày ba mươi tháng tư, ba mươi tuổi. Nếu cái biểu ngữ kia dành cho cô, thì tác giả không ai khác ngoài Phúc, anh chồng làm biếng giàu sáng kiến của mình. Một chiếc xe buýt sơn cùng màu với đám lá dương mới ra đời còn rất hớn hờ, từ trong bãi ló đầu ra, cô tình nguyện nhường, người tài xế giơ tay chào cảm ơn. Thoại đậu xe để vào tiệm Thổ trong thương xá, nghe nói có xoài ngon. Vừa đi qua cái cửa xoay, Thoại thấy Hoàng ngồi ở ngoài quán bánh Nordby với tách cà-phê. Cô toan quay trở lại, nhưng không kịp, Hoàng đã đứng lên, mắt to, miệng rộng. Vẻ bắt-được-vàng của anh làm cho cô nghi không phải tình cờ anh có mặt ở đây hôm nay. Quả nhiên, anh nói:

"Gratulerer med dagen!"

"Cám ơn anh," Thoại đáp. Tội nghiệp anh chàng kiên nhẫn này, mười mấy năm nay không sót một lần sinh nhật nào của mình. Anh quen Thoại trước Phúc, từ một cuối tuần trượt tuyết trên Geilo. Tình trẻ êm đềm, bây giờ Thoại vẫn còn thấy ấm trong lòng những hôm tuyết đổ trong nắng vàng. Nhưng anh kín đáo quá, nhiều lần Thoại mở ngõ mà anh không chịu tiến vào, khiến cô cho rằng anh chỉ có tình bạn. Phúc tới sau, say đắm, cuồng nhiệt; cô nghĩ rằng đây mới là tình yêu. Thoại lấy Phúc rồi, Hoàng mới biết tỏ tình, mỗi năm ngày ba mươi tháng tư đều gởi hoa hồng theo số tuổi; từ năm Phúc đổ ghen, anh gởi hoa tới sở; Phúc cũng biết việc này; vì vậy năm ngoái chỉ còn vài chữ gởi gió cho mây qua SMS. Năm nay không có SMS, cô tưởng anh chán cuộc chơi vô vọng, không ngờ anh lại đi trăm cây số tới đây, ngồi 'câu cá' trước quán cà-phê. Cô cảm động, tiếp: "anh thật chu đáo."

"Nhiệm vụ mà!"

Thoại phì cười, nói:

"Có nhiệm vụ nào lạ vậy?" Cô nhìn vào chỗ sờn ở cổ tay áo khoác của anh, cái áo cô mua cho anh năm xưa, mà xước một tí trong lòng, nhưng gượng vui nói đùa: "Phúc kiếm một nhiệm vụ sở cô định đi!"

"Có rồi, kiếm gì nữa!" anh nói, nhìn sâu vào mắt cô.

"Mừng cho anh! Bao giờ chúng tôi được ăn cưới đây?" cô reo lên.

"Không bao giờ," anh trầm giọng, nhìn vào trong quán. "Thoại uống gì, nghe?"

"Không, cảm ơn anh. Thoại phải đi chợ một chút rồi về nhà lo cơm nước."

"Sao em không đặt tiệc cho khỏe?" Hoàng hỏi.

"Có tiệc tùng chi đâu anh! Còn anh, coi bộ thành thoi dũ, giờ này ngồi đây nhâm nhi cà-phê. Bộ ở Kongsvinger không có cà-phê sao?"

"Ồ đâu chẳng có cà-phê, nhưng không phải đâu cũng có Thoại."

Sợ anh nói thêm những điều khó nghe, cô vội khép áo khoác che kín khuôn ngực, bỏ đi. Đi mấy bước lại hơi ân hận. Nhưng chân cô càng bước nhanh hơn, với trái tim nặng nề.

Cô đâm râm vào một người đàn ông - nhằm ngay một trong những bác đáng kính nhất trong cộng đồng người Việt - bác Xướng, bí thư thứ nhất của phong trào 'Vận Nước Trong Tay Ta'. Cô nhớ được cái tên hội này vì thường nghe con trai bác, bạn học Thoại, nhắc tới. Hưng nhắc không phải để chiêu dụ cô tham gia phong trào, mà phàn nàn về bố.

"Cháu xin lỗi bác!" Thoại nói.

Bác Xướng biến cái nhăn mặt thành một nụ cười méo mó mà dễ thương. Nhưng dễ thương nhất là hai cái tai cụp của cái mũ lông - cuối tháng tư! Bác trách:

"Cháu Thoại đây hả? Đi đâu mà hấp tấp thế?"

"Cháu đang lo ra," Thoại cười trừ đáp.

"Hừ, đừng có lo ra! Phải lo vào!" bác nói đùa, miệng làm duyên, rồi quay sang một thanh niên Na-uy đứng bên cạnh, nói tiếp: "Có cháu đây là hay lắm. Cháu giải thích cho thằng này giùm bác."

Người thanh niên trạc tuổi Thoại, vẻ mặt hiền lành, ngơ ngác, cũng có vẻ mừng vì gặp được người thứ ba hy vọng để nói chuyện hơn. Thì ra hai người đang nói chuyện với nhau về chiếc áo thun anh ta mặc, cái áo vẽ cờ đỏ sao vàng. Anh ta mới đi du lịch Việt Nam về. Anh ta mặc chơi, còn bác Xướng thấy ngứa mắt. Tuy vậy bác

nói 'cho nó biết vậy thôi, không có gì nghiêm trọng'. Đây là xứ tự do, bác xác nhận. Cậu thanh niên nói cậu không hiểu chi cả, rồi đi, vẫn với vẻ hiền lành, ngơ ngác. Thực tình mà nói ngay Thoại cũng không hiểu hết nỗi lòng của bác Xướng. Cô biết ít về nơi sanh của mình. Cứ đến ngày này, báo chí Na-uy thường có bài phóng sự hoặc bình luận về ngày Sài Gòn thất thủ. Năm nay kỷ niệm ba mươi năm, họ nói kỹ hơn, về hiện tình Việt Nam, phát triển kinh tế, tham nhũng, về triển vọng du lịch. Đài truyền hình thì không thể thiếu cảnh em bé gái trần truồng chạy bom và cảnh một cái xe tăng ủi sập cánh cổng một dinh thự lớn. Về phía người Việt, bác này buồn 'Ngày Quốc Hận'; thím kia vui coi chương trình 'Mừng Giải Phóng' trên TV4. Cô nghĩ cách đây ba mươi năm, nếu có nhà báo nào đi qua đường Nguyễn Văn Thoại sẽ quay được một cảnh khá hấp dẫn để chiêu lại mỗi năm: cảnh một đứa bé chào đời trong cơn hấp hối của một thành phố. Người sản phụ chính là mẹ cô, đau bụng sanh. Ba cô lấy cái xe La Dalat (mỗi lần kể lại mẹ đều nhắc cái nhãn hiệu rõ ràng, khoe là xe màu đỏ, ráp tại Việt Nam, theo công thức Citroen), xe chạy tới đường Nguyễn Văn Thoại thì một chiếc xe nhà binh cấm cờ chiến thắng chạy ngược chiều đâm thẳng vào cái xe mỏng manh của ba, bẹp dúm đầu. May mà ba má không hề hấn gì, vì ba đã kịp ép hấn vào lề và ngừng xe lại trước. Họ không biết lái xe chớ không phải cố ý đụng, nhưng má bị một phen run sợ vì một người đội nón tai bèo vác súng xuống, đòi ba lùi xe lại, mà xe ba thì chết máy và kẹt bánh, không lùi được. Thanh niên cầm súng chửi mắng ba là cản trở cách mạng, là nguy ngao cổ. Cái xe nhà binh đùn tới đùn lui, cuối cùng cũng nhả cái xe ba ra được và chạy tiếp. Thoại thì muốn chui ra lăm rồi, mà nhà bảo sanh còn xa, má phải cho Thoại chui ra ngay trên cái xe bẹp. Hai tháng sau, ba đi tù cải tạo. Thoại không biết mặt ba vì ông chết trong tù. Bây giờ mẹ cũng quen miệng nói "Con Thoại sanh đúng ngày giải phóng". Chú Tổng bức bối chị dâu: "Giải phóng? Chị ăn nói như Việt cộng!" Hai chị em tranh luận gay gắt. Lần đó xảy ra trong bữa tiệc sinh nhật mười tám tuổi của Thoại. Lần tranh luận

thứ hai lý thú hơn, xảy ra trong đám giỗ ba. Ba chết một năm sau mới có giấy báo, giấy báo lại không đề ngày tháng, nên má cứ tiện lúc nào giỗ lúc đó, miễn mùa hè. Má chỉ mời chú thím Tổng và ba người con - Phong, con trai và hai con gái Thời và Sao Mai. Mẹ đã quên hết hận thù, nên khi bàn về chuyện thời sự, mẹ nói: "Bây giờ mọi người trong nước, kể cả người Miền Nam đều gọi đó là ngày giải phóng thì đó là ngày giải phóng, đối với họ. Tôi nghĩ vậy đó." Chú Tổng nghĩ khác, chú nói: "Họ bị kèm kẹp mà không biết đó chị ơi." Mẹ nói: "Ngày xưa Việt cộng cũng nói trong Nam bị Mỹ Ngụy kèm kẹp mà không biết." Chú nói: "Chị ạ, bây giờ người ta chỉ lăm le thoát ra nước ngoài, bằng mọi cách, kể cả bán thân. Ngay ở cái xứ lạnh teo này mà tháng nào chả có người đến xin tị nạn? Một nơi ai cũng muốn bỏ đi, có phải là quê hương đã được giải phóng chưa, thưa chị?" Đến đây Phong xen vào nói: "Ba má và bác cho con nói. Theo con, gọi là ngày giải phóng cũng được." "Tại sao?" hai ba người cùng hỏi. Phong, kém Thoại một tuổi, mắt lồi như mắt ếch, nhưng không được gọi là Phong Ếch, mà Phong Cóc. Cả nhà nhìn vào miệng Cóc chờ nó mở. "Mình nhờ ngày đó mà được sang Na-uy sống thoải mái, Phong Cóc nói, vậy nên gọi đó là ngày giải phóng." Cả nhà, kể cả chú Tổng, phá lên cười, chấm dứt cuộc tranh luận.

Bên ngoài cười theo mọi người, bên trong cô nổi lên những suy nghĩ riêng. Việt Nam đối với cô không khác gì Kashmir hay Kinshasa. Nghĩ vậy thật là tội lỗi, cô biết, nhưng cô không nghĩ, cô cảm. Cô xót một vùng đất nghèo, cô thích một địa điểm du lịch có nhiều thắng cảnh khác Na-uy, đồ ăn rẻ, nhiều người hay cười, nhiều trò vui, cô lạ lùng trước nền 'văn hóa ô-m', cái gì người đàn ông cũng có thể ô-m được. Ngoài ra, cô không cảm thấy nơi xa xăm đó là nhà. Thoại sờ tay vào làn da xanh đen của những trái xoài to mập mập không biết từ quê nào tới đây, chiến đấu bằng tư tưởng với tội lỗi.

Có ai giựt bịch xoài cô đang cầm tay, Thoại quay lại, thấy lũ con ba đứa nhe răng cười toe toét - con Thuận có hàm răng trắng đều rất đẹp, con Thảo xún hai cái

răng được bù lại hai đồng tiền, thằng David răng tròn như những cái nút áo. Ba đứa sanh trên giường đàn hoàng. Thoại bồng David lên hôn hít.

"Tụi con đi đâu đây?" cô hỏi.

"Dạ, tụi con đi lấy" David nói, nhưng bị chị Thảo cướp lời:

"Dạ, tụi con đi đón má."

"Đón má? Biết giờ nào má về mà tụi con đi đón. Có thiệt không, Thuận? Hay là chỉ kiếm có ra đây ném đồ ăn?"

"Dạ, thiệt đó má," Thuận đáp với đầy đủ uy tín, "hôm nay người ta cho ném xúc xích ngựa, ghê lắm má."

"Vậy bây giờ má chờ tụi con về."

"Dạ không!" cả ba đứa cùng nói. David nói tiếp:

"Chị Thảo cầm chân má, còn chị Thuận lấy bánh về trước. Nhớ, không lộn xộn!"

Hai chữ 'cầm chân' và câu dặn cuối cùng cho cô biết cụ non năm tuổi David thuộc lòng lời bố. Cô nói:

"A ha! Bố con lại bày trò ngạc nhiên chớ gì? Thôi, thế này cho nó được việc: Thuận đi lấy bánh, má với hai em chờ ở trước tiệm thú coi chim, cá, xong Thuận trở lại, mình cùng về, được không?"

"Dạ được, mà không được!" Thuận nói.

"Tại sao không được?" mẹ hỏi.

Thay vì trả lời mẹ, hai đứa con gái kéo nhau ra xa bàn bạc cái gì đó. David cũng tụt xuống lại bàn với hai chị. Thoại thấy chúng moi tiền ra đếm. Đếm xong, Thuận nhét hết bạc giấy, bạc cắc vào túi quần. Ba chị em bàn với nhau một hiệp nữa, David không nghe kịp những câu xầm xì, kéo chị Thuận xuống đòi nghe và bàn. Nhìn cảnh đó, Thoại biết rằng ba mươi năm cuộc đời của cô nằm trong ba đứa trẻ đó, lòng cô nằm ở đó, quê nội quê ngoại nằm ở đó. Cô thấy phần chần trong người, bớt mệt mỏi. Cuối cùng ba đứa trẻ gật gù, Thuận chạy lại mẹ, phân công lại:

"Má! Má với David đi lấy bánh, còn con với Thảo đi coi cá, được không?"

"Đứa thích coi cá thì đi lấy bánh, đứa thích coi bánh thì đi coi cá. Má chẳng biết tụi con âm mưu gì, nhưng cũng được." Cô chép miệng, rồi hỏi thử: "Ba có đưa tiền bánh không, Thuận?"

"Có!" David hót.

"Dạ có," Thuận nói và moi tiền ra, thẳng tay giữ lại trăm rưỡi, còn đưa cho mẹ, "con mượn một trăm năm mươi đồng để đi coi cá, mai một chúng con trả lại má."

Trên xe, ba chị em xầm xì dầm dúi với một cái gói giấy mà Thoại biết ngay là gói quà cho mình. Cô còn đoán món quà vượt quá ngân sách của ba đứa nên đã thâm thùng vào tiền bánh bố giao. Hơn nữa có lẽ món quà này là một ngạc nhiên khủng khiếp lắm, nên chúng mới quên mất sự mạng cầm chân mẹ ở thương xá trong khi bố trở tài làm bếp ở nhà. Trên con đường hai phút lái xe về, Thoại chỉ lo cháy nhà. Quả nhiên, khi cửa mở, cô nghe tiếng chuông báo động, đồng thời một luồng khói khét lẹt của thịt cháy xông ra.

"Lần đầu tiên sáng kiến có kèm theo hành động!" Thoại tùm tùm cười, nói.

"Thì lại bị cháy!" Phúc tiếp.

Cả nhà ăn cơm xong, Phúc tặng vợ một cái gối ôm. Thoại làm bộ hờn nói:

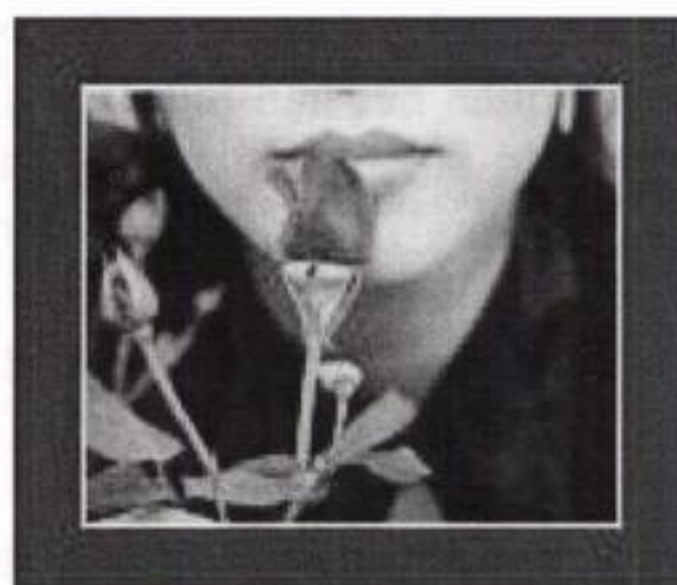
"Ba mươi tuổi đã bị chồng bán cái cho cái gối!"

Các con tặng mẹ cái bàn ủi gió. Chúng đòi thử ngay. Thoại nhớ ra một điều, nói:

"Khoan hẵng thử. Đây tụi con, còn món quà nữa - cái biểu ngữ treo trên cầu nôi, ai vẽ vậy?"

Cả nhà ngớ ra. Vậy không ai khác ngoài Hoàng, cô nghĩ. Trước cặp mắt soi mói của chồng, tim Thoại đập nhanh, vì cảm thấy như anh nhìn thấy cuộc gặp gỡ của mình với Hoàng hồi nãy. Nhưng nếu Phúc nhìn thấu trái tim cô, anh sẽ thấy, ngoài một vết xước rất mờ, chỉ thuần tình yêu cho anh, cho con.

Tâm Thanh



Uông Công

Trả nhau chi giọt nắng vàng
Khi tình xưa đã vỡ tan rưng rờ
Hạ buồn hạt nắng chơi vơi
Hết rồi một thuở khoảng trời riêng nhau

Trả nhau chi hạt mưa ngâu
Mưa giờ đã hóa sắc màu phai pha
Gió về cuộn cuộn phong ba
Bão dâng ngập cõi hồn ta trùng trùng

Trả nhau chi những thanh âm
Cung tơ đã lỡ sắc cầm trăm năm
Tủi hờn từng phím lặng câm
Lời thơ nốt nhạc âm thầm rẽ đôi

Trả nhau chi nửa mảnh đời
Vết tình gian dối úa lời thủy chung
Vỡ vàng đôi cánh nguyệt cung
Trả nhiều chi cũng uông công ... ích gì.

Thi Hạnh

đêm Lhasa đến những vô cùng

Mạch Nha

Có một hôm đi concert, buồn buồn. Buồn, đi concert, đi concert lại vác buồn đi theo. Con buồn không cánh chẳng đuôi, không cổ chẳng giò, thế mà to. Con buồn không sắc chẳng vóc, không ảnh chẳng hình, thế mà dai. Nó cứ lì lì đeo trì, bầu nèo, tóm chẳng được, đuôi không đi. Đứng một mình bị hành đã đành, vào với đông người cũng chẳng làm gì được nó. Vé không đánh số, trâu chậm uống nước đục rán chịu. Thế nên thiên hạ kéo nhau đi xếp hàng từ hơn ba tiếng đồng hồ trước giờ mở màn.

Mãng tồ ngắn mắng tồ dài lúp xa lúp xúp chia đất. Vai hẹp vai rộng lum ca lum cum núp dưới riềm hiên. Nhưng riềm hiên tí teo, cụt ngắn. Hình không dài bóng làm sao rộng. Làm dáng thôi đã đủ bơ phờ, hơi sức nào che chắn cho ai.

Tháng ba trái gió trở trời. Mưa tháng ba lạnh đá xả. Ý trên cao, đội được lên ai cứ đội, hất được vào đâu cứ hất. Rười rượi rước thêm cái bần. Cầm gió giận mưa, cái lũ ăn cơm hót. Hót qua hót lại, đậu rang iu xiu trong tay tái. Lũ không thua mắt người, xiu không kém cả cái hàng dài mấy trăm mạng đen đen xám xám, ô ô túi túi. Đi chơi mà hồng cười. Đi chơi mà rầu như rau héo. Tại sao? Tại mưa. Cái quyền lực của thời tiết nó ghê gớm vậy. Cụ thò cho tí nắng, trần gian tươi ngay. Bằng cứ hằm hằm réo gió hô giông thì cứ nghe dài dài tin nhảy ray rự rừ. Hàng dài, đứng mãi mỏi chân. Càng mỏi càng hờn Ông Lão trên cao. Chừng «nó cho vô rồi» thì chuyển qua hằm hực ông gác cửa. Bự sự thế, to cao là thế mà cứ cầm cầm cúi cúi thò mắt thọc tay vào từng cái xác nho nhỏ xem ngoài bóp ví giấy bút gương lược thuốc men bao bọc linh tinh lang tang có còn dấu thêm súng ống bom đạn gì không. Vấn đề an ninh. Cũng xem xem có máy quay phim không. Vấn đề tác quyền.

Thế mà cứ khoe tự do với văn minh. Tự do? Con người đang dùng quyền lực để kiểm soát con người kia kìa. Văn minh! Máy soi đường máy, mạnh tay tay rà. Bref, ai bức nấy chịu, đây cứ đề cao cảnh giác, khám tuốt. Chẳng thà mất lòng trước. Còn hơn tí nữa cả cái rạp hai ngàn tám trăm nhân mạng đương say sưa nổi chìm thăng giáng bỗng các bùm một tiếng ngang tai. Còn hơn chương trình đang khur khur độc quyền, ngủ một đêm sáng dậy thập phương quảng đại vô tư phát hành.

Bê ẩm ướt cùng ẩm ức vào rạp. Rạp sười tốt, hơi người dầy, ẩm ướt khô. Tiếng hát người-hai-cổ lập tức đánh tan phiền muộn. Buồn bực bay hơi lúc nào không hay. Lời ca như cái xe đạp ở đâu thả tòm xuống ngay giữa sợi dây căng và tài năng người đi dây không cho ta để tâm nơi khác.

Cố tôi ngày xưa bỏ Liban. Trốn thân phận có sự hờn ghen, mười một tuổi lên tàu trôi dạt. Marseille, trăm năm sau ghé cảng, rong ruổi trên những vĩa hè ngàn đời rộng lòng với tha nhân, tôi cảm động hỏi thăm : liệu chân mình có đây đó chạm vào bước ông đi ngày trước...

Còn những bước tôi đi hôm nay?

Biên giới

Tiến tới biên giới rồi biên giới
Bỏ lại những con đường trắng xóa sau tôi
Có, mãnh lực huyền năng đây, ấy

Đầy
Đi
Đầy
Đi
Đầy
Đi
Đầy

Trên cao không múa thì mây hát
Hay có khi chỉ lặng im trôi



Tropical Sky, Giampaolo Amstici

bất cứ nơi nào



bất cứ ở đâu
Puddle, M.C.Escher

[nguyên tựa : anyway on this road, mượn tựa một
tác phẩm của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng]

Giờ đây tôi ở đất này
Người ta gọi tên tôi như vậy



Nói tiếng nói bầy lạ ba quen
Tại sao? - Tại :
Dầu đây quê nhà
Đôi chôn xa lỡ rồi miên viễn

Đi bao lâu
Cũng nên đi tiếp
Ngoái làm gì
Đừng đếm, đừng đo
Mặc xác thân oằn cong co rút
Đường này đi không có trạm dừng

Tim vỡ vụn
Những đêm không ngủ
Yêu thương người
Người lại sợ tôi
Người sợ nếu không dao phòng thủ
Trọn kiếp người: nô lệ tôi thôi

Yêu giờ phút này

Thuyền triều chuyển vận
Sẽ chầm dứt sân si rầy bông
Thắng thần, nhân
Thoát hòng bóng đen

Đi bao lâu
Cũng nên đi tiếp
Ngoái làm gì
Đừng đếm, đừng đo
Mặc xác thân oằn cong co rút
Đường này đi không có trạm dừng

Tên em

Tại sao anh không hỏi
 Bao lâu rồi, em đợi
Được xuống đường, bóc nõ

Chờ anh, đêm, chờ anh
Chờ anh, rung, chờ anh

Em hát như nô lệ
Dù biết phải đổi thay
Học bao nhiêu bài rồi
Học mỗi mòn con chữ
Vẫn tiếp tục cù nhầy
Nhìn năm trôi, tháng bay
Và đợi chờ phép lạ
Run rẩy sợ, run rẩy

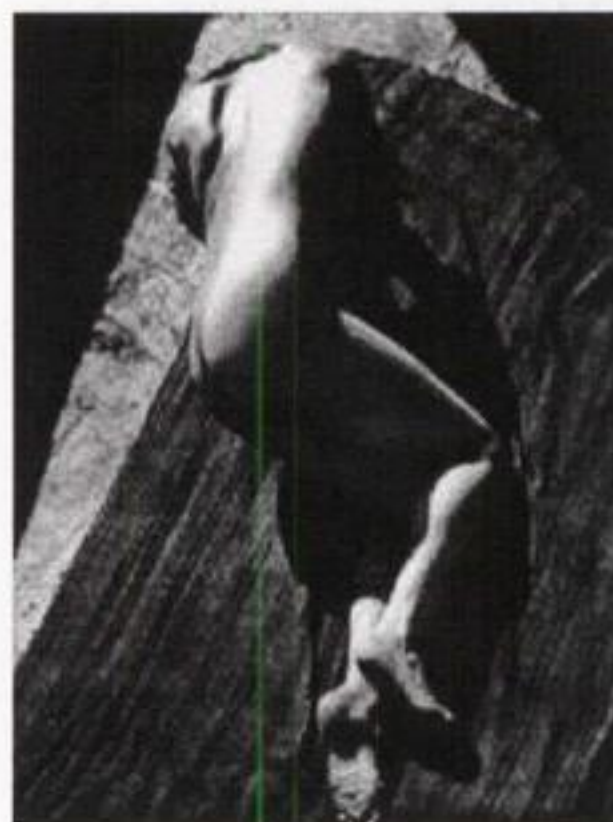
Sao anh không trả lời
Sao anh không cứu vãn
Sao không chỉ cho em
Làm sao với vốn này
Vong liếng anh trao sang

Lộn lộn em đi anh
Cho thịt xương giải thoát
Lộn lộn em đi anh

Đến, anh đến thật gần
Xin gần thêm chút nữa
Tiếng đã to, súng nổ
Đời quay nhanh, quay nhanh
Để rồi xa, xa, tách
Đầu cách tay
Tách tim



The blue Nude, Pablo Picasso



Có một điều rất thật
Cách lối em yêu anh
Đất dưới và trời trên
Yêu, yêu, yêu, yêu mãi
Yêu mãi, yêu mãi, yêu

Thỏ lộ rồi hồi sức
Chẳng thể chờ đợi thêm

Cần anh, cần bây giờ
Cần chi ngày đổ dốc

Ôi tên em, tên em
Chẳng còn như thuở trước
Không trở lại con đường
Chân đã từng đi quen

Triều cường

Coastline, Steve Hanks

Phố hát lúc em đi
Bước ba bước
Phố im như ri

Phố thắm khi em xa
Bước ba bước
Phố đã nhạt nhòa

Trên triều cường
Leo lên triều cường
Đầu đầy mà con tim thì lung

Tay hung ren
Mặt mày gỗ đá
Thân ngói gạch
Xón xang mắt cay

Trên triều cường
Leo lên triều cường
Đầu thì đầy mà con tim
Lung

Trợn vện

Trợn vện lời
Trợn vện nụ cười
Trợn mắt nhìn
Trợn vện vuốt ve

Yêu: nguyện cầu
Yêu: bài ca câm,
Tia mắt mù



Yêu: bày bí mật
Em ngã vào anh
Sợ hãi, dằm
Một nguyện cầu ngậm ở sau môi
Một nguyện cầu không rời linh hồn

Trợn vện lời
Trợn vện nụ cười
Trợn mắt nhìn
Trợn vện vuốt ve

Em tìm lửa
Hỏa thiêu, hỏa thiêu
Ánh sáng mặt
Và ánh sáng người

Yêu: nguyện cầu
Yêu: bài ca câm
Tia mắt mù
Yêu: bày bí mật

Em ngã vào anh
Sợ hãi, dằm
Một nguyện cầu ngậm ở sau môi
Một nguyện cầu không rời linh hồn

Cây Quên Lãng

Chỗ em ở có một gốc cây
Người ta gọi là cây Quên Lãng
Nơi cất giấu
Vidalita
Hấp hối hồn

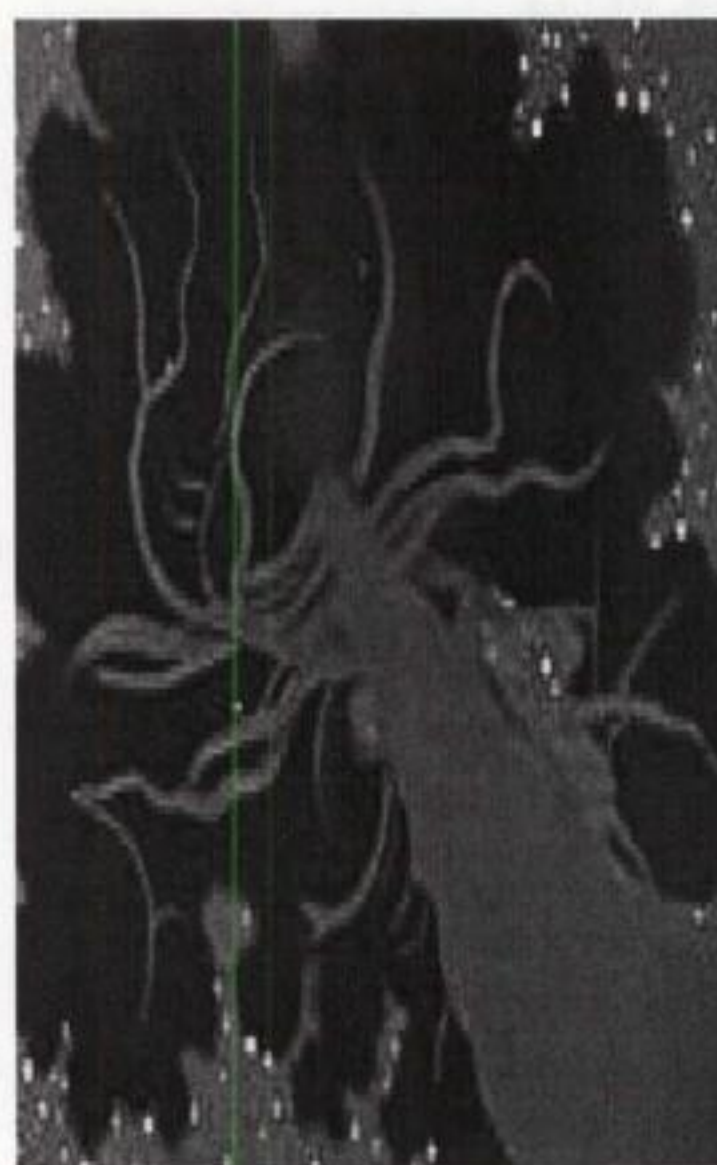
Bỏ nhớ nhung, tìm cây Quên Lãng
Mong qua đêm
Và rồi ngủ gục

Sớm mai dậy, lại nghĩ đến anh
Tại lỡ quên
Vidalita
Quên quên anh trước khi vào mộng

Mở

Bây giờ dậy
Bây giờ mở cửa
Nắng, gió vào
Rung cảm em: xa

Ngày nào đó ta đi không về



The Lawrence Tree, Georgia O'kee-



Paysage aux papillons, Salvador Dali

Đời mệnh mông mênh mông vô tận
Mới hôm qua còn nhau trong tay
Mà hôm nay đã là hạt cát
Đất lạ nào
Ly sa, ly sa

Ngày nào đó nhớ đi không về

Im bao la
Vạn ngàn lơ lửng
Em chao đảo vì hững hờ anh
Em vang chuông
Mở ra, mở ra
Cửa đây, nhà
Vào, anh
Vào, anh

Thú nhận

Tôi không sợ
Nói đã phản anh
Bằng tiếng nhạc và nguyên si buồn rầu

Quý hay anh?
Tôi xin điều dễ
Nhưng ám tội, căn do nào phải thế

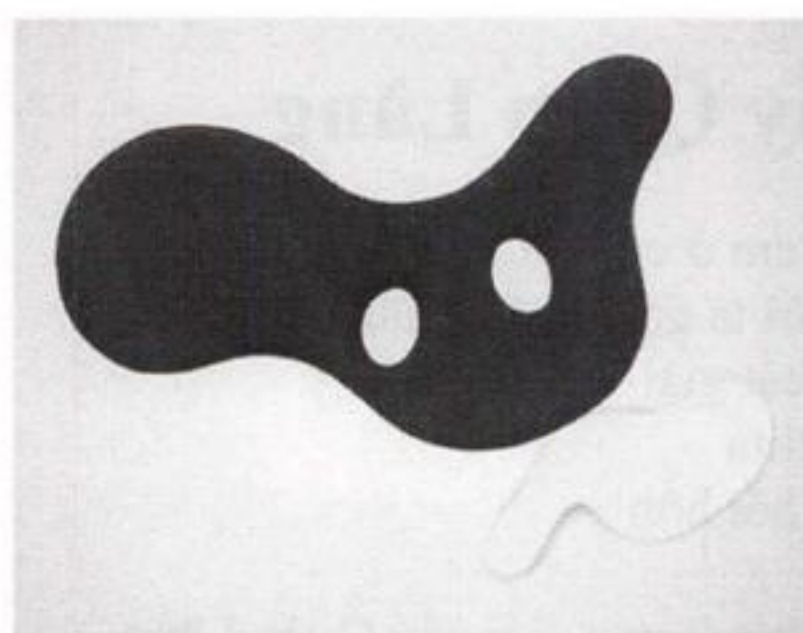
Tôi không sợ
Nói anh làm tôi hãi
Bằng hy vọng và cảm thức danh dự
Nhìn thấy anh tôi muốn phá hủy
Bút nụ cười kia đi khỏi mặt
Nhưng ám tội, căn do nào phải thế

Ám tội vì lỡ quen ám tội
Ám tội - khổ thay, điều duy nhất
Tôi biết làm, làm bằng xác tín
Yên tâm khi chắc mẫm tội tình

Tôi không sợ
Nói tôi đã gian
Tôi bày trong sáng ra giữa chợ
Dẹp tiếm ba cái trò «sự thật»
Tôi úp lại, giữ kim chi nam
Cho riêng tôi: niềm vui, tội lỗi

Thiên Nữ

Yêu-Khổ-Hạnh
Cũng rồi chung cuộc:
Thiên nữ em, một cơn xuất huyết
Hoặc nhẹ tên
Hoặc sẽ mệnh vong



Maskenspiel, 1932, Hans Arp



The Little Deer, Frida Kahlo, 1946

Em, ngồi lại bên tôi một chút
Sao cứ mãi lê la bất hạnh
Em, đợi đã, chờ tôi một chút
Tháo gỡ ra
Nhưng gút em đâu?

Những điều ngỡ, những điều đáng ghét
Ký ức tròn bóng nhạt đường xoay
Thiên nữ đội vòng gai lên tóc
Đẹp em nhưng giá trả không êm

Với ánh mắt mãnh thú trùng tên
Và chỗ băng vết thương vô ảnh
Cùng tiếng rên bà mẹ lâm than
Em thống kinh hy vọng sau cùng

Hỡi cú đâm, hãy sinh khinh khoái
Hỡi biệt ngôn, hãy thốt «Yêu ơi»
Hỡi mây chau, hãy nở nụ cười
Hỡi đào thoát, hãy «Em đi! Em đến!»
Tôi đau đón nhìn em quên thân xác
Đã sẵn sàng, Ngốc hỡi, hiến thân
Cuộc xẻ phanh bắt tận tội tình

Em, cời ra, trút đi, nằm im
Mũi tên tìm tâm - em đang đến
Cuối cùng người: một cơn xuất huyết
Hoặc nhẹ tênh
Hoặc sẽ mệnh vong

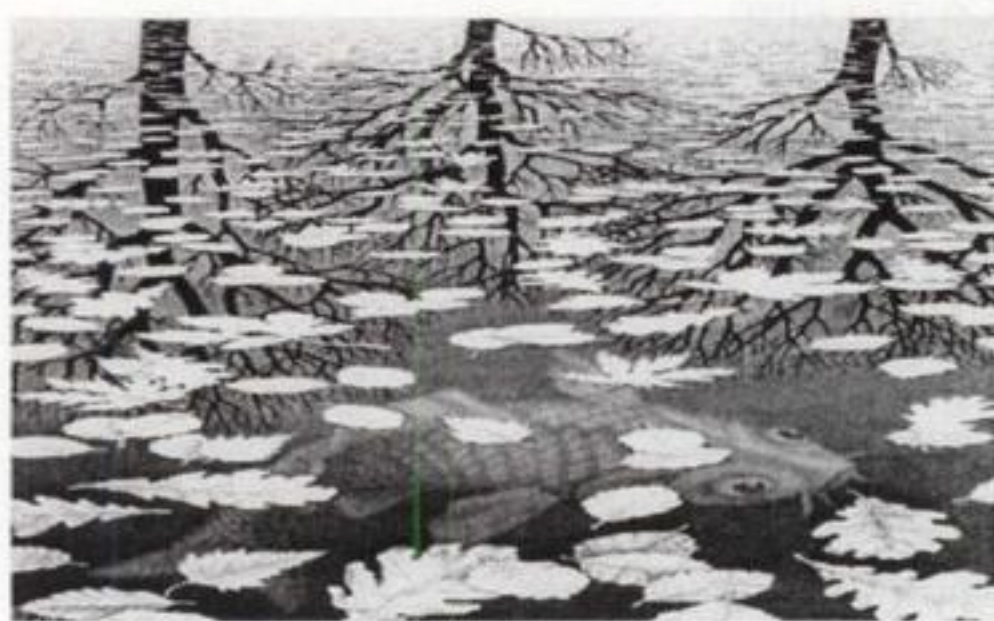
Chỗ này sẽ rời đây chật hẹp

Chỗ này sẽ rời đây chật hẹp
Tôi phải đi, tôi phải đi thôi
Tôi đi tìm thênh thang sườn đồi
Thổi gió hoang
Băng ngàn tinh tú

Đặt chân lên phố sống
Bay vút vào nhân đời

Mạnh mẽ chiến thuyền
Tình anh cá voi
Sẽ nói ra ba từ cứu rồi
Ba từ
Cho chúng ta, anh, tôi

Chỗ này sẽ rời đây chật hẹp
Tiếng cười tôi phá vỡ sập tường



Three worlds, M.C. Escher

Rồi tôi sẽ có ba lần chết
Tái sinh vào chiếc hộp con con
Kèm theo với cái chìa khóa vàng
Một hôm nhờ con cá bay ngang
Giải thoát

Chỗ này sẽ rồi đây chật hẹp
Gân tủy cùng xương thịt ra tro
Cứ ném tôi vào nồi sắt đỏ
Cốt nói lời thân không muốn thoát

Chỗ này sẽ rồi đây chật hẹp
Tôi phải đi, tôi phải đi ra

Để tới được người

Cảm ơn thân thể đợi chờ tôi
Đánh mất mình đi mới tới nơi

Cảm ơn đôi cánh với chạm tôi
Lìa bỏ xa mình mới tới nơi

Cảm ơn bàn tay đỡ nâng tôi
Đốt táng tiêu mình mới tới nơi

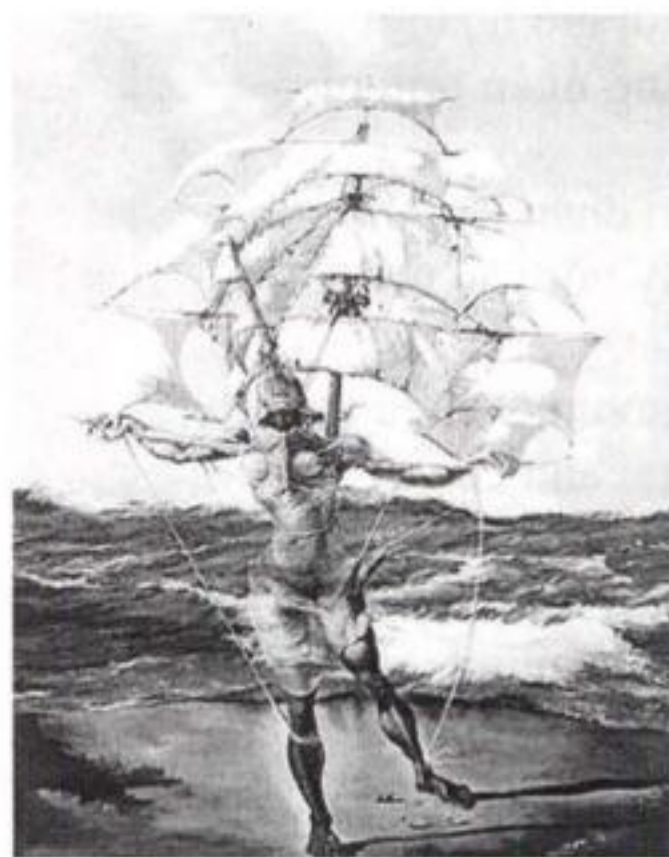
Tới rồi đây
Tôi cũng tới rồi
Tới phố rồi
Tôi trút đời ra
Xuống phố tôi
Phố tôi
Sống tôi

Tới rồi đây
Tôi cũng tới rồi
Tôi trắng tay
Bắc Nam
Nam Bắc
Có quá khứ
Ôm chi quá khứ
Tương lai kia tuyệt vời hơn chứ!

Tới rồi đây
Tôi cũng tới rồi
Tới phố rồi
Tôi trút đời ra
Xuống phố tôi
Phố tôi
Sống tôi



Nude with calla lilies, Diego



The ship, Salvador Dali

Tới những vô cùng

Nhưng Lhasa không kết bằng sự sống. Những lời sau cùng, cô giành cho niềm tin về một khởi đầu mới, về một cái chấm đi hoang giữa muôn trùng vũ trụ, về một vòng quay không ngưng. Đêm bỗng bệnh.

Tôi giữ Lhasa trong mình, mấy tuần sau lên đường đi thăm một người nguy kịch.

Đây là lần thứ ba tôi chứng kiến sự lơ lửng giữa sống và chết.

Lần đầu là thằng Trung, học cùng lớp. Năm đó cỡ mười lăm mười sáu gì đó. Nó mắc bệnh máu loãng, chơi đá banh trầy chân có chút xiu vậy mà đi luôn. Gương mặt nó lúc đang trôi là gương mặt chú bé lên ba. Nó là thằng đực rựa nhỏ con nhất lớp. Vì nó nhỏ con quá, tôi nghĩ nó không để tâm đến con gái. Nó chỉ khoái đá banh. Không để tâm đến con gái nên nét mặt nó không ưu tư ngơ ngẩn băng khuâng ngây đại. Miệng nó cười hênh hếch, đang chết mà sắc mặt tươi vui, hào hứng như đang dõng theo một đường chuyền. Ngày đó tôi không thắc mắc nhiều. Bước chân ra khỏi chỗ Trung nằm, thấy mấy con gà trống cả ềnh cả ường đi qua đi lại trong sân bệnh viện tức cười. Cứ nghĩ hồng chừng mở mắt ra, nhìn thấy bầy gà, thằng Trung sẽ hét nhào dô nhào dô om sòm. Nó mê đá gà không thua gì đá banh.

Đến Hạnh thì đã khác. Hạnh đi rồi, mỗi người thân ở lại đều có chuyện để kể về một điểm báo trước.

Bàn tay Hạnh nát. Gãy, lại khô. Mà không có AI IA gì hết, bao nhiêu chi cứ chằng chéo lên nhau, cắt, gút, rồi nùi.

Mũi Hạnh không phải mũi Việt Nam. Nó cao quá. Đang ngất ngưỡng bỗng gãy cụp ngang xương, ngay khóe mắt. Tính tỉ lệ bề dài cái mũi thì chỗ gãy đó ứng vào năm Hạnh có chuyện.

Tôi không có mặt khi đứt chi. Nghe kể Hạnh có tỉnh lại, làm ba mẹ mừng hụt. Tỉnh lại rồi phụt một cái đi luôn. Hôm tôi vào Chợ Quán, trước đó, khi Hạnh còn lang thang trong cơn mê, nắm bàn tay lá héo hỏi biết ai đây không, thấy có giọt nước mắt từ từ lăn ra. Dường như ngay sau đó Hạnh lại lịm đi, giọt lệ đơn chiếc kia khô rồi thì thôi, không chảy thêm một giọt nào khác, toàn thân bất động.

Hạnh đau óc. Bác sĩ yêu cầu cạo trọc để mổ. Tóc Hạnh là mái tóc đẹp nhất khoa. Các chị Hạnh khóc ngất khi phải đối diện với chuyện cắt bỏ mái tóc mây đó đi. Còn đang phân vân thì Hạnh đi. Đi với tóc đẹp.

Ảnh thờ Hạnh nũng nịu. Ảnh rửa ra, cắt bầu dục, đắp xi măng gắn lên mặt mộ, năm bữa nửa tháng gia đình lên thăm lại thấy bị cạy mất tiêu.

Tôi không thích tấm ảnh đó. Sầu muộn quá. Thần sắc yếm yếu. Hạnh nghĩ sao không biết, cứ thích làm nghiêm khi chụp hình. Chắc bị thằng bò nào đó đầu độc, khen em buồn đẹp hợp hồn anh, thế là đừng mong chi nữa phó ới em cười.

Tôi yêu album cưới. Ảnh cưới. Hạnh đi chụp ảnh cưới. Đi làm cô dâu một mình. Hạnh mặc robe trắng, đội vòng hoa, ôm cái cây gì chẳng biết ở trong vườn Tao Đàn, cười tranh nắng. Để rồi bị các chị làm cho một trận khi đem hôn lễ tự biên tự diễn ra khoe. Hỏi sao khùng quá vậy, đáp hồng biết, chiều đi học ra tự dựng thêm làm cô dâu, tấp đại vô tiệm đồ cưới trên Điện Biên Phủ thuê áo rồi ra công viên ngoác ông thợ chụp hình. Làm vậy mất duyên có biết không. Kệ, lúc đó muốn quá, không cưỡng được. Làm xong, sướng.

Tôi hài lòng biết Hạnh đã được nhìn thấy mình trong dáng cô dâu trước khi ngã bệnh đột ngột, lia đời vội vã, tuổi hai mươi ba, sau một mối tình lớn. Mối tình đã cho Hạnh ham muốn trở thành đàn bà.

- Đẹp quá ta !

Ngắm thật lâu rồi mới khen. Khi khen, đôi mắt bác Hà không rời mắt tôi, như thể chúng cần nhìn thấy niềm vui.

(tiếp theo trang 72)

Rượu tỏi

Công dụng chữa bệnh

Lê Nguyễn (sưu tầm)

Xuất xứ:

Vào những năm 1960-1970, WHO cơ quan theo dõi sức khỏe & bệnh tật thế giới của Liên Hiệp Quốc phát hiện ở Ai Cập là một nước nghèo, khí hậu sa mạc khắc nghiệt nhưng sức khỏe chung của nhân dân Ai Cập lại vào loại tốt, ít bệnh tật & tuổi thọ trung bình tương đối cao. WHO đặt vấn đề với chính phủ Nasser xin cử một phái đoàn của WHO về Ai Cập nghiên cứu xem tại sao có hiện tượng lạ như thế mà ngành Y tế Ai cập chưa giải thích được.

Được Tổng Thống Nasser đồng ý WHO huy động nhiều chuyên gia y tế về Ai Cập nghiên cứu chia nhau đi xuống nông thôn, các vùng có khí hậu khắc nghiệt để thu thập các tài liệu đặc biệt. Cuối cùng các nhà nghiên cứu (đông nhất là Hoa Kỳ, Tây Âu, Nhật Bản) nhận xét là ở Ai Cập nhà nào cũng có 01 lọ rượu ngâm tỏi để uống. Nhân dân Ai Cập nói từ bao nhiêu thế kỷ nay nước họ vẫn là thế.

Ngày xưa Ai Cập là một đế chế lớn, chinh chiến liên miên, chủ yếu là sử dụng gươm dao chém giết nhau. Thời ấy làm gì có thuốc kháng sinh, nên họ chỉ dùng nước tỏi để uống & cũng để rửa các vết thương.

Ở các vùng tỏi được ngâm rượu theo những công thức khác nhau. Chuyên gia các nước đem những công thức đó về nước mình nghiên cứu và phân tích. Kết luận cái gì tốt rồi sau đó thông qua một báo cáo gửi cho WHO. Sau đó WHO tổng kết & hội thảo về vấn đề này. Rồi đến năm 1980 họ thông báo:

Rượu tỏi chữa trị được 04 nhóm bệnh:

- ☐ 1) Thấp khớp (sưng khớp, vôi hoá các khớp, mỏi xương cốt).
- ☐ 2) Tim mạch (huyết áp thấp, huyết áp cao, hở van tim, ngoại tâm thu)
- ☐ 3) Phế quản (viêm phế quản, viêm họng, hen phế quản).
- ☐ 4) Tiêu hoá (ăn khó tiêu, ợ chua, viêm tá tràng, loét bao tử).

Đến năm 1983, Nhật lại thông báo bổ sung thêm 02 nhóm bệnh nữa là:

- ☐ 5) Trĩ nội & trĩ ngoại.
- ☐ 6) Đại tháo đường (tiểu đường)

Nhật cũng công bố: "-Đây là một loại thuốc tuyệt vời của nhân loại vì dễ làm, rẻ tiền, không gây phản ứng phụ & có hiệu quả chữa bệnh rất cao".

Nguyên Lý:

Con người ta thông thường tuổi từ 40 trở lên (có thể trẻ hơn nữa) là đã có bệnh. Các bộ phận trong cơ thể bắt đầu thoái hoá, bộ phận nào yếu thì thoái hoá nhanh, đặc biệt là làm cho các chức năng hấp thụ chất béo (lipid) chất đường (glucose) bị suy giảm. Các chất đó không hấp thụ hết qua đường tiêu hoá, phần thừa không thải ra ngoài được, dần dần lắng đọng trong

thành vách mạch máu, làm xơ cứng động mạch & xơ cứng một số bộ phận khác rồi lâu ngày gây ra những chứng bệnh như trên.

Trong tỏi có 02 chất quan trọng:

- ☐ 1) Phitoncid là loại kháng sinh thực vật có tác dụng diệt một số vi khuẩn.
- ☐ 2) Hoạt tính màu vàng giúp làm tiêu chất béo dưới dạng cholesterol bám vào thành quách mạch máu, làm cho đường đi của máu từ tim ra & về tim bị nghẽn. Chính nhờ 02 chất này mà tỏi có tác dụng chữa bệnh cao.

(Theo World Hearth Organizations)

Kết quả chữa bệnh

Tác giả tổng hợp bài viết này theo kinh nghiệm chứng thực cho biết: Từ năm 1970 bị thấp khớp nặng_sưng cả các khớp phải đi bằng gậy chống. Thuốc tân dược & đông y dùng đã nhiều như "Cao hổ cốt", "rượu tắc kè" (lúc nào cũng có sẵn), thế mà bệnh không đỡ lại nặng thêm. Năm 1975 bị ngã gần chết. Năm 1981 bị ngã phải đưa vào cấp cứu ở bệnh viện 03 ngày mới hết nên sức khoẻ càng giảm.

Vào cuối năm 1982 mới bắt đầu uống rượu ngâm tỏi, thì 20 ngày sau bắt đầu thấy giảm bệnh sưng khớp. Qua 03 tháng, huyết áp trở lại bình thường. Bệnh viêm họng cũng khỏi_Hen phế quản giảm nhiều. Ngoài ra tác giả còn cho biết bệnh trĩ nội mỗi năm đi mất 05, 07 lần. Hen phế quản nặng cấp cứu nằm bệnh viện 02, 03 lần. Từ khi liên tục dùng rượu tỏi cho tới nay đã gần 08 năm mà không phải đi bệnh viện lần nào cả. Ngủ rất bình thường, ăn thì tiêu hoá tốt, đặt biệt đối với bệnh thấp khớp thì coi như thuốc thần. Vì tác giả trước đây khổ vì thấp khớp, nay khỏi hẳn không còn biểu hiện gì cả.

Cho nên, kết luận của người Nhật phần trên là hoàn toàn đúng: "Đây là thứ thuốc tuyệt vời của nhân loại, vì dễ làm, rẻ tiền, không gây phản ứng phụ & lại có hiệu quả chữa bệnh rất cao.

Công thức và cách dùng

Tỏi khô (kẹt lăm mới dùng tỏi tươi) 40gram_theo kinh nghiệm thì mua 60gram sau khi bóc vỏ thì còn 40gram. Thái nhỏ & cho vào một lọ rửa sạch.

Rượu trắng 45 độ (tốt nhất là rượu lúa mới _ rượu đế Việt Nam nấu bằng gạo nếp & men rượu) lấy 100ml. Một chai rượu 500ml dùng được 05 lần. Ngâm 10 ngày, thỉnh thoảng lại lắc lọ. Lúc đầu thì rượu có màu trắng. Sau đó chuyển dần sang màu vàng, đến ngày thứ Mười (10th) thì chuyển sang màu vàng nghệ.

CÁCH DÙNG: 40 giọt compteur gouttee (tương đương 01 muỗng ca-phe nhỏ)

***Sáng 40 giọt trước khi ăn

***Tối 40 giọt trước khi ngủ.

Vì rất ít, nên ta phải thêm nước sôi để nguội vào thì mới đủ ngậm được. Uống liên tục cả đời. Cho dù người phải kiêng rượu hoặc không uống được rượu vẫn uống được vì mỗi lần chỉ uống 40 giọt là một lượng rượu rất ít không đáng kể.

40gram tỏi như thế, uống 20 ngày thì hết mà phải ngâm 10 ngày mới uống được cho nên cứ sau 10 ngày thì phải ngâm thêm 01 lọ nữa để gỏi đầu thì ta mới có đủ để uống được liên tục.



Thơ



Trường cũ

Năm tháng không về thăm trường cũ
Nghe hồn nặng trĩu, nhớ bạn xưa
Từ dạo chia tay, mùa phượng vĩ
Bạn thầy đôi ngã một trời thương

Hôm nay về lại, thăm trường xưa
bâng khuâng gọi nhớ, những buổi chiều
tung tăng cặp sách, thời niên thiếu
áo trắng sân trường, bóng ngã xiêu

Ta người khách lạ ghé chân qua
áo trắng ngày xưa gọi nỗi buồn
quán cóc bên đường đâu rồi nhỉ ?
cây bàng lặng lẽ đứng cô đơn

Đã hứa một lần khi trở lại
tìm bạn chung lớp, mộng hàn huyên
Trường xưa ngỡ ngác, thầy bạn mới...
Đâu rồi áo trắng bóng người xưa.

Lê Nguyên



Ngóng trăng

Mấy đêm cứ ngóng trông trời....
Trăng ơi...trăng hỡi.....trăng giờ nơi nao?!!!
Trăng có biết mỗi đêm ta đợi,
ta chờ trăng ..như đợi tri âm!

Mắt nhìn về chốn xa xăm,
sao trăng lại vẫn bật tằm phương nào!
Mấy hôm nay nơi nào trăng tới....,
chốn nao ...trăng vui thú rong chơi??

Chắc trăng yêu cảnh biển khơi,
giọng thuyền.... nghe sóng ru hời ngàn năm!
Hay là trăng thích miền sơn cước.....,
thành thơ sao...dạo bước sườn non!

Thú vui dạo ..ất hấn còn....,
ra đồng thăm lúa ngậm dòng -sữa non.
Dạo sơn thủy..... chắc trăng chưa chán...
ta vẫn chưa thấy dạng của trăng!

Trăng ơi...! Trăng có biết chăng?!
Đêm nao cũng có người trông người chờ!
Nhớ trăng thanh.....ngơ ngẩn.....ngẩn ngơ.....,
Mong đêm xuống...trăng lên thỏa lòng!

Nào hay..... chỉ những hoài công!
Đêm nay.....trăng vẫn.....đi rong! Chưa về ! .

Thiếu Nguyệt

Kỷ Niệm Để Mà Thương

Mây ơi ! Cho nhẩn với người thương
Biển rộng cách ngăn vạn dặm trường
Đó vẫn sắt son như thuở nọ
Hay giờ nhạt lạnh chẳng còn thương ?!

Nhớ chiều phố lạ nơi hò hẹn
Sợ gặp người quen dọc lối đường
Ngây ngất tình đầu xao xuyến lạ
Một thời kỷ niệm để mà thương.

Bình Sa

Sớm đầu Xuân

Trời đang trải nắng trong vườn cũ
Cánh bướm chao nghiêng đánh thức hoa
Phảng phất hương Xuân còn ngái ngủ
Mai vàng chột nờ cuối hiên nhà
Đầu năm hái lộc em đi lễ
Mái tóc buông dài trông thướt tha
Lấp lánh giọt sương trên ngọn cỏ
N như vừa trải ngọc bước em qua
Hôm nay em mặc áo dài mới
Màu áo trinh nguyên thơm lụa là
Má trắng, môi hồng, mắt rạng rỡ
N như nàng tiên nữ lạc vườn hoa
Bên đường ríu rít đôi chim nhỏ
Cát tiếng đón chào thật thiết tha
Ngây ngất lòng anh cũng rộn rã
Bừng lên, thầm hát một bài ca.

Bình Sa



Tiếng Đầu Việt Nam

Em về giữ mãi vần thơ
N như lời mẹ hát ầu ơ thuở nào
Ru em ngọt giấc chiêm bao
Triệu lời êm ái rót vào trong nôi

Ngày xưa tiếng mẹ ru hời:
”Con ơi, mai lớn nhớ lời mẹ ru
Tiếng này đã biết bao thu
Dưỡng nuôi con cháu Lạc Âu tiên rồng

Nếu mai sông núi ngăn dòng
Tiếng mẹ luôn sẽ một lòng bên con
Tim mình nặng nhịp núi non
Về đâu cũng vẫn lòng son chung tình

Con ơi vận nước non mình
Nổi trôi như cánh lục bình ngàn ngơ
Biết chừng mai một rui ro
Con đâu con mẹ để lo trăm điều”.

Dòng sông nước vẫn xuôi chiều
Và em đã thấm những điều mẹ ru
Lạc loài ven phía trời Âu
Nhịp tim vẫn nhớ tiếng đầu Việt Nam.

Thi Hạch

Thế Là ... Hết

Thế là ta đã xa nhau
Hôm nay và mãi về sau ... suốt đời
Nắng xuân héo úa nụ cười
Tầm kia cũng sẽ rã rời đường tơ

Thế là tan cả hồn thơ
Mộng trăm năm có ai ngờ vỡ đôi
Khóc ai mưa cứ sụt sùi ?
Nhớ ai trăng nở buông rơi nửa mảnh

Thế là hai đứa không thành
Sóng xô ghềnh đá tan tành ước mơ
Rụng rời nửa mảnh trăng tơ
Trôi theo dòng nước hững hờ chơi vơi

Thế là khiếm khuyết cõi đời
Tơ tình nay đã rời bởi hương duyên
Hoàng hôn buông nhẹ bên thềm
N như lời trăng trời đêm đêm vọng về.

Thi Hạch

Quế Hoa

Nguyễn Văn Thà

*Tôi vẫn nhớ chỗ người yêu tôi nằm ngủ
Trên đồi cao cỏ mọc rất thông dong
Tôi muốn hỏi những con đường đất đỏ
Ngõ lên trời chẳng biết có gần không?*¹

Những ngôi mộ xinh xắn, nho nhỏ như vòng ôm với cổng tam quan nhỏ xíu mái son cong vừa phải, với mộ chí phủ mái miếu hồng tươi, nằm rải rác trong những thửa ruộng xanh ngát như những nụ hồng phơi phới sự sống, và còn có những ngôi mộ nằm một góc vườn, gần một mái nhà, dưới những hàng cau, tất cả gợi lên một nỗi niềm thân mật, hình như ở đây người thân, người yêu ai đó ngủ, ai đó và những người nằm xuống cũng chẳng cần biết ngõ lên trời gần hay xa. Thy háo hức nhìn qua khung cửa sổ toa tàu:

”Đẹp quá ba ơi! Đây là đâu vậy ba?”

”Ba đọc được mấy cái tên Chu Lai, Tam Kỳ, Đức Phổ... Ruộng đâu cũng là ruộng, một màu xanh ấy, nhưng ở đây những ngôi mộ...”

”Dạ, con cũng thích nữa. Những ngôi mộ từ Nha Trang đổ vào chỉ là những khối vuông tạp nhạp, vô hồn. Từ khu này, mộ như có một linh hồn, một linh hồn xứ Việt.”

”Con nói đúng, một tính cách giản dị, thân mật đặc thù Việt Nam, cũng là mái cong cong, vòng ngoài lớp trong, nhưng khác hẳn những ngôi mộ diêm dúa, phức tạp của Tàu, nhất là mộ quanh Bắc Kinh.”

”Dạ, và con nhận thấy nếp sống nhỏ nhắn của người mình có một cái gì đó làm người ta dễ hạnh phúc.”

”Ba không biết trong kinh tế học người ta gọi là gì, nhưng có một loại nền kinh tế phát triển vừa đủ, đủ mang no ấm cho cuộc sống bình thường, chứ không cần một kinh tế quá lớn, quá lớn đồng nghĩa với phí phạm như ở các nước Âu Mỹ hiện nay. Ba nghĩ người mình thích hợp với một nền kinh tế như thế. Người ta có thể thấy điều đó khi nhìn thôn xóm nho nhỏ, những cánh đồng nho nhỏ, và những ngôi mộ xinh xắn như thế này.”

”Hay là vòng về mình ghé xuống đây, ba?”

”Tại sao?”

”Thì để xem cảnh, xem mô hình tiểu kinh tế của ba, và ở đây chắc còn có những cái đặc biệt khác nữa, ví dụ, quế, thầy giáo dạy tiếng Việt của con nói ở vùng này còn có quế. Mình đến để ngửi mùi hoa quế để xem có như thầy con tả không.”

Văn im lặng không nói.

„Tôi sinh ra khi cuộc chiến ở Việt Nam đã chấm dứt và tôi là người Na Uy, chính xác hơn, là Oslo, nơi đã nổ ra những cuộc biểu tình chống chiến tranh Việt Nam, đúng ra là chống Mỹ, chống một Goliát. Khi đến tuổi lớn khôn, tôi chỉ được biết cuộc chiến ấy qua sách vở, đa phần qua những ảnh chụp: Đó là một Đất Nước tan nát, đó là một Xứ Sở hận thù ngút ngàn. Tôi đến Việt Nam vào năm 1999 với một tâm trạng như thế.

Khi chiếc xe tắc xi đưa tôi vào trung tâm Sài Gòn, nơi mà sau này tôi mới biết là dân ở đó thích gọi tên thủ đô Miền Nam của họ như thế hơn là gọi Thành Phố Hồ Chí Minh, tôi thấy những giòng xe gắn máy chạy sát nhau đặc kín như những bầy cá hung hãn giữa những giòng kênh sôi sục. Tôi choáng ngợp trước những vội vã, những hỗn tạp. Tôi có thể ngửi được cái mùi khen khét đặc thù nhiệt đới, và cả mùi mồ hôi đặc sùng không gian nóng bỏng, và mọi sự

phải trôi thật nhanh, người ta như không được phép nghỉ ở đây, nhưng, ướp vào mắt tôi những người con gái, những nàng thon thả, dù khuôn mặt họ - khác hẳn với những phụ nữ khát nắng xứ tôi - lấp sau những tấm khăn chống nắng, vẫn không che hết những khuôn mặt xinh đẹp của mình. Và bỗng nhiên tôi thấy một chiếc áo dài màu vàng, một chiếc dù cũng màu vàng trôi vào giữa giòng xe như bông hoa huệ phục sinh từ trời.² „

Cuốn sách dày hơn 500 trang này tiếng là một cuốn du ký về Việt nam, nhưng mỗi trang sách, mỗi chữ của tôi đều ẩn khuất nụ hoa vàng trôi giữa giòng người hôm ấy....,

“Thy này, cái anh nhà văn Na Uy viết những giòng này trong phần phi lộ cuốn sách thơ mộng như thế này đây, nhưng khi đọc tới đây, ba lại bức ghê! „

“Con đã đọc cuốn đó rồi. Con cũng bức lắm. Thế hệ trẻ người Tây Phương tới giờ vẫn chưa thoát khỏi cái nhìn đầy thiên vị của thế hệ cha mẹ họ. Bạn con có nhiều đứa như thế. „

“Ba bức mình vì một số trang sách về Sài Gòn mà anh ta, rõ ràng bị những tay buôn máu người còn gian xảo gấp trăm lần những nhân vật gian xảo, gian xảo tới mức điển hình, lừa mới viết ra như vậy, và còn bức hơn nữa cái giọng khinh khinh cha chú của anh ta về một con gái Sài Gòn đã cho - theo lời anh ta - những đêm nồng nàn mùi hương nhiệt đới! Anh ta ngoằng ngoèo những phân tích tình yêu, bằng những chữ nghĩa con nhà giàu lắm của, nhiều sách. Chỉ nói về một người con gái thôi, nhưng người đọc thấy là anh ta dè bieu mọi người con gái Sài Gòn, dè bieu luôn cả dân Việt: Cái dân Việt Nam màu mè cho lắm, cuối cùng cũng chỉ là một con diêm rẻ tiền, mà còn bày đặt son phấn văn hóa với lại văn minh.,,

Ngày xưa, ngày xưa, mà ngày nào cũng vậy, tình vẫn theo tình, lửa theo lửa. Những tà áo nguyệt bạch, những con chim đậu tiếng hót trong lồng ngực, những con chim khôn khổ của muôn đời. Nó ngửa cổ mà chẳng dám hát, nó mang theo cả một trái tim, một bụng lửa mà đi giữa cuộc đời, mà cuộc đời của những năm ấy, thập niên 70, có biết bao nhiêu vàng trắng trôi, những nụ hoa hồng đài các, những đóa sen từ tâm, những cúc vàng hoàng hậu, nằm từ lâu đâu đó trong lòng đất Việt, nay nở bung mùa hoa phố thị, và những thâm lặng, băng khuâng rất dịu dàng nơi những tà áo, mái tóc đậm hương trái chín, cùng sương khói đôi tay trù quyền giữa thành phố Sài Gòn quanh năm nắng phượng vĩ. Một điều gì đó rất dịu dàng giữa Sài Gòn bức bối, một cái gì đó vẫn ung dung như muôn tầng lá xanh hai mùa mưa nắng trên cao. Mạch của núi rừng vẫn chảy trong lòng người dân phố. Những vương sơn, nơi ấy vẫn còn là nơi đề nhớ một triền đồi cỏ biếc, một thảm cỏ ven rừng, rừng nguyên khai một thửa rất xa xưa mà cũng rất đời xa xăm. Những nàng con gái Việt giữa Sài Gòn vẫn còn độ lượng với những ý lá, vẫn còn ngơ ngẩn vì nét mây bay. Tuổi hồng che lá xanh, tuổi xanh đeo hoa xuống phố. Thửa ấy, môi son vẫn còn chật vật, chưa chiếm được nhiều những làn môi trinh trắng, những nụ cười vẫn chưa nhiều hậu ý, mà nụ hôn vẫn đeo quánh mạch nha giữa đêm nồng nàn mặt trời đen. Tiếng súng vẫn đêm đêm vọng về, tin tức chiến sự máu nhòa trang báo, tờ bích chương, nhưng nụ cười vẫn phượng vĩ, và ý vẫn tơ vương. Tơ ấy là trời thu xanh ngắt mấy tầng cao, dù chỉ là xanh ngắt của xứ Bắc, của áo mơ phai dệt lá vàng, của tiếng ngỗng trên không, ngỗng nước nào, lại còn của tiếng cối xay gió cánh to, Sorrento hương cam giữa hoàng hôn bảng lảng, Paris mắt biếc từ tâm, những tường vọng người nhàn, hoa quế rụng. Đêm lặng, núi xuân im. Trăng mọc, hoàng chim núi. Suối xuân đôi tiếng chim³..., và những Động Thiếu Thất, những Hương Xa, Mùa Hạ Đỏ Có Chàng Tới Hời, những Tự do Đầu tiên và Cuối cùng, Bàn về Hiện sinh... Các nàng cứ lơ mơ mà qua cuộc chiến với nỗi vui, tình buồn, với những miền rong chơi khoáng đãng đó, những vũng xanh tối tối sách đèn, ngỡ như thời hoàng kim nào ở một nơi nào đó trên trái đất. Chưa hết, cả những giải khăn xô, bại tướng cụt chân, những kỷ vật viên đạn đồng đen, da thơm vết máu loang dần, tất cả, hình như tất cả những cái ấy lại, lạ lùng chưa, làm má vốn ngoan, môi đã ngọt, mắt đã nồng, thêm ân cần ý vị hiến dâng. Chiến tranh đã đến ngoài ngõ vào thành phố, các nàng vẫn nở hoa, nhưng trong đôi mắt bắt đầu có những tiếng chim hoang hót không vì trăng mọc, nhưng vì cơn bão tố sắp đến. Những nàng thiếu nữ ấy e chùng rồi tắt đi như tiếng chim, như tia nắng bị mây đen bức tử. Và tan đi như phù du, mà phù du trong chiến tranh lại là phù du trên mọi thứ phù du; ai mà biết được về đâu.

Thy quá mệt mỏi không muốn đi đâu, chỉ muốn ở nhà nằm nghỉ, bảo ba cứ đi xem: “Ba cứ lên chùa Non Nước đọc câu đối, đọc hoành phi thỏa thích. Con khoẻ con đi xuống phố xem loanh quanh cũng được.,,

“Con lo cho ba còn hơn mẹ con nữa.,,

“Thông cảm cho mẹ đi ba, mẹ người Tây mà ba. Mẹ chịu nghèo, bớt đòi hỏi mà ở với ba như vậy là quá đặc biệt rồi.,,

“Ừ.,,

Dọc đường từ trung tâm thành phố Đà Nẵng đến chùa Non Nước, Văn thấy có khá nhiều nhà trọ không được khang trang cho lắm mà tên thật đẹp: Diễm Hằng, Mây Nước, Dạ Khúc, Phù Dung... Văn hỏi mấy nhà trọ là sao vậy, và được anh xe ôm trả lời: Đó là những nơi cho trai gái thuê để tình tự, cho thuê giờ, và cũng có cái là nơi hành nghề của “chị em ta.,,

“Anh cho tôi xuống đây.,,

“Xuống đây, rồi có lên Non Nước nữa không ông thầy?.,,

“Không, nhưng tôi trả anh đủ số tiền như lên Non Nước.,,

“Cảm ơn ông thầy, nhưng cỡ như ông thầy mà vào chỉ những chỗ này. Có nhiều chỗ bảnh hơn.,,

Văn không nói, đi thẳng vào quán có bảng hiệu Quế Hoa.

Người tiếp Văn là một thiếu phụ đã đứng tuổi, tóc điểm những sợi bạc, da mặt trắng khô khan, mệt mỏi, chỉ còn đôi mắt còn xanh, màu xanh của những bầu trời đêm hè huyền hoặc gợi miền sâu thẳm.

.....

“Mắt bà làm tôi nhớ bầu trời đêm hè nơi tôi đang ở?.,,

Người thiếu phụ tươi lên:

“Anh nói chuyện như một nhà thơ. Vậy thì đêm hè nơi ấy chắc ừ ừ lắm!., Và mỉm cười. ”Mà, thưa ông, ông về chơi lâu không?.,,

“Tính ghé đây mấy ngày để ngửi mùi quế trong không gian, nhưng vẫn chưa tìm ra. Đi qua đây, chợt thấy cái bảng hiệu Quế Hoa, ghé lại cầu may....,,

“Và ông đã thất vọng?.,,

“Không hẳn như thế.,,

“Là sao?.,,

“Đã ba chục năm nay, tôi lại được ngồi nói chuyện lơ mơ.,,

“Ở vùng đất Chiêm Hời này vẫn còn sót lại nhiều kẻ thích nói chuyện lơ mơ đó, thưa ông.,,

“Bà có biết không: Sau biết bao nhiêu biến cố dồn dập, những tàn nhẫn táng tận lương tâm, những hô hào lên lớp dai dẳng, thế mà, hôm nay, nửa đời người qua đây, tình cờ qua đây, tôi bỗng nhớ biết bao về những ngày nhàn nhạt mà đáng sống của mình ngày trước? Tự dung tôi không muốn theo gót du khách lên chùa Non Nước, hay ra Hội An nữa, tôi vào đây. Như có lần, lâu lắm rồi, bà có biết không, dù không tiền, trên đường về Sài Gòn sau khi được thả, tôi ghé đại qua vùng này để biết đâu ngửi được mùi hoa quế đã ám ảnh tôi suốt những năm tù? Anh bạn tù của tôi, người vùng này, nói là bây giờ không làm gì còn quế, nhưng tôi vẫn cứ ghé xuống. Mùi hoa quế trong một câu thơ của một bài thơ tình-không tôi đọc những ngày còn đi học cứ theo tôi suốt. Có những câu thơ dọa đầy kiếp người, nhưng cũng có những câu thơ nuôi sống cả một đời người.,,

Người thiếu phụ ứa nước mắt:

“Tôi cũng đã có lúc lơ mơ như anh, nhưng hồi ấy tôi còn bị mê hoặc bởi nhiều chuyện xem ra sáng giá hơn. Tôi mê “nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng.,, tôi ăn cháo lú trong những máng “nói với tuổi hai mươi.,, những “sáng nay thức dậy, nghe tin em gục ngã nơi chiến trường, đóa tường vi vẫn nở.,, Rồi tất cả những cái đó dẫn tôi đến chỗ “cùng anh em đứng lên cầm cao ngọn cờ.,, hồi nào không hay. Ôi, thời của những phù thủy, những đao phủ vô hình! Khi hồi thì đã muộn. Người ta hăm hờ bán nước, bán dân một lần, bây giờ lần này người ta lại bán thêm một lần nữa, cũng hăm hờ không kém. Giữa những sắt máu, gian trá cùng khắp trong suốt mấy chục năm qua như thế, tôi lại ước được sống lại những cái lần thần, những

nhàn nhạt, tưởng như vô hồn của ngày xưa ấy.,,

Thế rồi trên khuôn mặt người thiếu phụ, muôn ngàn đau khổ thoát hiện về, đau khổ hơn hết mọi khuôn mặt đau khổ của mọi nữ thánh, nữ thần nguyên chịu khổ đau cho chúng sinh, hơn cả Đức Mẹ Pietà ôm xác con mình chết toi tả vừa tháo trên thập giá xuống, hơn cả nữ thần Chàmunda biểu tượng cho mọi đau khổ: bệnh tật, chết chóc, đói khát, bỏ cặp, rắn hổ mà từ bao ngàn năm nay con dân Ấn phải nếm trải, mà vẫn hào hển dâng cho con cái mình dòng máu, giọt sữa cuối cùng.

Vẫn gục mặt đau đớn, và khi ngẩng lên, Văn không còn thấy người đàn bà đâu, chỉ nghe một giọng nói rất đôi ân cần từ sau tấm bình phong lụa vàng đã nhạt màu thời gian: “Anh về đi kẻo trời sắp tối.,,

Văn về khách sạn, con còn ngủ; nhưng rồi Thy nhướng mắt, ngái ngủ:

“Con mua vé được vé tàu đi Hà Nội rồi đó ba! Mai xem xong Hội An, lên tàu là vừa.,,

“Cảm ơn con. Ngủ ngon đi con.,,

Vòng vào, khi từ Hà Nội vào đến ga Đà Nẵng, hai người lại nghỉ một đêm ở đó. Tính Thy, vốn sinh ra ở Na Uy, không có được cái “tế nhị,, người mình: chỉ cũng hỏi, và Thy chủ trương phải sửa soạn tới mức tối hảo mọi chuyện. Có lẽ chính vì vậy, tối đó trước khi ngủ, Thy xuống quây tiếp tân, hỏi thăm về cái làng hai cha con ngày mai sẽ đi xem, vì Thy cho rằng cái ông tiếp tân già, mà nói tiếng Pháp rất giỏi, xem ra là người trí thức, có thể biết nhiều về ngôi làng đó. Quả nhiên, sau những nhận xét của Thy và Văn về nét kiến trúc rất đặc thù của những ngôi mộ chỉ có người Việt vùng Quảng Nam Đà Nẵng mới có, ông ta nói như reo:

“Anh và cô nhận xét đúng. Và ở đó cũng có nhiều ngôi mộ người Minh Hương, thế kỷ đầu vẫn còn loè loẹt kiểu Tàu, nhưng về sau lại chịu ảnh hưởng rất nhiều lối kiến trúc mộ người địa phương.,,

Khi Thy và Văn đến làng, trời đã trưa. Người người lặng lẽ trên những thửa đất chia tùn mùn, mà họ chăm sóc tỉ mỉ như chăm sóc vườn cảnh, không một tác nào bỏ hoang. Hai người tính ra xem những ngôi mộ giữa đồng, mà họ chỉ thấy thoáng qua khung cửa sổ xe lửa, nhưng vì trên đường ra đó lại có một ngôi chùa của người Minh Hương, Văn đề nghị vào xem trước, nhân thể xem mấy câu đối mà mỗi lần đi đâu gặp chùa nào, Văn cũng phải xem cho được. Chùa xây cách đây gần hai trăm năm, trầm lắng, dung dị, như chùa Việt. Cạnh chùa là một con kênh nhỏ, nước chảy lờ thờ. Khi đi ra sau chùa, Văn thấy đằng góc phía tây vườn chùa thanh vắng một ngôi mộ nằm đó như sỏi đá vu vơ, nhưng, không vu vơ chút nào, cạnh mộ, một bụi hoa chuối lá to tím sẫm, và hoa, những cánh không đều, đỏ rực phóng lên hào phóng như những nét cọ phóng túng của người nghệ sĩ tài hoa. Thấy khách vào, một ni cô - kiểu của Phạm Thiên Thư : Tóc em rừng ngát hương say Tay em dài nụ hoa lay dáng ngà Mất xanh bản nguyện Di đà Bước trầm hương nhẹ lẫn tà dương chim - đậu từ trong chùa ra chào hai người. Thy nhanh nhẩu:

“Thưa cô, mộ đằng kia là mộ của ai vậy cô?.,

“Tôi cũng không rõ là ai. Sau khi thầy trụ trì bỏ đi đã lâu, tôi mới đến đây. Nhưng tôi nghe mấy người hay đến lễ chùa bảo là mộ của một người con gái. Họ kể: Một sáng ngày rằm có người lên chùa sớm thì thấy cô gái nằm chết ngay dưới cội cây tự lúc nào, mà lạ, lại bị ong rừng bu khắp người. Trụ trì lên, thì ai cũng bảo là cổ bị ong cắn chết. Khi vào báo cho thầy thì không thấy thầy đâu, hình như thầy đi họp với Mặt Trận Tổ Quốc. Tới nay thầy vẫn chưa trở lại chùa. Hồi đó, vì không dễ gì kiếm được một chỗ chôn, nơi mà ruộng đất quý như ở đây, mấy người Minh Hương trong hội thấy thế vừa thấy tội nghiệp vừa cho là chết như vậy là chết linh hiển, nên mới an táng cô ta ngay chỗ cô ta nằm chết. Vì không biết cô gái tên gì, nên khi dựng bia, chỉ ghi là Vô Danh Thị chi mộ. Ông và cô ra xem cho biết.,,

“Vâng.,,

“Văn chưa hết, khi hun khói để xua đám ong đi, người ta mới thấy cô gái áo quần xộc xệch, bị xé rách - Nam mô A di đà Phật - như bị ai đó hiếp rồi quăng vào chùa phi tang, còn thân thể thì tím bầm và xẹp xuống như thể bị ong hút hết tinh thể, thế rồi hiện ra một con ong chúa to bằng ngón tay trỏ, vàng óng, giống như hình nhân, đưa cả bầy ong bay lên kết ổ ngay trên cây

đó. Rồi bay đi và cứ đến ngày rằm lại đến cây kết tổ. Mùi mật ong bay thơm cả chùa ra cả ngoài xóm trong trắng. Mấy cụ già nói đấy là mùi hoa quế mà thừa xa xưa, khi còn nhỏ các cụ đã ngửi thấy những ngày theo cha mẹ vào vùng này dựng nghiệp,,
“Bữa nay cũng là ngày rằm sao không thấy gì cả, hờ cô?,,
“Nam mô A di đà Phật, mọi sự đều vô thường.,,
Khi ra tới cổng chùa, Thy hỏi:
“Tại sao mọi sự đều vô thường là sao ba?,,
“Trường hợp này, ba không tin là như vậy?,,

Oslo, 2 IV 05

Chú thích:

1Thơ Đặng Thị Quế Phượng, bài Thư Về Ban Mê Thuột.

2Hoa daffodil, loại hoa màu vàng rực, hình chuông chùa, nở vào dịp Lễ Phục Sinh, tháng Ba.

3Đây là bài thơ Điều Minh Giản (Suối Có Chim Kêu, NVT dịch) của Vương Duy, đời Đường: Nhân nhàn, quế hoa lạc. Dạ tĩnh, xuân sơn không. Nguyệt xuất, kinh sơn điều. Thời minh xuân giản trung. Ngoài ra ông còn có bài Tân Di Ổ: Mộc mạc, phù dung hoa Sơn trung phát hồng ngạc, Giản hộ tịch vô nhân Phân phân khai thả lạc/ Hóc núi Tân Di: Ngọn cây, hoa phù dung Giữa núi nẩy cuống đỏ, Quạnh quẽ cổng bên khe, Bời bời rụng và nở. (Giản Chi dịch). Hai bài thơ này là hai bài thơ song đôi, được Đỗ Tùng Bách xếp vào loại Thơ Có Vị Thiền (Thiền Thú Thi), và Hồ Ứng Lân đời Minh, trong cuốn phê bình thơ có tên là Thi Tẩu, viết như sau: “Đọc hai bài thơ này bỗng quên cả thân thế, muôn vọng niệm đều lặng. Không ngờ trong thi ca lại có được những lời vi diệu như thế.,, (Theo Thơ Thiền Đường, Tổng của Đỗ Tùng Bách, Phước Đức dịch.)

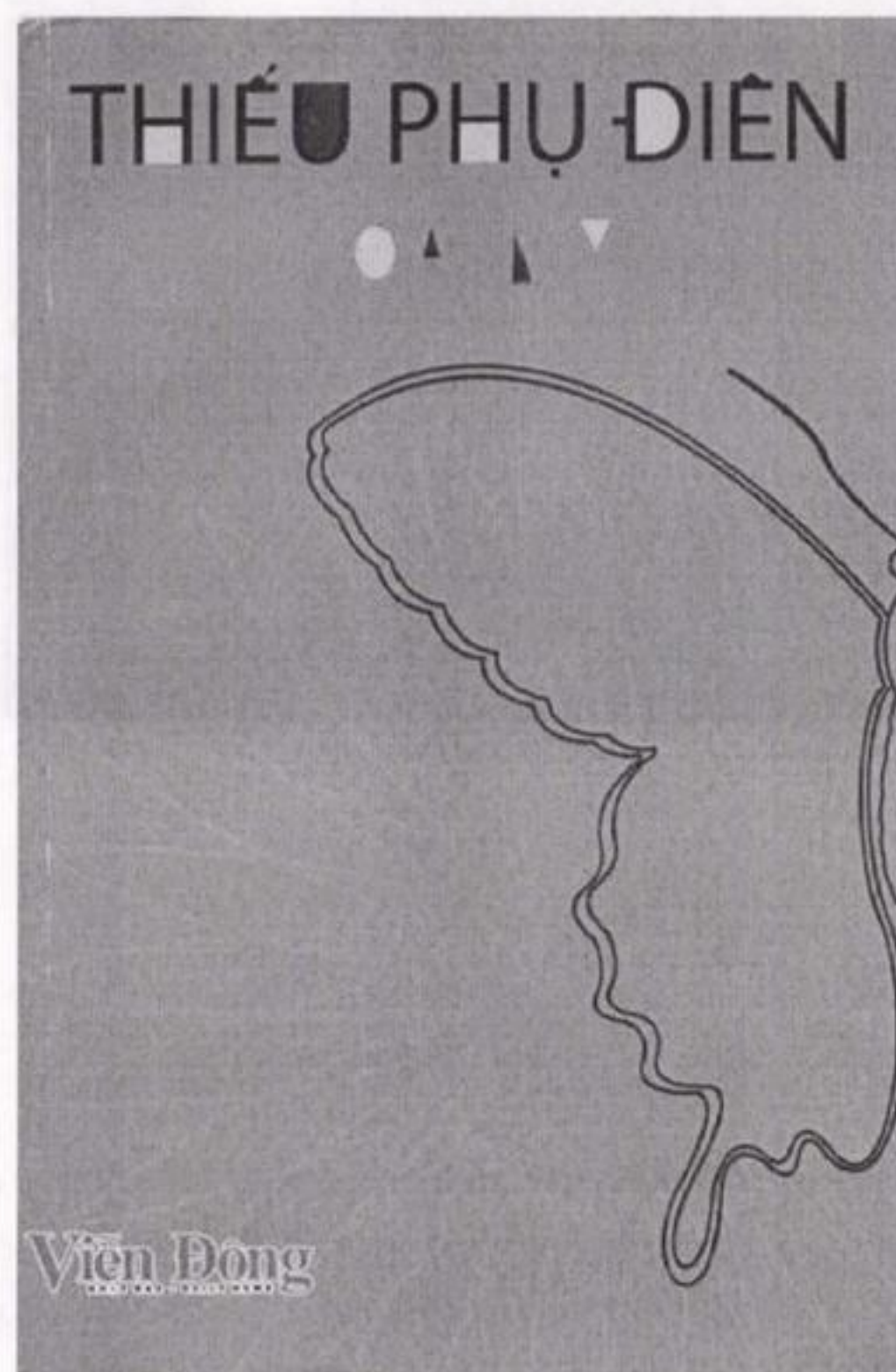
*Và một số câu, số từ ngữ của các văn, thi, nhạc sĩ khác được dùng trong bài văn, độc giả, nhất là độc giả V & Đ, sẽ nhận ra ngay là của ai, Thà xin được phép khỏi chú thích ra đây cho dài dòng.



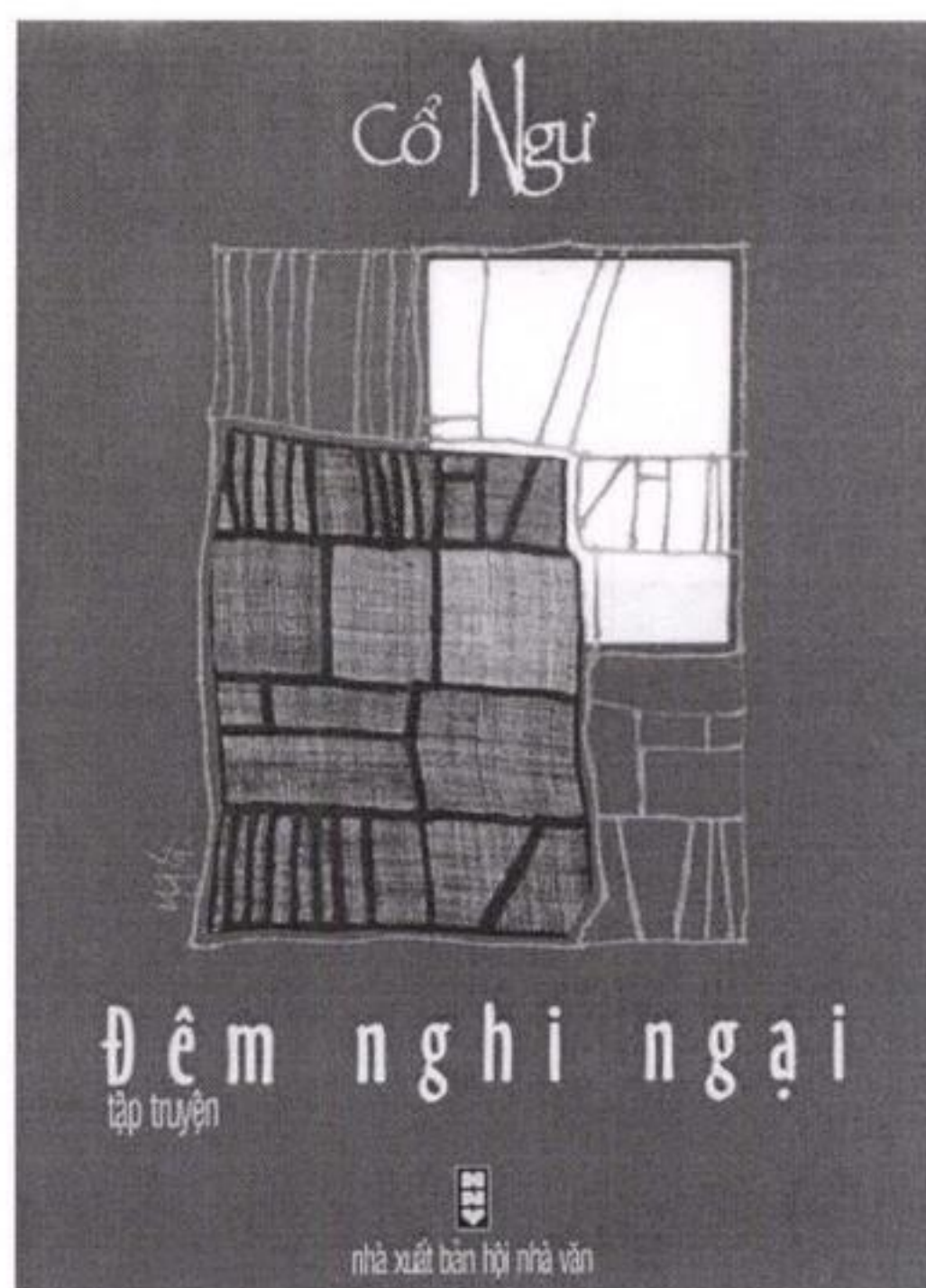
Liên lạc với nhau:

- Xin hai bạn H.K và Thiếu Nguyệt liên lạc với Ban Thực Hiện để nhận báo biểu.
- Và đồng thời nhắn tin chung đến các bạn gởi bài cho Viết& Đọc xin vui lòng kèm theo địa chỉ để tiện liên lạc.

Sách mới phát hành



Thiếu Phu Diên, tập truyện ngắn của Hoài Mỹ gồm các truyện ngắn đã được đăng rải rác trên các tạp chí, đặc biệt Viết&Đọc ở Na-uy, cùng với một số những sáng tác mới vừa được nhà Viễn Đông phát hành hè vừa qua. Chúng tôi trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc hâm mộ.



Đôi lời giới thiệu

Có thể, đối với Cổ Ngự, viết như một nhu cầu của đời sống và mong muốn được những người chung quanh đồng cảm, chia sẻ nỗi bức xúc, dằn vặt, âu lo, cũng như niềm hy vọng, hân hoan, tin yêu vào cuộc sống. Cổ Ngự vẫn tha thiết và miệt mài viết bằng tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ, bởi vì trong cuộc sống hằng ngày, có những khoảng thời gian dài, có khi cả tuần lễ, anh đã không hề trao đổi với ai một câu tiếng Việt vì chung quanh anh, môi trường giao tiếp, trong công sở không có mấy người đồng ngôn ngữ ruột thịt.

Những truyện ngắn đầu tay được Cổ Ngự sáng tác bắt đầu xuất hiện vào những năm 90 thế kỷ trước trên nhiều tạp chí văn chương ở hải ngoại, trên nhiều tờ báo liên mạng, cũng như trên nhiều trang web của người Việt. Viết văn, làm thơ vẫn luôn là đam mê, nhưng không bao giờ là nghề mưu sinh đối với Cổ Ngự cả.

Cổ Ngự vẫn mong muốn được in sách trong nước, đặc

biệt trong thời gian gần đây, khi anh được đại diện cho một công ty tin học của Pháp về Việt Nam tiến hành thực hiện một số dự án mới. Đối với anh, đó là một cách về nguồn, đồng thời, cũng nằm trong niềm mong mỏi của anh, là được thấy người Việt ở khắp nơi trên thế giới ngày một cảm thông với nhau hơn, và giữa nền văn học quốc nội với hải ngoại sẽ có một sự giao lưu tối đẹp, mạnh mẽ, bền bỉ, bổ sung và cùng nhau phát triển.

Hiện nay, trong văn chương thế giới, cách thể hiện một tác phẩm ngày càng trở nên phong phú, đa dạng. Lối viết kể chuyện chương hồi, ngọn ngành đầu đũa vẫn tồn tại, nhưng bên cạnh đó, cấu trúc các truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn đã có nhiều thay đổi, thí dụ như có sự đan xen giữa hành động và suy tưởng, giữa quá khứ, hiện tại và cả tương lai, giữa hiện thực và huyền mộng, giữa người và vật... Các kỹ thuật cắt-dán, chồng-lấp, thỉnh-thị, thậm chí cả khứu, vị và xúc giác cũng đã có được thử nghiệm. Biên giới giữa các thể loại bị xóa nhòa dần: một bài nghị luận chính trị được viết dưới dạng ngụ ngôn cho thiếu nhi hoặc một đoạn truyện ngắn, khi đọc lên, mang đầy đủ âm điệu một bài thơ. Hay, nhiều nhân vật TÔI cùng lúc xuất hiện, buộc người đọc phải động não, xem TÔI này là... ai!

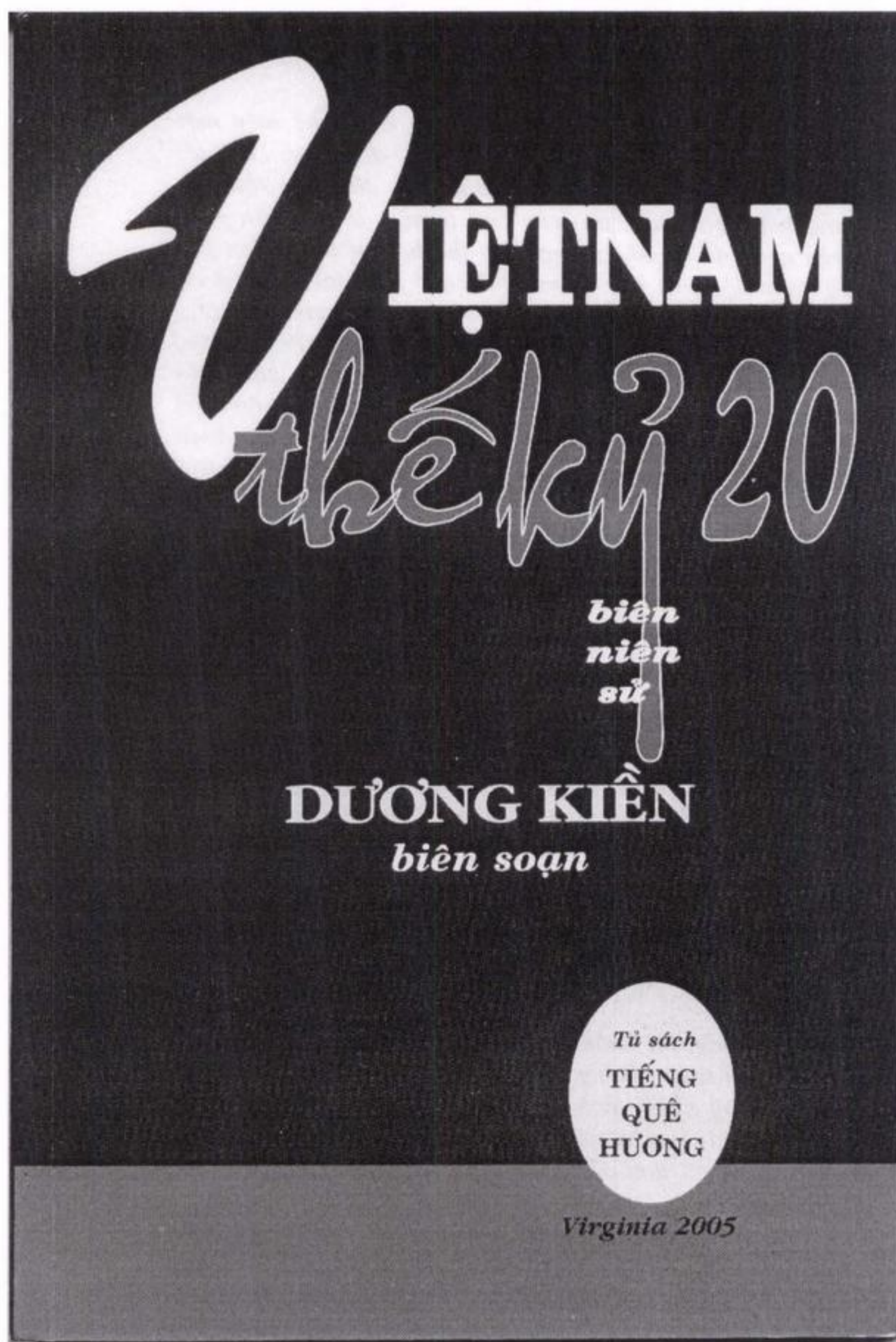
Có thể từ đó, không chỉ trong tập truyện Đêm Nghi Ngại đang ở trên tay bạn, mà hầu hết ở các sáng tác của mình, Cổ Ngự đã cố gắng, tìm cách áp dụng có chọn lọc nhiều hình thức dựng truyện khác nhau để chuyển chở nội dung

muốn trình bày với bạn đọc. Đôi khi, cũng không thể tách rời nội dung và hình thức ra được, vì, đến một lúc nào đó, chúng cuộn bện và kết dính lại với nhau thành một khối duy nhất. Đó cũng là một cách để người viết tự làm mới, thoát khỏi cái lặp lại nhàm chán, đồng thời, để mời người đọc, nhất là người đọc Việt Nam, tham dự vào việc khám phá những cấu trúc đa chiều, đa tầng, không quá lắt léo mê lộ, bàn cờ, nhưng cũng không còn phẳng lì mặt ao, đọc vài dòng đầu, đã có thể đoán trước ngay được kết cuộc của câu chuyện.

Về nội dung, tôi không chỉ muốn nói tới nỗ lực kiếm tìm, đào xới tiềm thức, những ám ảnh liên tục mà còn muốn nói đến khả năng nhân cách hóa, sinh động hóa những sự vật, những hình ảnh trừu tượng, vùng bóng tối đang vẫy vẫy, phản ánh sự cô đơn đến cùng cực cái bi thương của thân phận người.

Trong chừng mực hay cách thể nào đó, tập truyện ngắn Đêm Nghi Ngại của Cổ Ngự, với chúng ta, là một đóng góp thật sự. Nó không chỉ mở ra một không gian mới, đồng thời còn gợi những suy nghĩ, những thách thức trong tâm hồn chúng ta.

SÂM THƯƠNG



Lời Nói Đầu

VIỆT NAM, THẾ KỶ 20 được biên soạn theo phương thức biên niên sử, tóm tắt các sự kiện quan trọng về lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội tại Việt Nam trong 100 năm qua.

Thế kỷ 20 có lẽ là một thế kỷ cho đến nay để lại nhiều tự hào và đau thương nhất cho dân tộc, với rất nhiều khẳng định lẫn hoài nghi. Vẫn còn nhiều thế hệ người Việt bước vào thế kỷ 21 mang dấu tích các biến động của thế kỷ trước, và khó lòng để tâm hồn thanh thản nhìn lại các sự kiện có chính mình trong đó, với mất mát có, thành công có, thất bại có, tủi nhục có.

Chính vì thế nhiều sự kiện bị vùi lấp không phải bởi thời gian mà bởi chính con người. Nhưng lịch sử vẫn là lịch sử, vấn đề là khởi sự đi tìm.

Cuốn sách nhỏ này chỉ là một khởi sự, một phác thảo mà lẽ ra nó chưa nên ấn hành vì còn quá đơn giản, nhiều thiếu sót và sai lầm. Con đường ngắn nhất để bổ sung, sửa chữa là nhận được sự phê phán rộng rãi, đó là lý do nó ra đời, trông mong vào sự rộng lượng của độc giả để có cơ hội nhận được sự phê phán.

Con đường tuy còn dài nhưng nếu có nhiều người đồng hành, chúng ta tin rằng chúng ta sẽ đến được với lịch sử như là chính lịch sử.

Tháng 6 năm 2005

TÁC GIẢ

VIỆTNAM THẾKỶ 20 • 7

PHAN THỊ NGÔN NGỮ



TẠ TÌNH KHÚC

Thơ

CỘI NGUỒN 

TỰA

MẸ VÀ KỶ NIỆM TRONG THƠ PHAN THỊ NGÔN NGỮ

Tháng Bảy lại về. Những đêm trăng tròn tháng Bảy, khi còn ở chùa Viên Giác, tôi thường ngồi một mình dưới hiên chùa và nghĩ đến mẹ, người đã mang tôi đến cuộc đời này. Tôi trốn tránh thực tế đau lòng và che dấu mặc cảm mồ côi bằng mơ mộng. Khi nhìn ánh trăng soi trên sông Thu Bồn tôi mơ đến khuôn mặt dịu dàng của mẹ, nhìn áng mây bay trên nền trời tôi mơ dòng sữa mẹ, nhìn những vì sao trên dải thiên hà bát ngát tôi mơ về đôi mắt hiền từ của mẹ. Nói chung, hình ảnh nào đẹp nhất, tinh khiết nhất, thiêng liêng nhất đều được tôi nhân cách hóa nên hình ảnh mẹ. Vẻ đẹp của mẹ không những tuyệt vời mà còn tuyệt đối. Lớn lên tôi tập làm thơ và những bài thơ đầu tiên của tôi cũng là thơ về mẹ.

Người ta thường nói, tình yêu muôn đời vẫn là nguồn sáng tạo không bao giờ ngừng chảy trong tâm hồn người nghệ sĩ, và trong những mối tình đó, tình yêu dành cho mẹ là nguồn sáng tác hấp dẫn và phong phú nhất. Tại sao? Bởi vì mẹ không chỉ là hình ảnh đẹp, thiêng liêng, gần gũi, thân thương mà còn giản dị. Đối với các nhạc sĩ, chỉ riêng âm tiết "mẹ ơi" thôi, nhiều khi có thể tạo nên cả dòng suối nhạc. Đối với các họa sĩ, những nét vẽ về mẹ, giống như tấm lòng của mẹ, thường không cầu kỳ nhưng vô cùng tuyệt mỹ. Trong thế giới thi ca cũng thế, thơ hay về mẹ nhiều không kể hết. Và trong khu vườn thơ ngào ngạt hương thơm dành riêng cho tình mẫu tử, một bài thơ đã làm cho tôi xúc động và tôi tin sẽ làm quý vị xúc động, đó là bài "Xa mẹ rồi con sẽ về đâu" của nhà thơ Phan Thị Ngôn Ngữ. Tôi xin chép nguyên văn ra đây để chúng ta cùng thưởng thức:

Dáng mẹ gầy thấp thoáng buổi hoàng hôn
Tóc mẹ trắng chia đường trăm lối rẽ

TẠ TÌNH KHÚC ♦ 7

TRONG CHA CÒN ĐÓ NỖI BUỒN

Nhớ bữa cha về thay áo trận
Đôi hàng nước mắt chớm rưng rưng
Tay run lăn cởi rời bao súng
Cay đắng làm sao - chẳng dạng dừng.

Nón sắt – giày sắt... đã một thời
Theo cha từ lúc tuổi đôi mươi
Bốn vùng chiến thuật chưa chùn bước
Gang tấc cũng đành tan rã thôi

Lòng cổ mừng vui hết chiến tranh
Hòa bình - sao nước mắt vòng quanh
Ai chôn đất nước ngày tang hải
Cha lịm hồn cha dưới bóng mình.

Tay cuốc tay cày đám ruộng thừa
Chân gầy đạp đất - đội đầu mưa
Vườn hoang vỡ mảnh – tàn mơ cũ
Đắp lại bờ mương - lệ chảy ròng.

Nay đứng mai ngồi với núi sông
Đêm đêm chim quốc giục bên đồng
Giả sơn xẻ ngọn - đau lòng nước
Thủy tụ khơi dòng - xót dạ non.

Qua bao giông bão đời oan nghiệt
Cha đã hao mòn với tháng năm
Chôn xuống - đào lên manh áo trận
Chiều chiều bên giậu đứng nhìn câm.

Nghe nặng tình quê mấy nỗi buồn
Những đồng đội cũ - giạt muôn phương
Quê hương vá mả chưa lành sẹo
Cha xót lòng ... đau một vết thương !

(Tạ Tinh Khúc trang 25 và 26)

(đêm Lhasa tiếp theo)

Từ đó, mỗi lần đi đâu mà biết trước sẽ có bác, tôi chú ý hình thức của mình hơn.

- Con viết được gì đưa bác đọc, bác góp ý cho.

Bác nói ba lần, lần nào tôi cũng dạ dạ cười trừ. Tôi ngại. Ngại lắm thầy nhiều cha.

Tôi chờ đến lúc bác không rầy la ai được nữa, mới dám thú thật ngại ngần này. Tôi nói không thành tiếng, khi bác sỹ đã cho rút hết các ống tiếp khí, tiếp huyết để bệnh nhân rộng đường ra đi.

- Một mình buồn, đến hai bác ăn cơm.

Một mình buồn thật, nhưng tôi chưa đến hai bác ăn cơm. Tôi ngại (lại ngại) bày buồn tôi ra.

Hôm tôi gặp ân nhân trên chùa Sư Muôn ở Hàm Ninh, ông bảo con người ta ai cũng có nỗi khổ, gặp nhau rán dẹp đi buồn mình để đón người với nụ cười cho đôi bên cùng có lợi.

Đúng quá! Cho nên nhắm cười chưa nổi, tôi nhất định ở nhà trùm mền.

- Con phải đi xem Mùa Len Trâu đi.

Bác gọi điện hỏi, rộn rã, hoan hi, kêu gọi như thể Mùa Len Trâu chính là tác phẩm của bác.

Rồi bác say sưa nhắc Mùa Ôi, Mùi Đu Đủ Xanh, Mê Thảo. Tôi cứ ngỡ đang tiếp chuyện một thanh niên hai mươi nồng nhiệt, cường tráng, tràn trề sinh lực, tha thiết yêu đời chứ không phải với bác Hà vừa trở về nhà sau đợt hóa trị cam go nhất, cả thuốc lẫn liều đều thuộc loại Cobaye - với sự đồng thuận cái rụp của bác.

Cho tôi về nhà. Nhà tôi thương tôi. Nhà tôi chăm sóc tôi tốt lắm.

Tình giữa những cơn mê, bác nói vậy với bác sỹ để phản đối lời đề nghị đưa bác vào nhà nghỉ, tức nhà chờ, tức trạm dừng cuối cùng.

Nắm mắt lại thấy nhiều người chết quá, người này vẫy gọi người khác!

Tình giữa những cơn mê, bác than vậy và thềm cơm cá kho.

Đốt rồi rải đâu cũng được. Đứa nào về kịp hấp hối thì về, không kịp thì dự đám tang, không kịp nữa thì cúng thất. Không cần câu nệ.

Tình giữa những cơn mê, bác trời vậy với «Tâm ơi».

Tôi biết cái thần trong đôi mắt bác Hà khi còn sống đã cho Tâm của bác sự bình thản tuyệt vời khi kể lại cho chúng tôi nghe những chập chờn ngàn cân treo chỉ.

Chan chút nước phở vô cháo. Người sắp chết thềm nghe mùi phở.

Tới nước này rồi, còn ăn được sao bác?

Không. Đâu nuốt nổi nữa, ngủi thôi. Ngủi được mùi phở, mùi hủ tiếu trước khi chết sẽ yên bụng ra đi.

Tôi lặng người. Bác Tâm không khóc. Má bác nhô cao, vai rút, mắt quầng, nhưng miệng vẫn cười. Bác nắm tay bác Hà, hỏi đi tới đâu rồi.

Để tôi hát bạn nghe về một cái chấm nhỏ

Đi lang thang, vũ trụ muôn trùng

Rồi cũng sẽ có ngày gặp gỡ

Tiếp tục

Vô cùng

Paris, tuần lễ giữa một ngày sinh và một ngày chết, 2005.

Lời Lhasa, 12 bài, dịch để cảm ơn bạn bè, sẻ với bạn đời, và tặng người cần một que diêm.

Mạch Nha

Lá thu buồn

♩ = 76

Nhạc & lời: Trần Thụy Minh

Buồn! Chiều thu vắng em yêu. Đau! Minh anh trên
 Tỉnh! Cuộc đời tháng năm qua. Tỉnh! Đường xưa chung
 phố bước liêu tiếu. Lạnh! Cây cảnh trơ lá.
 Nhạc! Cành lạc xa vắng
 1. Gió! Vang lời thiết tha... 2. Phím! Ra lời hư
 không. Vắng lá thu sầu úa trên tường. Làn
 vắng em lạnh bước đến tường. Lang thang nhịp bước nước trôi buồn
 vấn vương. Hết mùa 3 rồi đông nồm mùa như thường.
 Nhật! Kỷ niệm kết câu thơ. Tỉnh! Còn đâu ân
 ái mặn nồng. Lòng! Chết nghe bằng giá! 3
 Lạ! Thu buồn bơ vơ... Lòng! Chết nghe bằng
 giá! Lạ! Thu buồn bơ vơ...

"Ra lời hư không": Dựa một bài thơ của thi sĩ Phạm Ngọc.

Bergen, 06.8.2004



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Viết & Đọc thân chúc toàn thể các
thân hữu góp mặt trong tuyển tập
2006 và bạn đọc khắp nơi một năm
mới an khang thịnh vượng.